

Số: 30/2012/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 81/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về An ninh hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 51/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về An ninh hàng không dân dụng;

Căn cứ Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ ban hành phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an ninh hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ở nước ngoài nếu pháp luật của nước ngoài không có quy định khác.

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng tàu bay công vụ nhằm mục đích dân dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. API là thông tin trước về hành khách bao gồm thông tin về chuyến bay, thông tin về hành khách và tổ bay.

2. Bưu phẩm bao gồm thư, bưu thiếp, ấn phẩm, học phẩm cho người mù và gói nhỏ được nhận gửi, chuyển, phát theo quy định pháp luật về bưu chính.

3. Bưu kiện là vật phẩm, hàng hoá được nhận gửi, chuyển, phát theo quy định pháp luật về bưu chính.

4. Chuyến bay chuyên cơ là chuyến bay được sử dụng hoàn toàn riêng biệt hoặc kết hợp vận chuyển thương mại và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc thông báo theo quy định của pháp luật về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

5. Chuyến bay tạm dừng nội địa là chuyến bay vận chuyển hàng không thương mại nội địa, có điểm dừng tạm thời trong hành trình tại một sân bay.

6. Công cụ hỗ trợ gồm:

a) Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, la-de, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này;

b) Các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa;

c) Các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ;

d) Các loại dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, khoá số tám, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, lá chắn, mũ chống đạn;

đ) Động vật nghiệp vụ.

7. Công ước Chi-ca-gô là Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế ký tại Chi-ca-gô ngày 07 tháng 12 năm 1944.

8. Đồ vật phục vụ trên tàu bay là vật phẩm để hành khách, tổ bay sử dụng, bán trên tàu bay, trừ suất ăn; các vật phẩm phục vụ cho khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, gồm cả nhiên liệu và dầu mỡ.

9. Đồ vật không xác nhận được chủ là đồ vật tại cảng hàng không, sân bay nhưng không có căn cứ xác định được chủ của đồ vật đó.

10. Giám sát an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, trang thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

11. Giấy phép nhân viên an ninh hàng không là sự xác nhận chính thức của Cục Hàng không Việt Nam cho nhân viên an ninh hàng không có đủ năng lực cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo chức danh.

12. Hàng hoá là tài sản được chuyên chở bằng tàu bay trừ thư, bưu phẩm, bưu kiện, hành lý, đồ vật phục vụ trên tàu bay và suất ăn.

13. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa được vận chuyển tiếp nối trên hai chuyến bay khác nhau trở lên hoặc bằng hai loại hình vận chuyển khác nhau trở lên, trong đó có loại hình vận chuyển bằng đường hàng không.

14. Hành lý là tài sản của hành khách hoặc tổ bay được chuyên chở bằng tàu bay theo thoả thuận với người khai thác tàu bay.

15. Hành lý xách tay là hành lý được hành khách, thành viên tổ bay mang theo người lên tàu bay và do hành khách, thành viên tổ bay bảo quản trong quá trình vận chuyển.

16. Hành lý ký gửi là hành lý của hành khách, thành viên tổ bay được chuyên chở trong khoang hàng của tàu bay và do người vận chuyển bảo quản trong quá trình vận chuyển.

17. Hành lý không có người đi kèm là hành lý không được chuyên chở trên cùng một tàu bay với hành khách hoặc thành viên tổ bay.

18. Hành lý không có người nhận là hành lý đến một cảng hàng không, sân bay mà không được hành khách lấy đi hoặc không có hành khách nào nhận.

19. Hành lý không xác nhận được chủ là hành lý tại cảng hàng không, sân bay nhưng không có căn cứ xác nhận được chủ của hành lý đó.

20. Hành lý thất lạc là hành lý của hành khách hoặc tổ bay do sơ ý hay vô tình trong quá trình phục vụ bị thất lạc.

21. Hành khách, hành lý, hàng hóa quá cảnh là hành khách, hành lý, hàng hóa lên lại cùng một chuyến bay tại một cảng hàng không mà hành khách, hành lý, hàng hóa đã đến trước đó.

22. Hành khách, hành lý nối chuyến là hành khách, hành lý tham gia trực tiếp vào hai chuyến bay khác nhau trở lên trong một hành trình.

23. Hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng là hành vi có khả năng uy hiếp an toàn của hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm một trong các hành vi sau đây:

a) Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay đang bay;

b) Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay trên mặt đất;

c) Sử dụng tàu bay như một vũ khí;

d) Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và nơi có công trình, thiết bị hàng không dân dụng;

e) Cung cấp các thông tin sai đến mức uy hiếp an ninh, an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất hoặc an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay hoặc công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

g) Đe dọa bom là mối đe dọa nhận biết được dưới bất kỳ hình thức nào, có thể đúng hoặc sai, liên quan đến chất nổ hoặc vật liệu nổ mà có thể gây mất an ninh, an toàn cho tàu bay, cảng hàng không, sân bay hoặc công trình, trang bị, thiết bị hàng không khác.

h) Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và khu vực hạn chế khác trái pháp luật;

i) Cung cấp các thông tin sai đến mức uy hiếp an ninh, an toàn cho các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hoặc làm cho công tác điều hành bay bị rối loạn, ngưng trệ;

k) Các hành vi khác theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

24. Khu vực hàng hóa là toàn bộ khu vực mặt bằng để phục vụ hàng hóa gồm cả sân đỗ tàu bay, các tòa nhà và kho chứa hàng hóa, bãi đỗ của phương tiện.

25. Khu vực hạn chế là khu vực của cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra, vào, hoạt động tại đó phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không.

26. Khu vực cách ly hành khách là khu vực được xác định từ điểm kiểm tra soi chiếu hành khách đến cửa tàu bay.

27. Khu vực cách ly hàng hóa là các khu vực bao gồm kho hàng hóa, các khu vực phân loại, lưu giữ hàng hóa, bu rơm, bu rơm kiện mà mọi hàng hóa, bu rơm, bu rơm kiện, người, phương tiện ra, vào, hoạt động tại đó được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không.

28. Khu vực lưu giữ hành lý là nơi lưu giữ hành lý ký gửi chờ chuyển lên tàu bay, lưu giữ hành lý thất lạc hoặc hành lý không có người nhận.

29. Khu vực phân loại hành lý là khu vực mà hành lý gửi đi được phân loại để chất xếp lên các chuyến bay.

30. Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay là khu vực phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay; bao gồm sân đỗ tàu bay, công trình, nhà xưởng, bãi đỗ phương tiện và hệ thống đường giao thông nội bộ.

31. Kiểm tra an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp biện pháp soi chiếu, kiểm tra trực quan để nhận biết, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

32. Kiểm tra an ninh tàu bay là việc kiểm tra thông thường bên trong và bên ngoài của tàu bay trước mỗi chuyến bay nhằm phát hiện vũ khí, chất nổ hoặc vật phẩm nguy hiểm khác.

33. Kiểm tra trực quan là việc nhân viên an ninh hàng không trực tiếp sử dụng tay, mắt và các giác quan khác để kiểm tra người, phương tiện, đồ vật nhằm nhận biết và phát hiện vũ khí, chất nổ và các vật phẩm nguy hiểm khác.

34. Kiểm tra lý lịch là việc thẩm tra, xác minh nhân thân của một người để đánh giá sự thích hợp với vai trò nhân viên an ninh hàng không; cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần.

35. Lục soát an ninh tàu bay là việc kiểm tra tổng thể bên trong và ngoài tàu bay nhằm phát hiện vật nghi ngờ, vũ khí, chất nổ hoặc những dụng cụ, đồ vật, chất nguy hiểm khác.

36. Niêm phong an ninh là sự xác nhận hàng hóa, hành lý ký gửi, thư, bưu phẩm, bưu kiện và các phương tiện, đồ vật khác đã qua kiểm tra an ninh hàng không hoặc là sự xác nhận nguyên trạng trước khi đưa lên tàu bay hoặc đưa vào khu vực hạn chế.

37. Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp là phương án bao gồm các biện pháp, thủ tục cho các mức độ đe dọa khác nhau, đánh giá nguy cơ và các biện pháp an ninh hiệp đồng phối hợp được thực hiện; được trù liệu trước về vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng. Các biện pháp bảo đảm an ninh trong phương án khẩn nguy có thể tăng hoặc giảm theo mức độ đe dọa cụ thể. Phương án khẩn nguy có thể được xây dựng riêng rẽ hoặc là một phần của kế hoạch ứng phó khủng hoảng.

38. Sân bay là khu vực xác định được xây dựng để bảo đảm cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và di chuyển; bao gồm khu vực sân đỗ tàu bay, đường cất cánh, hạ cánh, đường lăn, lề bảo hiểm và các công trình, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động bay ở khu vực đó.

39. Sân đỗ tàu bay là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để xếp, trả hành khách, hành lý, thư, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa, tiếp nhiên liệu hoặc bảo dưỡng.

40. Sân đỗ biệt lập là khu vực trong sân bay dành cho tàu bay đỗ trong trường hợp bị can thiệp bất hợp pháp nhằm cách ly với các tàu bay khác và các công trình của cảng hàng không, sân bay kể cả các công trình, thiết bị ngầm dưới mặt đất để triển khai phương án khẩn nguy.

41. Suất ăn là đồ ăn, đồ uống, các dụng cụ sử dụng cho bữa ăn trên tàu bay.

42. Soi chiếu là việc áp dụng trang bị, thiết bị kỹ thuật, động vật hoặc biện pháp khác để nhận biết và phát hiện vũ khí, chất nổ hoặc vật phẩm nguy hiểm có thể được sử dụng để thực hiện một hành vi can thiệp bất hợp pháp.

43. Tài liệu của người khai thác tàu bay là tài liệu được người khai thác tàu bay sử dụng bao gồm vận đơn hàng không hoặc phiếu gửi hàng hóa, vé hành khách, thẻ lên tàu bay, tài liệu thanh toán với đại lý và ngân hàng; vé hành lý quá cước, các phiếu trả, thu tiền khác; các báo cáo hỏng hóc, bất thường; các nhãn hàng hóa, hành lý, lịch bay, tài liệu cân bằng trọng tải.

44. Tàu bay đang khai thác là tàu bay đang đỗ có sự giám sát đầy đủ nhằm phát hiện việc xâm nhập trái phép.

45. Tàu bay không khai thác là tàu bay đỗ trong khoảng thời gian trên 12 giờ hoặc không có sự giám sát đầy đủ để phát hiện việc xâm nhập tàu bay trái phép.

46. Tia X là một dạng của sóng điện từ, nó có bước sóng trong khoảng từ 0,01 đến 10 na-nô-mét tương ứng với dãy tần số từ 30 pe-ta-héc đến 30 e-xa-héc và năng lượng từ 120 eV đến 120 keV.

47. Thiết bị an ninh hàng không là thiết bị chuyên dụng được sử dụng nhằm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

48. Vật phẩm nguy hiểm là vũ khí, đạn dược, chất cháy, vật liệu nổ các loại, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khoẻ, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay.

49. Vũ khí bao gồm vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

a) Vũ khí quân dụng gồm:

- Súng cầm tay hạng nhỏ là vũ khí được thiết kế cho cá nhân sử dụng gồm súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự;

- Vũ khí hạng nhẹ gồm súng đại liên, súng cối dưới 100 mi-li-mét, súng ĐKZ, súng máy phòng không dưới 23 mi-li-mét, súng phóng lựu, tên lửa chống tăng cá nhân, tên lửa phòng không vác vai và các loại vũ khí hạng nhẹ khác có tính năng, tác dụng tương tự;

- Các loại bom, mìn, lựu đạn, đạn, ngư lôi, thuỷ lôi và hoả cụ;

- Vũ khí không thuộc danh mục vũ khí do Chính phủ ban hành nhưng có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

b) Vũ khí thể thao là súng và các loại vũ khí thô sơ dùng để luyện tập, thi đấu thể thao;

c) Súng săn là súng dùng để săn bắn gồm súng kíp, súng hơi và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự;

d) Vũ khí thô sơ gồm các loại dao găm, kiếm, giáo, mác, lưỡi lê, đinh ba, đao, mã tấu, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, côn.

50. ICAO là Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

Điều 4. Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không; Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, không lưu

1. Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không; Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, không lưu phải bảo đảm tính toàn diện, rõ ràng, chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định của Thông tư này.

2. Chương trình an ninh của các cảng hàng không quốc tế, hãng hàng không Việt Nam có vận chuyển hàng không quốc tế thường lệ, hãng hàng không nước ngoài khai thác thường lệ đến Việt Nam phải được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Đề cương Chương trình an ninh hàng không dân dụng cảng hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, Đề cương Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, Đề cương Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, Đề cương Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không; Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Người đề nghị phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của cảng hàng không, sân bay hoặc Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định, phê duyệt. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định ban hành Chương trình an ninh hàng không và Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc hãng hàng không Việt Nam.

2. Hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam thực hiện vận chuyển thường lệ đến và đi từ Việt Nam đề nghị chấp thuận Chương trình an ninh cho các chuyến bay đi, đến Việt Nam gửi 02 bộ hồ sơ (01 bộ bằng tiếng Việt Nam và 01 bộ bằng tiếng Anh) trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định, chấp thuận. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi hãng hàng không có trụ sở chính hoặc có địa điểm kinh doanh chính kèm theo Chương trình an ninh hàng không đã được phê duyệt.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu trình Cục Hàng không Việt Nam Quy chế an ninh hàng không dân dụng để thẩm định, phê duyệt. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu đề nghị phê duyệt Quy chế an ninh hàng không dân dụng phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định, phê duyệt. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định ban hành Quy chế an ninh hàng không dân dụng kèm theo Quy chế an ninh hàng không dân dụng.

4. Người đề nghị phê duyệt Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định, phê duyệt. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định ban hành Quy chế an ninh hàng không dân dụng của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không kèm theo Quy chế an ninh hàng không dân dụng.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định của người đề nghị thẩm định, phê duyệt hoặc chấp thuận Chương trình an ninh hàng không, Phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, Quy chế an ninh hàng không dân dụng, Cục Hàng không Việt Nam phải có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và ra Quyết định phê duyệt.

Người đề nghị phê duyệt Chương trình an ninh hàng không, Phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, Quy chế an ninh hàng không dân dụng nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tài liệu an ninh hàng không hạn chế và việc ban hành, quản lý, cung cấp, bổ sung, sửa đổi tài liệu an ninh hàng không

1. Tài liệu an ninh hàng không hạn chế bao gồm:

a) Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, Phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, Quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không;

b) Khuyến cáo, thông báo, kết luận thanh tra kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, xác minh về an ninh hàng không và hồ sơ các vụ việc vi phạm về an ninh hàng không;

c) Tài liệu về an ninh hàng không của ICAO hoặc do nước ngoài cung cấp được ICAO và phía nước ngoài xác định là tài liệu hạn chế.

2. Tài liệu an ninh hàng không hạn chế khi ban hành phải có danh mục nhận tài liệu. Việc cung cấp tài liệu cho đầu mối ngoài danh mục nhận tài liệu phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị lập biên bản giao nhận và ghi bổ sung vào danh mục nhận tài liệu.

3. Chương trình, Quy chế an ninh hàng không dân dụng có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

4. Thủ tục phê duyệt Chương trình, Quy chế an ninh hàng không dân dụng sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 7. Biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Các biện pháp an ninh phòng ngừa được quy định tại Chương III của Thông tư này;

b) Các biện pháp đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng quy định tại Chương VI của Thông tư này.

2. Ngoài các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không quy định tại khoản 1 của Điều này, người khai thác cảng hàng không, sân bay độc quyền cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay, ngoài cảng hàng không, sân bay đáp ứng yêu cầu của hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay phù hợp với khả năng của người khai thác cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện, đồ vật phục vụ trên tàu bay;

b) Kiểm tra, giám sát an ninh đối với suất ăn, quá trình tra nạp nhiên liệu; niêm phong an ninh;

c) Áp tải, hộ tống, bảo vệ, canh giữ người, đồ vật, phương tiện, hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện, suất ăn;

d) Đào tạo, huấn luyện về an ninh hàng không.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Cục Hàng không Việt Nam

1. Cục Hàng không Việt Nam là nhà chức trách về an ninh hàng không dân dụng giúp Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh cho hoạt động hàng không dân dụng.

2. Để thực hiện chức năng nêu tại khoản 1 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có các trách nhiệm cụ thể sau đây:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam, Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không dân dụng, Chương trình kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng; tổ chức thực hiện, đánh giá và duy trì hiệu quả của các Chương trình;

b) Đánh giá và duy trì hiệu quả của Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam bao gồm cả việc kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, đánh giá lại các biện pháp, thủ tục an ninh sau khi xảy ra một hành vi can thiệp bất hợp pháp và đưa ra các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa các hành vi tương tự tái diễn; định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia, Bộ Giao thông vận tải;

c) Phê duyệt Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay; Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không Việt Nam; Phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp; chấp thuận Chương trình an ninh hàng không dân dụng của các hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam; Quy chế an ninh hàng không dân dụng của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không;

d) Cấp phép, gia hạn, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép cơ sở cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng; tổ chức kiểm tra, cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép và năng định chuyên môn cho nhân viên an ninh hàng không;

đ) Tổ chức thẩm định đánh giá về việc áp dụng các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong việc thiết kế xây dựng, cải tạo cảng hàng không, sân bay;

e) Tổ chức, quản lý hệ thống cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không và thẻ, giấy phép kiểm soát nội bộ; cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần tại các cảng hàng không thuộc phạm vi quản lý của nhiều Cảng vụ hàng không; tổ chức hệ thống giám sát, bổ nhiệm và cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không dân dụng;

g) Ban hành, thừa nhận, quy định việc áp dụng cụ thể tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, Quy chế khai thác, tài liệu nghiệp vụ tiêu chuẩn đối với hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, thiết bị an ninh hàng không dân dụng và việc thực hiện các quy định của Thông tư này;

h) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không dân dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động hàng không dân dụng; thực hiện khảo sát và thử nghiệm an ninh; điều tra, xác minh, giảng bình, đánh giá về các sự cố an ninh hàng không, vụ việc vi phạm về an ninh hàng không và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật; thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở, nhân viên hàng không vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; phối hợp với hãng hàng không Việt Nam tổ chức khảo sát, đánh giá cảng hàng không nước ngoài nơi có hoạt động khai thác của hãng theo kế hoạch hoặc đột xuất;

i) Chỉ đạo triển khai việc thực hiện và phối hợp thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không; chỉ đạo việc xây dựng thống nhất hệ thống lực lượng an ninh hàng không dân dụng; chỉ đạo công tác phòng ngừa đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp của ngành hàng không dân dụng; chỉ đạo việc xây dựng thống nhất hệ thống giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng; chỉ đạo việc tổ chức diễn tập thực hiện phương án khẩn nguy;

k) Điều phối công tác bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; tổ chức thu thập, xử lý, đánh giá thông tin về nguy cơ đe dọa đối với an ninh hàng không dân dụng Việt Nam; quyết định áp dụng biện pháp, quy trình, thủ tục về an ninh hàng không dân dụng phù hợp với nguy cơ đe dọa thuộc phạm vi thẩm quyền; yêu cầu triển khai vị trí, phương tiện, trang thiết bị bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; thông báo cho cơ quan, tổ chức trong nước, quốc tế có liên quan những thông tin liên quan đến nguy cơ đe dọa an ninh hàng không; quản lý việc cung cấp các thông tin liên quan đến an ninh hàng không;

l) Chỉ đạo Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay;

m) Chấp thuận miễn kiểm tra soi chiếu đối với hành khách, hành lý, hàng hóa và chịu trách nhiệm trong những trường hợp có yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

n) Thông báo để các hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân biết về việc thực hiện cung cấp dữ liệu API theo quy định của pháp luật; chỉ đạo Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không quốc tế tiếp nhận và truyền dữ liệu API cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tổ chức khai thác, xử lý, sử dụng thông tin, dữ liệu API nhằm mục đích bảo đảm an ninh hàng không.

3. Thực hiện trách nhiệm hợp tác quốc tế về an ninh hàng không:

a) Là đầu mối quan hệ, hợp tác quốc tế về an ninh hàng không dân dụng;

b) Cung cấp hoặc trao đổi thông tin về Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam, Chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không, Chương trình kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, Chương trình an ninh cảng hàng không khi nhận được văn bản đề nghị của quốc gia là thành viên của ICAO, hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam;

c) Là đầu mối nhận, xử lý thông tin về mối đe dọa cụ thể đối với an ninh hàng không tại Việt Nam hoặc đối với các chuyến bay của Việt Nam ở nước ngoài. Khi nhận được thông tin về một mối đe dọa cụ thể, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo ngay cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trong và ngoài ngành hàng không; triển khai các biện pháp an ninh tăng cường phù hợp với mối đe dọa đến các cơ quan, đơn vị liên quan bằng hình thức thích hợp trong thời gian sớm nhất và lưu giữ, quản lý và bảo mật thông tin theo chế độ quản lý tài liệu mật;

d) Xem xét xử lý và quyết định việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thích hợp khi các quốc gia, hãng hàng không nước ngoài có yêu cầu, kể cả việc đề nghị cho phép nhân viên an ninh trên không mang theo vũ khí trên chuyến bay. Quốc gia, tổ chức, hãng hàng không nước ngoài phải gửi văn bản đề nghị đến Cục Hàng không Việt Nam và Cục Hàng không Việt Nam trả lời bằng văn bản cho phía nước ngoài trong thời gian 15 ngày kể từ

ngày nhận được văn bản đề nghị, trừ trường hợp khẩn cấp phải quyết định ngay hoặc phải thêm thời gian để xin ý kiến của các bộ, ngành liên quan; triển khai các biện pháp thích hợp cho các tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện; hãng hàng không phải chịu các chi phí phát sinh khi áp dụng biện pháp an ninh tăng cường cho các chuyến bay của hãng;

đ) Phối hợp với cơ quan, tổ chức nước ngoài giải quyết những vụ việc liên quan đến hành vi can thiệp bất hợp pháp khi có yêu cầu;

e) Định kỳ hàng năm rà soát và thông báo cho ICAO về các khác biệt giữa pháp luật Việt Nam về an ninh hàng không với các tiêu chuẩn của ICAO.

4. Tổ chức trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về các lĩnh vực trong công tác an ninh hàng không với các cơ quan, đơn vị liên quan.

5. Kiểm soát, hiệp thương và quyết định giá các dịch vụ do người khai thác cảng hàng không, sân bay đề xuất để đảm bảo áp dụng giá dịch vụ phù hợp theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp của Cục Hàng không Việt Nam

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an:

a) Xây dựng và triển khai diễn tập, thực hiện phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

b) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy của ngành hàng không dân dụng;

c) Tiếp nhận, trao đổi, xử lý thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của đối tượng khủng bố, các loại tội phạm; âm mưu can thiệp bất hợp pháp do cơ quan công an cung cấp; đánh giá mức độ rủi ro và đe dọa đối với hoạt động hàng không dân dụng, báo cáo Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia, Bộ Giao thông vận tải;

d) Bảo đảm an ninh hàng không đối với các chuyến bay chuyên cơ;

đ) Ký kết và triển khai thực hiện các Quy chế phối hợp với các cơ quan của Bộ Công an trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng:

a) Xây dựng và triển khai diễn tập, thực hiện phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

b) Tiếp nhận, trao đổi, xử lý thông tin về tình hình, âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của đối tượng khủng bố, các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; đánh giá mức độ rủi ro và đe dọa đối với hoạt động hàng không dân dụng, báo cáo Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia, Bộ Giao thông vận tải;

c) Ký kết và triển khai thực hiện các Quy chế phối hợp với các cơ quan của Bộ Quốc phòng trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao:

a) Giải quyết các vấn đề liên quan trong trường hợp tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị can thiệp bất hợp pháp trên lãnh thổ nước ngoài hoặc phải hạ cánh xuống lãnh thổ nước ngoài do bị can thiệp bất hợp pháp;

b) Giải quyết các vấn đề liên quan trong trường hợp tàu bay mang quốc tịch nước ngoài bị can thiệp bất hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc phải hạ cánh xuống lãnh thổ Việt Nam do bị can thiệp bất hợp pháp; thông báo cho quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay và các quốc gia, tổ chức quốc tế liên quan về vụ việc và các biện pháp xử lý;

c) Giải quyết các vấn đề liên quan trong trường hợp tàu bay, người mang quốc tịch nước ngoài vi phạm các quy định về an ninh hàng không;

d) Trao đổi, xử lý thông tin có yếu tố nước ngoài liên quan đến can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

đ) Giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến việc kiểm tra an ninh hàng không đối với các đoàn khách nước ngoài mà Bộ Ngoại giao phụ trách đón tiếp; những người được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; túi ngoại giao, túi lãnh sự.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện đảo nơi có cảng hàng không, sân bay xây dựng và triển khai diễn tập, thực hiện phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

5. Phối hợp với Tổng cục Hải quan trong việc thực hiện bảo đảm an ninh hàng không và phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép qua đường hàng không.

Điều 10. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không

1. Kiểm tra, giám sát theo quy định việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; khuyến cáo, kiểm tra việc thực hiện khuyến cáo đối với các đơn vị, tổ chức khắc phục những sơ hở thiếu sót, hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng về an ninh hàng không dân dụng.

2. Quyết định đình chỉ chuyến bay, yêu cầu tàu bay hạ cánh trong trường hợp chuyến bay vi phạm các quy định về an ninh hàng không, phát hiện chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; cho phép tàu bay bị đình chỉ tiếp tục thực hiện chuyến bay; tạm giữ tàu bay trong trường hợp không khắc phục vi phạm quy định về an ninh hàng không; đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, thu thẻ kiểm soát an ninh hàng không và giấy phép nhân viên hàng không của nhân viên hàng không vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, quy định về không uống rượu bia trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Tiếp nhận, xử phạt các hành vi vi phạm hành chính xảy ra tại cảng hàng không, sân bay theo thẩm quyền trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng;

phối hợp với lực lượng an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay chuyên giao vụ việc vi phạm không thuộc thẩm quyền cho các cơ quan chức năng liên quan.

4. Tổ chức cấp, quản lý theo thẩm quyền thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không trong phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không.

5. Phối hợp các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động tại cảng hàng không, sân bay giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bảo đảm an ninh, trật tự và hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay. Xem xét đánh giá các vấn đề về bảo đảm an ninh tại cảng hàng không, sân bay trong các cuộc họp liên tịch định kỳ hoặc bất thường giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. Giám đốc Cảng vụ hàng không xem xét quyết định và chịu trách nhiệm về những vấn đề an ninh hàng không phát sinh mà các cơ quan quản lý nhà nước liên quan tại cảng hàng không, sân bay không thống nhất cách giải quyết và báo cáo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam.

6. Tham gia việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay.

7. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trao đổi, nắm tình hình có liên quan đến an ninh, trật tự, tội phạm và vi phạm pháp luật khác có liên quan đến cảng hàng không, sân bay.

8. Thực hiện việc tiếp nhận, truyền, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin, dữ liệu API theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Phát hiện, xử lý kịp thời, bàn giao các vụ việc vi phạm pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và ngoài cảng hàng không, sân bay; chỉ định người chịu trách nhiệm chuyên trách về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Xây dựng Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay, quy trình kiểm tra, giám sát an ninh ngoài cảng hàng không, sân bay trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt. Cung cấp Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan, cung cấp phần thích hợp của Chương trình cho các hãng hàng không, cơ quan, doanh nghiệp liên quan hoạt động tại cảng hàng không theo yêu cầu. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, thử nghiệm, khảo sát, xác minh an ninh của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tổ chức lực lượng an ninh hàng không dân dụng tập trung, phương án lắp đặt vận hành, sử dụng hệ thống trang thiết bị an ninh hàng không sau khi được phê duyệt theo quy định; thực

hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; cung cấp dịch vụ an ninh hàng không. Xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí phương tiện, trang thiết bị an ninh và các điều kiện cần thiết cho việc bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, bảo vệ cảng hàng không, sân bay và duy trì trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay.

5. Cấp mới, cấp lại Thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không đối với cán bộ, nhân viên và phương tiện, thiết bị thuộc quyền quản lý, sử dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp mới, cấp lại Thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải thông báo và nộp Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên và thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

6. Phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, nắm tình hình, đánh giá các mối đe dọa uy hiếp đến an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Tham mưu cho Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc trung ương về áp dụng bổ sung các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

7. Xây dựng Trung tâm Khẩn nguy cảng hàng không, sân bay, trụ sở chính để chỉ huy điều hành việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay. Xây dựng phương án khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay; chỉ huy, điều hành phối hợp các đơn vị hàng không hoạt động tại cảng hàng không, sân bay thực hiện phương án khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay; bàn giao quyền chỉ huy trưởng cho đại diện của công an, hoặc quân đội tùy từng trường hợp theo quy định của pháp luật khi đại diện đó đã sẵn sàng tiếp nhận, chịu sự chỉ huy của chỉ huy trưởng sau khi đã bàn giao. Thực hiện công tác diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp theo kế hoạch được phê duyệt.

8. Bảo đảm các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không dân dụng khi thiết kế, xây dựng, cải tạo các công trình thuộc cảng hàng không, sân bay.

9. Xây dựng và duy trì các tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục cụ thể cho hoạt động kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng để thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình an ninh cảng hàng không đã được phê duyệt. Tổ chức hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ, kiểm tra giám sát các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trong việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục an ninh hàng không dân dụng để khắc phục kịp thời những sơ hở thiếu sót trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

10. Tổ chức ký kết các Quy chế phối hợp về công tác bảo đảm an ninh hàng không, an ninh trật tự, an toàn xã hội với chính quyền địa phương, đơn vị công an, quân đội trên địa bàn cảng hàng không, sân bay.

11. Tổ chức lực lượng an ninh hàng không thực hiện:

a) Tuần tra, canh gác, kiểm tra, giám sát an ninh tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay, khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay; duy trì trật tự chung tại cảng hàng không, sân bay; tổ chức bảo vệ hiện trường trong trường hợp cần thiết;

b) Phối hợp với lực lượng công an các cấp, Cảnh vụ hàng không liên quan trong việc bảo đảm an ninh trật tự, xử lý các hành vi uy hiếp đến an ninh, an toàn hàng không tại cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

c) Phối hợp với lực lượng quân đội tại địa bàn cảng hàng không, sân bay tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực lân cận giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng đối với hành khách, tổ bay, hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện, đồ vật phục vụ chuyến bay khi tàu bay dân dụng hoạt động tại khu vực quân sự;

d) Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách, tổ bay, hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện, suất ăn, nhiên liệu và đồ vật phục vụ trên tàu bay;

đ) Phối hợp với Hải quan cửa khẩu trong quá trình kiểm tra, kiểm soát hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện để phát hiện ngăn chặn vật phẩm nguy hiểm đưa trái phép lên tàu bay;

e) Phối hợp với tổ bay tiến hành lục soát an ninh tàu bay khi có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn tàu bay; thực hiện các biện pháp cưỡng chế khởi tàu bay, trấn áp các đối tượng gây rối hoặc can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trên tàu bay.

12. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

13. Phối hợp với Cảnh vụ hàng không liên quan, cơ quan Công an, Quân đội, Chính quyền địa phương có liên quan trong việc giải quyết, xử lý các vụ việc, hành vi vi phạm an ninh hàng không và trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay.

14. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam; chịu sự thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, giám sát an ninh hàng không của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

1. Tuân thủ hoàn toàn và đầy đủ các quy định của Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay nơi doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, thử nghiệm, khảo sát, xác minh an ninh của cơ

quan, người có thẩm quyền. Chịu sự kiểm tra, giám sát của người khai thác cảng hàng không, sân bay về việc tuân thủ các quy định của Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay. Chỉ định người chịu trách nhiệm trực tiếp về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh hàng không của doanh nghiệp.

2. Chịu trách nhiệm bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị; giữ gìn an ninh trật tự và bảo đảm an ninh hàng không cho các hoạt động của mình tại cảng hàng không, sân bay; tham gia luyện tập, diễn tập, thực hiện phương án đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; chịu sự chỉ huy, điều hành của chỉ huy trưởng hiện trường trong công tác đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, người khai thác cảng hàng không, sân bay và các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương liên quan xử lý các hành vi vi phạm về an ninh hàng không xảy ra trong phạm vi quản lý của mình.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải xây dựng Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; cung cấp Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay liên quan; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế an ninh hàng không dân dụng sau khi được phê duyệt.

4. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu

1. Xây dựng Quy chế an ninh hàng không dân dụng, trình Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, phê duyệt; cung cấp Quy chế an ninh hàng không được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức xây dựng lực lượng an ninh hàng không dân dụng thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, lực lượng đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cơ sở không lưu; chỉ định người chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh hàng không của doanh nghiệp; bố trí phương tiện, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác bảo đảm an ninh hàng không, bảo vệ cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp. Trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phương án tổ chức lực lượng và lắp đặt, vận hành, sử dụng hệ thống trang thiết bị an ninh hàng không; cung cấp Phương án tổ chức lực lượng và lắp đặt, vận hành, sử dụng hệ thống trang thiết bị an ninh hàng không được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Là chỉ huy trưởng ban đầu thực hiện phương án đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp đối với tàu bay đã cất cánh khỏi mặt đất và chưa tiếp đất và xảy ra tại cơ sở không lưu; bàn giao quyền chỉ huy trưởng cho đại diện của công

an, hoặc quân đội tùy từng trường hợp theo quy định của pháp luật khi đại diện đó đã sẵn sàng tiếp nhận, chịu sự chỉ huy của chỉ huy trưởng sau khi đã bàn giao:

4. Theo dõi, nắm tình hình, đánh giá các mối đe dọa uy hiếp đến an ninh hàng không tại cơ sở. Tham mưu cho Cục Hàng không Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về áp dụng bổ sung các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; ưu tiên trợ giúp tối đa để đảm bảo an toàn cho tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

5. Tuân thủ các quy định của Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay nơi doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, thử nghiệm, khảo sát, xác minh an ninh của cơ quan, người có thẩm quyền.

6. Xác định ranh giới khu vực hạn chế thuộc phạm vi quản lý của doanh nghiệp nằm ngoài cảng hàng không, sân bay.

7. Thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, kiểm tra, giám sát an ninh tại khu vực hạn chế của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; tổ chức bảo vệ hiện trường trong trường hợp cần thiết.

8. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho cán bộ, nhân viên có liên quan theo quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

Điều 14. Trách nhiệm của hãng hàng không, người khai thác tàu bay

1. Tuân thủ hoàn toàn và đầy đủ các quy định của Chương trình an ninh này và Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay nơi có hoạt động khai thác. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, thử nghiệm, khảo sát, xác minh an ninh của cơ quan, người có thẩm quyền. Chỉ định người chịu trách nhiệm chuyên trách về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng hàng không, người khai thác tàu bay.

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện về an ninh hàng không cho những cán bộ, nhân viên có liên quan theo đúng các quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

3. Phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, doanh nghiệp cảng hàng không xử lý các hành vi vi phạm về an ninh hàng không và những hành vi vi phạm khác trong thời gian tàu bay đang khai thác.

4. Thực hiện kiểm tra an ninh tàu bay trước chuyến bay, lục soát an ninh tàu bay khi có thông tin đe dọa theo quy định của pháp luật. Bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự trên tàu bay đang bay. Xử lý và bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền các vụ việc vi phạm an ninh hàng không trên tàu bay đang bay.

5. Đối với hãng hàng không, người khai thác tàu bay Việt Nam:

a) Xây dựng Chương trình an ninh hàng không của mình trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện; cung cấp toàn bộ Chương trình an ninh đã được phê duyệt cho Cảng vụ hàng không liên quan để giám sát việc tuân thủ; cho người khai thác cảng hàng không, sân bay liên quan để phối hợp triển khai;

b) Tổ chức khảo sát, đánh giá công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không sân bay trong và ngoài nước có hoạt động khai thác để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không thích hợp; bảo đảm kinh phí cho hoạt động đánh giá công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không nước ngoài của Cục Hàng không Việt Nam nơi hãng có hoạt động khai thác;

c) Phối hợp thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định;

d) Tổ chức xây dựng lực lượng an ninh trên không thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay;

đ) Xác định ranh giới khu vực hạn chế thuộc phạm vi quản lý nằm ngoài cảng hàng không, sân bay;

e) Triển khai diễn tập, thực hiện phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp theo kế hoạch và chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam;

g) Bố trí tối thiểu hai chỗ ngồi trên chuyến bay cho lực lượng an ninh làm nhiệm vụ khi nhận được yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam.

6. Hãng hàng không nước ngoài thực hiện vận chuyển thường lệ đến và đi từ Việt Nam phải xây dựng và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt Chương trình an ninh cho các chuyến bay đi, đến Việt Nam.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác

1. Tuân thủ hoàn toàn và đầy đủ các quy định của Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay nơi doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, thử nghiệm, khảo sát, xác minh an ninh của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không và lực lượng an ninh hàng không. Chịu sự kiểm tra, giám sát của người khai thác cảng hàng không, sân bay về việc tuân thủ các quy định của Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay.

2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

a) Bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị, bảo đảm an ninh hàng không, trật tự cho các hoạt động của mình thông qua việc giao kết hợp đồng dịch vụ an ninh với người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Phối hợp với các Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay xử lý các hành vi vi phạm về an ninh trật tự xảy ra trong phạm vi quản lý của mình;

c) Đảm bảo cho những cán bộ, nhân viên có liên quan được huấn luyện về an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện an ninh hàng không.

3. Hành khách, người gửi hàng phải thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật về an ninh, an toàn hàng không. Hành khách trên tàu bay phải tuyệt đối chấp hành các mệnh lệnh, chỉ dẫn về an ninh, an toàn, trật tự của tổ bay.

4. Nhân viên hàng không trong khi thực hiện nhiệm vụ không được uống rượu, bia; trường hợp khi kiểm tra có rượu bia trong hơi thở sẽ bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, thu thẻ kiểm soát an ninh hàng không và giấy phép nhân viên hàng không.

Điều 16. Đánh giá mức độ đe dọa đối với an ninh hàng không dân dụng

1. Trách nhiệm thực hiện đánh giá mức độ rủi ro và đe dọa đối với an ninh hàng không dân dụng:

a) Cục Hàng không Việt Nam đánh giá hiệu quả của Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam bao gồm cả việc điều tra, đánh giá lại các biện pháp, thủ tục an ninh sau khi xảy ra một hành vi can thiệp bất hợp pháp và đưa ra các biện pháp khắc phục để ngăn ngừa các hành vi tương tự tái diễn; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá mức độ đe dọa đối với an ninh hàng không dân dụng; định kỳ 6 tháng một lần hoặc theo yêu cầu báo cáo lên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia;

b) Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp người khai thác cảng hàng không, sân bay và các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá các vấn đề về bảo đảm an ninh, mức độ đe dọa đối với an ninh tại cảng hàng không, sân bay trong các cuộc họp liên tịch định kỳ hoặc bất thường giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; định kỳ 03 tháng một lần hoặc theo yêu cầu gửi báo cáo đánh giá đến Cục Hàng không Việt Nam;

c) Hãng hàng không Việt Nam đánh giá các vấn đề về bảo đảm an ninh, mức độ đe dọa đối với an ninh trong hoạt động của hãng; định kỳ 03 tháng một lần hoặc theo yêu cầu gửi báo cáo đánh giá đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Cục Hàng không Việt Nam xây dựng và triển khai các nội dung, tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ đe dọa và nguy cơ đối với an ninh hàng không dân dụng.

Chương III

BIỆN PHÁP AN NINH PHÒNG NGỪA

Mục 1

YÊU CẦU AN NINH ĐỐI VỚI CƠ SỞ HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 17. Yêu cầu đối với việc thiết kế, xây dựng cảng hàng không, sân bay

1. Có hệ thống hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay; hàng rào bao quanh khu vực hạn chế khác; hàng rào, vật ngăn cách các khu vực trong nhà ga, giữa khu vực công cộng với các khu vực hạn chế; hệ thống thiết bị kiểm tra, giám sát an ninh để ngăn ngừa việc đưa trái phép vũ khí, thiết bị nổ, vật phẩm nguy hiểm vào sân bay hoặc lên tàu bay.

2. Bảo đảm sự tách riêng giữa hành khách đã được kiểm tra an ninh với hành khách chưa kiểm tra an ninh.

3. Bảo đảm an toàn cho người, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, vật dụng và phương tiện ra, vào, hoạt động phục vụ chuyến bay.

4. Hệ thống cổng, cửa, đường giao thông thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch khẩn nguy sân bay.

5. Thiết kế và sử dụng nguyên vật liệu phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa những tổn thất, thiệt hại đối với người, thiết bị của nhà ga, sân bay trong các vụ nổ.

6. Công trình bên trong khu vực hạn chế của sân bay phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu an ninh sau:

a) Đường vành đai và các đường đi khác phục vụ cho công tác tuần tra;

b) Hệ thống chiếu sáng và biển cảnh báo;

c) Hệ thống cổng, cửa ra vào dành cho người đi bộ và phương tiện;

d) Vị trí đỗ cách ly cho tàu bay trong tình huống khẩn nguy;

đ) Nơi tập kết (dành cho sơ tán hành khách, hành lý, hàng hoá bưu phẩm, bưu kiện; tập kết các lực lượng tham gia đối phó trong tình huống khẩn nguy);

e) Hàm hoặc khu vực xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm.

7. Công trình bên trong khu vực hạn chế của nhà ga hành khách phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Luồng hành khách và hành lý đơn giản và rõ ràng; tách biệt luồng hành khách và hành lý nối chuyển và quá cảnh;

b) Hạn chế mở nhiều cửa ở những nơi hành khách có thể ra vào sân bay, các khu vực an ninh hạn chế khác, cửa thông với sân bay phải bảo đảm an toàn;

c) Hệ thống chiếu sáng và biển hướng dẫn, cảnh báo;

d) Các điểm soi chiếu hành lý ký gửi, hành lý xách tay, hành khách, tổ bay, nhân viên phù hợp với cấu trúc của nhà ga, bảo đảm thuận tiện, an toàn và phải có hệ thống ca-me-ra để giám sát;

đ) Các phòng kiểm tra thân thể, hành lý ký gửi, hành lý xách tay phải thuận lợi cho hành khách và việc kiểm tra của nhân viên an ninh;

e) Các phòng kiểm soát tập trung hệ thống giám sát, kiểm tra hành lý ký gửi;

g) Văn phòng hoặc trụ sở của bộ phận an ninh trong nhà ga hoặc liền kề;

h) Khu vực cách ly phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế khác bằng vật liệu bền vững, ghế ngồi trong khu vực cách ly phải thông thoáng bảo đảm mọi vật phẩm để lại ghế đều bị phát hiện.

8. Ga (kho) hàng hoá phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Hàng rào vành đai kho phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh hàng không theo quy định;

b) Khu vực cách ly (kho) phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế khác bằng vật liệu bền vững;

c) Tách biệt đối với hàng hoá nội địa, quốc tế, hàng hoá đi và đến;

d) Luồng hàng hoá đi, đến đơn giản và rõ ràng;

đ) Điểm soi chiếu kiểm tra, giám sát an ninh hàng không thuận tiện cho hành khách và kiểm tra của lực lượng an ninh hàng không;

e) Đáp ứng các yêu cầu về hệ thống đường giao thông, hệ thống chiếu sáng và biển hướng dẫn, cảnh báo trong khu vực kho thuận tiện cho hoạt động giao dịch và kiểm soát.

9. Công trình hàng không liền kề với sân bay (khu vực hạn chế khác) phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Hàng rào vành đai phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng, khu vực hạn chế của sân bay bằng vật liệu bền vững và hệ thống cửa an toàn, có kiểm soát.

Điều 18. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không

1. Tại các cảng hàng không, sân bay, hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không tối thiểu phải có bao gồm:

- a) Hệ thống hàng rào, đường tuần tra, chiếu sáng vành đai;
- b) Hệ thống vọng gác, cổng, cửa;
- c) Sân đỗ tàu bay biệt lập trong tình huống can thiệp bất hợp pháp;
- d) Hàm hoặc thiết bị xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm;
- đ) Trung tâm khẩn nguy tại cảng hàng không.

2. Tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, chế biến suất ăn, cung ứng nhiên liệu, giao nhận hàng hóa nằm ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không tối thiểu phải có, bao gồm:

- a) Hệ thống hàng rào, chiếu sáng;
- b) Hệ thống vọng gác, cổng, cửa.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, chế biến suất ăn, cung ứng nhiên liệu, giao nhận hàng hóa quản lý, xây dựng và thực hiện Quy chế khai thác, sử dụng, quy trình kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các hạng mục của hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không.

4. Yêu cầu đối với hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2

HỆ THỐNG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG SỬ DỤNG RA, VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ

Điều 19. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, bao gồm:

- a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay;

- b) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ;
- c) Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay do Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp cho người, phương tiện được phép ra, vào, hoạt động tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay phục vụ cho hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

3. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay do Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp cho người, phương tiện làm nhiệm vụ thi công công trình trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Khu vực thi công có hàng rào cứng hoặc mềm ngăn cách, có sự giám sát của nhân viên an ninh hàng không;

b) Cổng, cửa, địa điểm ra vào khu vực thi công có nhân viên an ninh hàng không canh gác, kiểm tra người, phương tiện, đồ vật ra vào;

c) Việc lập hàng rào, thiết lập sự ngăn cách riêng biệt giữa khu vực thi công với các khu vực khác không ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay;

d) Người khai thác cảng hàng không, sân bay kiểm tra và chịu trách nhiệm về danh sách người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh thi công công trình thuộc phạm vi quản lý của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ do người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp cho người, phương tiện được phép ra, vào khu vực hạn chế do người khai thác cảng hàng không, sân bay quản lý và phục vụ riêng cho hoạt động của người khai thác cảng hàng không, sân bay. Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra và chịu trách nhiệm về danh sách người được cấp thẻ.

5. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không cấp cho thành viên tổ bay đi làm nhiệm vụ được phép ra, vào khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay phục vụ cho hoạt động bay.

6. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, bao gồm các loại sau đây:

a) Thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho cá nhân;

b) Thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng một lần cấp cho cá nhân;

c) Giấy phép kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho từng phương tiện;

d) Giấy phép kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng một lần cấp cho từng phương tiện.

7. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần; thẻ nhận dạng tổ bay phải được chế tạo bằng chất liệu, công nghệ có khả năng chống làm giả. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng một lần; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ phải có ký hiệu chống làm giả.

8. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay được quy định như sau:

a) Cục Hàng không Việt Nam cấp mới, cấp lại thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần tại tất cả các cảng hàng không sân bay;

b) Cảng vụ hàng không cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần, một lần tại các cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần, một lần đối với cán bộ, nhân viên và phương tiện, thiết bị thuộc quyền quản lý, sử dụng, thuê khai thác của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

9. Cơ quan, tổ chức cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải tiến hành thẩm định hồ sơ xin cấp thẻ, giấy phép, đánh giá về điều kiện cấp thẻ, giấy phép, thời hạn cấp, phạm vi các cảng hàng không và khu vực hạn chế được cấp.

10. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có thời hạn hiệu lực tối đa không quá hai năm; giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có thời hạn hiệu lực tối đa không quá một năm; thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không Việt Nam có thời hạn hiệu lực tối đa không quá ba năm kể từ ngày cấp. Cục Hàng không Việt Nam ban hành mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay không được sử dụng quá hai (02) năm liên tục. Mẫu thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không nước ngoài được thông báo cho Cảng vụ hàng không liên quan.

11. Phí, lệ phí cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ quan cấp thẻ tự chịu chi phí cấp thẻ đối với thẻ được cấp cho cán bộ nhân viên thuộc các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, bảo đảm an ninh an toàn hàng không, bảo đảm chuyên cơ, công tác xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu, kiểm dịch y tế, kiểm soát phóng xạ hạt nhân, môi trường, phòng cháy chữa cháy tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 20. Nội dung của thẻ kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;
- c) Họ và tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ;

g) Khu vực hạn chế thuộc nhà ga, sân bay, khu vực hạn chế của doanh nghiệp được phép ra, vào và hoạt động;

h) Quy định về sử dụng thẻ.

2. Thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng một lần phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm g, điểm h khoản 1 của Điều này và số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu của người được cấp thẻ.

3. Từng khu vực hạn chế trên thẻ kiểm soát an ninh hàng không được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số hoặc màu sắc.

4. Thẻ nhận dạng tổ bay có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;
- c) Họ và tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên, biểu tượng hãng hàng không;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ.

Điều 21. Nội dung của giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay và kiểm soát an ninh nội bộ phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số giấy phép;
- b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép;
- c) Loại phương tiện;
- d) Biển kiểm soát phương tiện;
- đ) Khu vực hạn chế được phép vào hoạt động;
- e) Công ra; công vào;
- g) Tên cơ quan đơn vị chủ quản phương tiện.

2. Từng khu vực hạn chế trên giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số hoặc màu sắc.

Điều 22. Đối tượng, điều kiện cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần bao gồm:

a) Cán bộ, nhân viên của các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoạt động, kinh doanh thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay;

b) Người làm nhiệm vụ đón, tiễn khách của các cơ quan Đảng và Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch, giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay;

c) Cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang, cơ quan quản lý nhà nước khác có trách nhiệm thực hiện công tác nghiệp vụ tại các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay;

d) Người thuộc các cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam;

đ) Đại diện người khai thác tàu bay, hãng hàng không nước ngoài.

2. Người được cấp thẻ quy định tại khoản 1 của Điều này phải đáp ứng điều kiện không có tiền án, tiền sự hoặc không đang thi hành án về những tội phạm dưới đây: các tội phạm nghiêm trọng đặc biệt là các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội phạm về khủng bố; các tội phạm về sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển sử dụng ma túy; chế tạo, mua bán, tàng trữ vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ; các tội xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; tội gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ; các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; các tội phạm khác như trộm cắp, chứa chấp đồ do phạm tội mà có, tham ô, làm giấy tờ giả hoặc giả mạo để lừa đảo mà chưa khắc phục xong hậu quả theo phán quyết của toà án.

3. Việc xác định các khu vực hạn chế để cấp thẻ, giấy phép phải tuân thủ nguyên tắc đối tượng làm nhiệm vụ ở khu vực nào thì cấp khu vực đó, không cấp khu vực mà đối tượng không có nhiệm vụ.

4. Thẻ có giá trị sử dụng một lần được cấp cho người có nhu cầu thực hiện nhiệm vụ tạm thời tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay.

5. Người được cấp thẻ được phép ra, vào để thực hiện nhiệm vụ tại các khu vực hạn chế được ghi trên thẻ và phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không. Đối với khu vực đường lăn, đường hạ cất cánh, mọi hoạt động phải được phép của Đài chỉ huy hoặc Đài kiểm soát mặt đất và được thông báo cho Trung tâm điều hành sân bay; chấp hành sự điều khiển tương ứng theo quy định của Đài chỉ huy, Đài kiểm soát mặt đất và chịu sự kiểm soát của nhân viên an ninh hàng không.

6. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay được phép hạn chế người được cấp thẻ kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế tương ứng trên thẻ; phạm vi, thời gian hạn chế phải thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan.

7. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần bao gồm:

a) Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay để phục vụ hoạt động bay;

b) Phương tiện và người điều khiển phương tiện chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ

Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

8. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng một lần gồm những xe sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên, các phương tiện có nhiệm vụ đột xuất tại khu vực hạn chế.

9. Phương tiện được cấp giấy phép như quy định tại khoản 7, khoản 8 của Điều này phải đáp ứng các điều kiện:

a) Phương tiện được phép lưu thông theo quy định của pháp luật;

b) Người điều khiển phương tiện quy định tại điểm a khoản 7 của Điều này phải có Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp học về an toàn sân đỗ tàu bay do Cảng vụ hàng không tổ chức;

c) Phương tiện quy định tại điểm b khoản 7 và khoản 8 của Điều này phải có phương tiện hoặc nhân viên an ninh hàng không, nhân viên khai thác mặt đất của người khai thác cảng hàng không, sân bay hướng dẫn.

Điều 23. Kiểm tra lý lịch đối với đối tượng được cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người xin cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần là cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu thực hiện và chịu trách nhiệm việc kiểm tra lý lịch của người xin cấp thẻ tại cơ quan tư pháp khi làm thủ tục xin cấp thẻ, để bảo đảm người xin cấp thẻ đáp ứng điều kiện cấp thẻ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư này.

2. Các đối tượng không thuộc quy định tại khoản 1 của Điều này xin cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần phải có xác nhận của Công an phường xã nơi cư trú trong đơn xin cấp thẻ hoặc Phiếu lý lịch tư pháp để bảo đảm đáp ứng điều kiện cấp thẻ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư này.

3. Cơ quan cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần căn cứ xác nhận về lịch sử nhân thân của người xin cấp thẻ quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này để cấp thẻ; định kỳ hoặc khi xét thấy cần thiết tiến hành kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức về việc kiểm tra lý lịch.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải quy định trong Chương trình an ninh hàng không của mình nguyên tắc tuyển dụng nhân viên có nhiệm vụ hoạt động thường xuyên tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc tham gia vào công tác bảo đảm an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay đáp ứng điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư này.

Điều 24. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng

1. Thẻ, giấy phép bị hỏng; nội dung trên thẻ, giấy phép bị mờ.

2. Thẻ, giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa.

3. Thẻ, giấy phép bị mất.

4. Người được cấp thẻ không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 của Thông tư này.

5. Phương tiện được cấp giấy phép không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 7, khoản 8 và điểm a khoản 9 Điều 22 của Thông tư này.

6. Thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng ghi trên thẻ, giấy phép.

7. Vì lý do đảm bảo an ninh.

Điều 25. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay

1. Người đề nghị cấp mới (lần đầu) thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 22 (trừ trường hợp cán bộ, nhân viên cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế) phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cho cơ quan cấp Thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản của cơ quan, tổ chức của người đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; trừ trường hợp các cơ quan Đảng, quản lý Nhà nước. Đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không thuộc doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không phải có thêm Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cấp, Hợp đồng giao kết với doanh nghiệp cảng hàng không; đối với doanh nghiệp làm chức năng đại diện trên cơ sở hợp đồng dài hạn cho hãng hàng không nước ngoài phải có thêm Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng đại diện; đối với doanh nghiệp làm chức năng đại diện cho hãng hàng không nước ngoài, người khai thác tàu bay đi đến Việt Nam trên cơ sở hợp đồng ngắn hạn hoặc thư uỷ quyền phải có thêm hợp đồng đại diện hoặc thư uỷ quyền của hãng hàng không, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh hoạt động đại diện cho thương nhân theo quy định của Luật Thương mại; đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành tại Việt Nam phải có thêm Giấy đăng ký kinh doanh lữ hành;

c) Tờ khai của người đề nghị cấp Thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 4 x 6 cm, đóng dấu giáp lai và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan đối với đối tượng thuộc cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; có xác nhận của Công an phường xã nơi cư trú hoặc căn cứ vào Phiếu lý lịch tư pháp đối với những đối tượng khác;

d) Hai ảnh màu 4 x 6 cm (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

2. Người đề nghị cấp lại (lần thứ 2 trở lên) Thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 22 (trừ trường hợp cán bộ, nhân viên cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế) phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cho cơ quan cấp Thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản của cơ quan, tổ chức của người đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai của người đề nghị cấp Thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 4 x 6 cm, đóng dấu giáp lai và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan đối với đối tượng thuộc cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; có xác nhận của Công an phường xã nơi cư trú hoặc căn cứ vào Phiếu lý lịch tư pháp đối với những đối tượng khác;

c) Hai ảnh màu 4 x 6 cm (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ);

d) Thẻ cũ, nếu Thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

đ) Trong trường hợp bị mất Thẻ phải có thêm Bản tường trình về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất Thẻ có xác nhận của cơ quan công an phường xã nơi cư trú hoặc nơi xảy ra sự việc;

e) Trong trường hợp Thẻ bị tẩy xóa, sửa chữa phải có thêm bản tường trình lý do tẩy xóa, sửa chữa và nộp lại Thẻ cũ;

g) Trong trường hợp bị thu Thẻ do vi phạm phải có thêm văn bản kết quả xử lý vi phạm và đề nghị của cơ quan xử lý vi phạm.

3. Người đề nghị cấp mới Giấy phép cho phương tiện đủ điều kiện quy định tại các khoản 7, 8 của Điều 22 của Thông tư này nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cho cơ quan cấp Giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn kỹ thuật, môi trường còn hiệu lực;

d) Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp học về an toàn sân đỗ tàu bay của người điều khiển phương tiện (trừ trường hợp cấp cho phương tiện phục vụ chuyên cơ).

4. Người đề nghị cấp lại (lần thứ 2 trở lên) Giấy phép cho phương tiện đủ điều kiện quy định tại khoản 7, 8 Điều 22 của Thông tư này nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cho cơ quan cấp Giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn kỹ thuật, môi trường còn hiệu lực;

d) Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp học về an toàn sân đỗ tàu bay của người điều khiển phương tiện khi thay đổi người điều khiển phương tiện trong lần cấp mới (trừ trường hợp cấp cho phương tiện phục vụ chuyên cơ; các phương tiện đưa, đón Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy và Chủ tịch ủy ban nhân dân của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi vào hoạt động trong sân bay phải liên hệ xe dẫn);

đ) Giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hư hỏng;

e) Trong trường hợp bị mất Giấy phép phải có thêm bản tường trình lý do Giấy phép bị mất;

g) Trong trường hợp bị thu Giấy phép do vi phạm phải có thêm văn bản kết quả xử lý vi phạm của cơ quan xử lý vi phạm.

5. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan cấp Thẻ, Giấy phép tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nhận được không đủ, không đúng theo quy định thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị cấp Thẻ, Giấy phép phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do;

b) Tại điểm cấp Thẻ, Giấy phép phải niêm yết quy định về hồ sơ và quy trình cấp Thẻ, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, các thông báo kết quả xử lý các hồ sơ đề nghị cấp Thẻ của đơn vị.

6. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp Thẻ, Giấy phép:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp Thẻ, Giấy phép chịu trách nhiệm nghiên cứu thẩm định hồ sơ, xác định điều kiện cấp Thẻ, Giấy phép, thời hạn được cấp, khu vực hạn chế và cảng hàng không được phép, phê duyệt, in và cấp Thẻ, Giấy phép. Thông báo kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho cơ quan, đơn vị đề nghị;

b) Trường hợp thiết bị làm Thẻ, Giấy phép bị hỏng hóc, việc cấp Thẻ phụ thuộc vào khả năng khắc phục thực tế của thiết bị.

7. Cơ quan, đơn vị đề nghị cấp Thẻ, Giấy phép chịu trách nhiệm rà soát, thu hồi và bàn giao cho đơn vị cấp Thẻ những trường hợp Thẻ còn hạn sử dụng nhưng người sử dụng không còn làm việc trong các khu vực hạn chế được cấp, ghi trên thẻ.

8. Trình tự thủ tục cấp Thẻ, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng một lần.

a) Cấp Thẻ: cá nhân xin cấp Thẻ trực tiếp nộp hồ sơ cho cơ quan cấp Thẻ. Một người có thể thay mặt cho nhiều người trong cùng một đoàn để nộp hồ sơ xin cấp Thẻ;

Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ có giá trị sử dụng một lần bao gồm: văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này của cơ quan, tổ chức đơn vị chủ quản kèm danh sách theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; người đề nghị cấp Thẻ phải xuất trình một trong các loại Giấy tờ còn hiệu lực sau: Giấy chứng minh nhân dân; chứng minh thư ngoại giao; hộ chiếu; Thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng nhiều lần hoặc Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ. Cơ quan cấp Thẻ thẩm định hồ sơ, đánh giá sự cần thiết, thông báo cho lực lượng an ninh hàng không để giám sát hoặc thông báo cho đơn vị chủ quản khu vực hạn chế để cử người đi kèm.

b) Cấp Giấy phép: cơ quan, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép cho phương tiện cử người trực tiếp nộp hồ sơ cho cơ quan cấp Giấy phép;

Hồ sơ xin cấp Giấy phép gồm: văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, danh sách phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; Giấy phép lái xe của người điều khiển phương tiện; trường hợp người điều khiển phương tiện không có Thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần thì đồng thời đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng một lần cho người điều khiển phương tiện trong văn bản đề nghị cấp giấy phép. Cơ quan cấp Giấy phép thẩm định hồ sơ đánh giá sự cần thiết yêu cầu đơn vị đề nghị cấp Giấy phép liên hệ với doanh nghiệp khai thác cảng hàng không, sân bay thuê xe dẫn và các yêu cầu đảm bảo an ninh an toàn khi phương tiện vào hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay.

c) Trong thời hạn 30 phút, kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp Thẻ, Giấy phép phải thẩm định và ký duyệt cấp Thẻ, Giấy phép hoặc thông báo lý do không cấp Thẻ, Giấy phép cho người đề nghị cấp.

9. Hồ sơ cấp thẻ, giấy phép được lưu lại cơ quan cấp thẻ, giấy phép không trả lại cho người đề nghị, kể cả trường hợp không được phê duyệt cấp thẻ, giấy phép.

10. Người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay phải nộp lệ phí cấp thẻ, giấy phép theo quy định trừ trường hợp xin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ.

Điều 26. Cấp và sử dụng thẻ kiểm soát an ninh đối với cán bộ của cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu cảng hàng không, sân bay quốc tế

1. Cơ quan cấp thẻ kiểm soát an ninh:

Cảng vụ hàng không là cơ quan trực tiếp cấp thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần tại cảng hàng không, sân bay quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không cho cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu cảng hàng không, sân bay quốc tế.

2. Quy trình cấp thẻ:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế lập danh sách cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay quốc tế gửi cho Cảng vụ hàng không liên quan để cấp thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần, bao gồm các thông tin sau: họ và tên, chức vụ, đơn vị làm việc, khu vực hoạt động của người đề nghị cấp thẻ; đề nghị nêu rõ các trường hợp cán bộ, nhân viên thường xuyên phục vụ chuyên cơ để cấp thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần phục vụ chuyên cơ;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu chịu trách nhiệm về hồ sơ, lý lịch, nhân thân, nhiệm vụ của người được cấp thẻ;

c) Cảng vụ hàng không căn cứ các thông tin theo danh sách của cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu đề nghị, lập kế hoạch, thông báo và tổ chức chụp ảnh cho người đề nghị cấp thẻ (mặc trang phục của ngành), in, cấp và bàn giao thẻ cho cơ quan quản lý nhà nước về cửa khẩu tại cảng hàng không, sân bay quốc tế.

3. Quản lý, sử dụng thẻ:

a) Cán bộ, nhân viên thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu sử dụng thẻ để ra, vào khu vực hạn chế; không phải đeo thẻ trong quá trình làm việc theo quy định;

b) Người sử dụng thẻ có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản thẻ; thông báo ngay cho cơ quan chủ quản hoặc Cảng vụ hàng không nơi cấp thẻ khi bị mất thẻ và đổi thẻ khi thẻ bị hỏng, mờ, rách hoặc không còn dấu hiệu bảo mật ghi trên thẻ;

c) Cảng vụ hàng không phải thông báo ngay bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này, các trường hợp mất thẻ cho cơ quan đơn vị liên quan và Cục Hàng không Việt Nam để ngăn chặn việc sử dụng thẻ đã mất;

d) Cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu có yêu cầu cấp bổ sung thẻ hoặc thay đổi vị trí, đơn vị công tác; không còn nhu cầu sử dụng thẻ để hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay quốc tế thì cơ quan chủ quản lập danh sách đề nghị cấp thẻ (theo quy trình) hoặc thu hồi thẻ gửi cho Cảng vụ hàng không để hủy.

Điều 27. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ

1. Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ theo thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay quy định tại khoản 8 Điều 19 của Thông tư này.

2. Thẻ kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ có giá trị sử dụng nhiều lần là thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần, có ký hiệu khu vực chuyên cơ được hiển thị bằng màu đỏ. Đối tượng được cấp thẻ kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ có giá trị sử dụng nhiều lần bao gồm:

a) Lãnh đạo, chuyên viên Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không làm nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm phục vụ chuyến bay chuyên cơ;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp triển khai phục vụ chuyến bay chuyên cơ; cán bộ, chuyên viên của doanh nghiệp làm nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thường xuyên công tác bảo đảm phục vụ chuyến bay chuyên cơ;

c) Cán bộ, nhân viên của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội và Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao thường xuyên làm nhiệm vụ phục vụ các đoàn khách chuyên cơ; người phục vụ thường xuyên đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ;

d) Người làm việc thường xuyên trong khu vực nhà khách chuyên cơ.

3. Thẻ kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ có giá trị sử dụng một lần là thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng một lần, có ký hiệu khu vực phục vụ chuyên cơ riêng được hiển thị bằng màu đỏ. Đối tượng được cấp thẻ kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ có giá trị sử dụng một lần bao gồm: nhân viên hàng không trực tiếp chuẩn bị chuyến bay chuyên cơ; nhân viên an ninh hàng không được giao nhiệm vụ trực tiếp canh gác bảo vệ, kiểm tra an ninh cho chuyến bay chuyên cơ; người phục vụ khách của chuyến bay chuyên cơ.

4. Giấy phép kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ có giá trị sử dụng nhiều lần là giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần, có ký hiệu khu vực chuyên cơ được hiển thị bằng màu đỏ, được cấp cho các phương tiện hàng không hoạt động trong sân bay phục vụ trực tiếp chuyến bay chuyên cơ.

5. Giấy phép kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ có giá trị sử dụng một lần là giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng một lần, có ký hiệu khu vực chuyên cơ được hiển thị bằng màu đỏ, được cấp cho các phương tiện trực tiếp phục vụ chuyến bay chuyên cơ, phương tiện trực tiếp phục vụ khách của chuyến bay chuyên cơ.

6. Miễn thủ tục cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh phục vụ chuyên cơ đối với:

a) Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Đại sứ, trưởng cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài đón tiễn đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ;

c) Các phương tiện vận chuyển và người điều khiển phương tiện trực tiếp phục vụ các đối tượng quy định tại các điểm a và điểm b của khoản này.

Điều 28. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay

1. Tổ chức cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay phải quy định đối tượng, điều kiện được cấp thẻ, giấy phép; mẫu thẻ, giấy phép; hồ sơ, thủ tục cấp thẻ, giấy phép; trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, cấp, thu hồi thẻ, giấy phép trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh của đơn vị được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay không được gây nhầm lẫn với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

Điều 29. Sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không chỉ được phép vào, hoạt động tại khu vực hạn chế được xác định trên thẻ, giấy phép.

2. Thẻ phải đeo ở vị trí phía trước ngực bên ngoài áo. Giấy phép phải dán ở phía trước buồng lái hoặc tại vị trí dễ nhận biết của phương tiện.

3. Người, phương tiện có thẻ, giấy phép và đồ vật mang theo phải ra, vào khu vực hạn chế đúng cổng cửa quy định; phải chịu sự kiểm tra an ninh thích hợp.

4. Khi hoạt động tại khu vực hạn chế, người được cấp thẻ, người điều khiển phương tiện được cấp giấy phép phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn và chịu sự kiểm tra, giám sát và hướng dẫn của nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ tại khu vực hạn chế.

5. Phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế phải chạy đúng luồng, tuyến, đúng tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định; người điều khiển phương tiện phải túc trực tại phương tiện đang phục vụ tàu bay.

6. Người được cấp thẻ, đơn vị, cá nhân được cấp giấy phép cho phương tiện phải bảo quản, giữ gìn thẻ, giấy phép; không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào; không được tẩy xoá, làm sai lệch nội dung trên thẻ, giấy phép; trường hợp chuyển công tác không còn nhiệm vụ tại khu vực hạn chế, phải trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp; trường hợp bị rách, mờ không rõ các nội dung trên thẻ, giấy phép phải xin cấp lại. Trường hợp bị mất phải báo ngay cho đơn vị cấp biết; đơn vị cấp phải thông báo ngay bằng văn bản các trường hợp mất thẻ, giấy phép cho người khai thác cảng hàng không, sân bay liên quan và Cục Hàng không Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này để ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất.

7. Người sử dụng thẻ, giấy phép vi phạm quy định về an ninh, an toàn hàng không, gây rối trật tự kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay, vi phạm quy định về sử dụng thẻ, giấy phép, không còn đáp ứng điều kiện cấp thẻ, giấy phép sẽ bị thu thẻ, giấy phép.

Mục 3

BẢO ĐẢM AN NINH TẠI CÁC KHU VỰC HẠN CHẾ VÀ KHU VỰC CÔNG CỘNG

Điều 30. Thiết lập khu vực hạn chế

1. Căn cứ thực tế cơ sở hạ tầng và hoạt động hàng không dân dụng, các khu vực hạn chế sau đây phải được thiết lập:

a) Khu vực hành khách sau khi đã kiểm tra soi chiếu người và hành lý chờ để đi tàu bay (khu vực cách ly);

b) Khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay (sân bay);

c) Khu vực phục vụ hành lý ký gửi sau khi đã được kiểm tra an ninh để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại, chất xếp hành lý);

d) Khu vực dành cho hành khách quá cảnh, nối chuyến chờ để chuyển tiếp chuyến bay (khu vực quá cảnh);

đ) Khu vực phục vụ hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện sau khi đã kiểm tra soi chiếu để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại, lưu giữ, chất xếp hàng hóa);

e) Nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay ưu tiên;

g) Khu vực giao nhận hành lý cho hành khách tại nhà ga đến; khu vực lưu giữ, giao nhận hàng hóa đến;

h) Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay;

i) Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn;

k) Khu vực kho nhiên liệu cung cấp cho tàu bay;

l) Trung tâm chỉ huy điều hành bay, khu vực đài kiểm soát không lưu, cơ sở cung cấp dịch vụ tin tức hàng không và các đài trạm cung cấp dịch vụ không lưu khác;

m) Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay;

n) Khu vực làm thủ tục đi tàu bay cho hành khách, hành lý (từ quầy làm thủ tục, băng chuyền hành lý vào bên trong khu vực soi chiếu hành lý ký gửi);

o) Khu vực làm thủ tục tiếp nhận hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện (từ quầy làm thủ tục tiếp nhận hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện vào bên trong khu vực xử lý hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện);

p) Các khu vực công cộng khác trong trường hợp cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh tăng cường.

2. Trong trường hợp áp dụng cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, xét thấy cần thiết để đảm bảo an ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam quyết định thiết lập các khu vực hạn chế khác ngoài các khu vực quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Thiết lập các khu vực hạn chế và áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không cho từng khu vực hạn chế phải phù hợp với mục đích

bảo đảm an ninh hàng không dân dụng và không gây cản trở cho người, phương tiện ra vào, hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế. Công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải do lực lượng an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện, trừ các khu vực do lực lượng quân đội, công an kiểm soát. Công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với khu vực hạn chế nêu tại các điểm h, i, k và l khoản 1 của Điều này do lực lượng an ninh hàng không, bảo vệ chuyên trách của đơn vị chủ quản thực hiện.

4. Căn cứ thực tế tại mỗi cảng hàng không, sân bay, người khai thác cảng hàng không phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định các khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế khi xây dựng Chương trình an ninh cảng hàng không. Đơn vị chủ quản khu vực hạn chế nằm ngoài cảng hàng không, sân bay xác định ranh giới khu vực hạn chế cụ thể và được quy định trong Quy chế an ninh hàng không dân dụng.

5. Khu vực hạn chế phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có hệ thống tường, hàng rào hoặc các vật ngăn cách phù hợp để ngăn cách với khu vực công cộng và ngăn cách giữa các khu vực hạn chế trong trường hợp cần thiết; có điểm kiểm tra an ninh tại mỗi cổng, cửa để kiểm soát việc ra, vào của người, phương tiện, đồ vật; bố trí lực lượng, trang thiết bị giám sát an ninh cho toàn bộ khu vực hạn chế;

b) Hạn chế tối đa số lượng cổng, cửa, luồng ra, vào khu vực hạn chế;

c) Có hệ thống biển báo, đèn chiếu sáng, thiết bị kiểm tra, giám sát an ninh, thiết bị thông tin liên lạc, nhân viên an ninh hàng không thích hợp;

d) Phải có hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh đảm bảo giám sát, chặt chẽ, liên tục các khu vực sau đây: khu vực cách ly; khu vực sân đỗ tàu bay; khu vực xử lý hành lý, hàng hóa; khu vực phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay ưu tiên; khu vực quá cảnh; khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay và các điểm kiểm tra an ninh khi vào các khu vực này;

đ) Phải bố trí máy soi tia X, cổng từ và máy dò kim loại cầm tay để kiểm tra soi chiếu người, đồ vật, hành lý vào các khu vực sau đây: khu cách ly; khu vực sân đỗ tàu bay; khu vực phân loại, chất xếp hành lý, hàng hóa; khu vực phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay ưu tiên; khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay tại cảng hàng không, sân bay; từ khu vực nhà ga đến vào sân bay;

e) Có quy định về quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát người, đồ vật, phương tiện ra, vào và hoạt động cụ thể cho từng khu vực.

6. Yêu cầu, tiêu chuẩn về hàng rào, cổng, cửa, rào chắn, vọng gác, hệ thống chiếu sáng, giám sát, đường tuần tra theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 31. Quy định về việc ra, vào, hoạt động tại khu vực hạn chế

1. Người, phương tiện khi ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế nào phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không của khu vực đó, trừ trường

hợp quy định tại khoản 6 Điều 27 của Thông tư này. Thẻ, giấy phép sẽ bị thu giữ khi sử dụng sai quy định hoặc có hành vi vi phạm.

2. Thẻ phải đeo ở vị trí phía trước ngực bên ngoài áo, trừ trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc các đơn vị công an, hải quan cửa khẩu cảng hàng không, sân bay khi đang làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; giấy phép phải để ở phía trước buồng lái hoặc tại vị trí dễ nhận biết của phương tiện.

3. Người, phương tiện ra, vào khu vực hạn chế phải đúng cổng, cửa quy định, tuân thủ sự hướng dẫn và các quy định về an ninh, an toàn, khai thác tại khu vực hạn chế; chịu sự kiểm tra, giám sát an ninh của nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ tại khu vực đó. Người ra vào khu vực sân bay từ khu vực ga đến phải được kiểm tra an ninh hàng không.

4. Người, phương tiện sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng một lần khi hoạt động trong khu vực hạn chế tại nhà ga, sân bay phải được nhân viên an ninh hàng không giám sát an ninh thường xuyên, liên tục hoặc nhân viên của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế đó đi kèm.

5. Phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế phải chạy đúng luồng, tuyến, đúng tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát và tuân theo sự hướng dẫn của nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ tại khu vực đó. Người điều khiển phương tiện đang phục vụ tàu bay phải túc trực tại phương tiện.

6. Việc quay phim, chụp ảnh trong khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay không thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải được người khai thác cảng hàng không, sân bay cho phép bằng văn bản và phải có nhân viên an ninh hàng không hoặc nhân viên của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế đó đi kèm giám sát.

7. Trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy cứu nạn: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản của người và phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy cứu nạn có trách nhiệm phối hợp với lực lượng an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế để kiểm soát hoạt động của người và phương tiện mà không cần thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, kiểm soát an ninh nội bộ.

Điều 32. Quy định về việc mang vật phẩm nguy hiểm vào khu vực hạn chế

1. Nghiêm cấm đưa vật phẩm nguy hiểm vào các khu vực hạn chế trái phép.

2. Đối với vật phẩm nguy hiểm là công cụ phục vụ cho công việc xây dựng, cải tạo, phục vụ công tác, phục vụ bán hàng trong khu vực hạn chế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 30 của Thông tư này, đơn vị sử dụng phải đăng ký và thực hiện theo quy định của người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tương ứng; danh mục thống kê số lượng, chủng loại, cơ chế quản lý, sử dụng vật phẩm nguy hiểm.

3. Đối với vật phẩm nguy hiểm là công cụ, dụng cụ, vật tư phục vụ cho công việc xây dựng, cải tạo, phục vụ công tác trong khu vực hạn chế khác không

thuộc các khu vực quy định tại khoản 2 của Điều này, đơn vị chủ quản tổ chức quản lý và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng đảm bảo an ninh, an toàn.

Điều 33. Điểm kiểm tra an ninh tại khu vực hạn chế

1. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh phải có các tài liệu sau đây:

a) Trình tự, thủ tục kiểm tra người, đồ vật, phương tiện khi ra, vào khu vực hạn chế đó;

b) Mẫu thẻ, giấy phép được phép vào khu vực đó;

c) Danh sách những người, phương tiện bị mất thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

d) Danh bạ các số điện thoại và các biểu mẫu, biên bản cần thiết;

đ) Sổ giao ca, ghi chép tình hình và kết quả kiểm tra, giám sát an ninh.

2. Tại điểm kiểm tra an ninh phải có vạch kẻ giới hạn kiểm tra an ninh, bố trí nhân viên, thiết bị an ninh thích hợp để bảo đảm việc kiểm tra an ninh được duy trì liên tục. Cổng cửa tại điểm kiểm tra an ninh phải luôn ở vị trí đóng, chỉ mở ra khi đã cho phép người, phương tiện được phép ra, vào.

Điều 34. Giám sát an ninh, tuần tra, canh gác

1. Khu vực hạn chế phải được giám sát an ninh liên tục bằng các biện pháp thích hợp. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tổ chức giám sát hành khách, người, phương tiện hoạt động trong các khu vực hạn chế và khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay nhằm phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm, những biểu hiện nghi ngờ và hành lý, đồ vật vô chủ.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tổ chức lực lượng an ninh hàng không tuần tra, canh gác để kịp thời ngăn chặn người, phương tiện, gia súc xâm nhập vào các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay hoặc vi phạm các quy định bảo đảm an ninh hàng không, an toàn cảng hàng không, sân bay.

3. Tại sân bay dùng chung giữa dân dụng và quân sự, việc tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực giáp ranh giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự được phối hợp thực hiện giữa người khai thác cảng hàng không, sân bay với đơn vị quân đội trong khu vực và được thoả thuận trong văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4. Việc tổ chức tuần tra, canh gác được mô tả chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 35. Kiểm tra, giám sát an ninh người, phương tiện, đồ vật vào và hoạt động tại khu vực hạn chế

1. Nhân viên an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật đưa vào và hoạt động tại khu vực hạn chế. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách, thành viên tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện và các đồ vật đưa lên tàu bay trước chuyến bay được quy định tại Mục 4, Chương III Thông tư này.

2. Nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ khu vực hạn chế phải kiểm tra:

- a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép vào khu vực đó;
- b) Người và đồ vật mang theo;
- c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện đó;
- d) Vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm khác.

3. Kiểm tra nhân viên, khách tham quan khi vào khu vực hạn chế theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h và l khoản 1 Điều 30 của Thông tư này được thực hiện như sau:

- a) Kiểm tra thẻ theo quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này có quan sát đối chiếu thực tế;
- b) Kiểm tra trực quan tại những điểm không có thiết bị phát hiện kim loại;
- c) Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, cổng từ. Khi cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay báo động thì phải tiếp tục kiểm tra trực quan. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên một tỉ lệ nhất định các trường hợp cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay không có báo động.

4. Việc kiểm tra đồ vật mang theo người khi vào các khu vực hạn chế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, l và p khoản 1 Điều 30 của Thông tư này được thực hiện như sau:

- a) Kiểm tra trực quan đồ vật tại những điểm không có máy soi tia X;
- b) Đưa đồ vật qua máy soi tia X. Khi qua máy soi có nghi ngờ thì tiếp tục tiến hành kiểm tra trực quan. Thực hiện kiểm tra trực quan ngẫu nhiên một tỉ lệ nhất định các trường hợp qua máy soi không có nghi ngờ.

5. Việc kiểm tra phương tiện vào các khu vực hạn chế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h và l khoản 1 Điều 30 của Thông tư này được thực hiện được như sau:

- a) Kiểm tra giấy phép của phương tiện;
- b) Quan sát bên ngoài kiểm tra phương tiện;
- c) Dùng gương soi kiểm tra gầm phương tiện;
- d) Kiểm tra trực quan bên trong buồng lái của phương tiện;
- đ) Kiểm tra khoang chở người, hàng của phương tiện;
- e) Kiểm tra các niêm phong của phương tiện, hàng hóa chuyên chở trên phương tiện.

6. Việc kiểm tra đối với người, đồ vật mang theo, phương tiện khi vào các khu vực hạn chế quy định tại các điểm g, i, k, m, n, o và p khoản 1 Điều 30 của Thông tư này được thực hiện như sau:

- a) Đối với người, đồ vật mang theo, kiểm tra thẻ và giấy tờ phù hợp như quy định tại khoản 1 Điều 31 của Thông tư này có quan sát đánh giá, nếu phát hiện nghi vấn phải kiểm tra bổ sung bằng biện pháp thích hợp;

b) Đối với phương tiện phải kiểm tra giấy phép, quan sát bên ngoài, bên trong và các niêm phong trên phương tiện, nếu phát hiện nghi vấn phải kiểm tra bổ sung bằng biện pháp thích hợp.

7. Phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ đưa vào khu vực hạn chế và các vụ việc vi phạm phải được ghi lại trong sổ sách tại điểm kiểm tra an ninh; sổ sách, tài liệu này phải được quản lý và lưu giữ trong thời gian tối thiểu là 06 tháng.

8. Tổ chức, cá nhân mang vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm khác khi ra, vào khu vực an ninh hạn chế phải đăng ký với nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ tại điểm kiểm tra và ký nhận vào sổ.

9. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh cho từng khu vực an ninh hạn chế cụ thể phải được mô tả chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế.

Điều 36. Biển báo, chỉ dẫn tại khu vực công cộng của cảng hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với các cơ quan công an, giao thông phân luồng, tuyến, khu vực; lắp đặt các loại biển báo, biển chỉ dẫn tại các trục đường giao thông công cộng, bãi đỗ xe, khu vực đón tiễn dành cho hành khách và các khu vực công cộng khác tại cảng hàng không.

2. Người, phương tiện đi lại, hoạt động tại các khu vực công cộng phải tuân thủ quy định của Luật Giao thông đường bộ, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn văn minh, lịch sự.

Điều 37. Kiểm tra, giám sát an ninh khu vực công cộng của cảng hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với các cơ quan công an thiết lập các chốt kiểm soát, bố trí nhân viên an ninh hàng không, thiết bị phù hợp tuần tra, giám sát, hướng dẫn cho người và phương tiện tham gia giao thông; duy trì trật tự tại các khu vực công cộng của cảng hàng không; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

2. Việc bố trí lực lượng tuần tra, giám sát, thiết bị chuyên dụng, trình tự kiểm tra, giám sát an ninh phải bảo đảm phát hiện và xử lý kịp thời đồ vật, hành lý, hàng hoá, phương tiện vô chủ, hành vi gây rối, vi phạm pháp luật tại khu vực công cộng của cảng hàng không.

Điều 38. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay, Ủy ban nhân dân địa phương vùng lân cận thực hiện công tác quản lý, giáo dục, tuyên truyền các quy định về an ninh, an toàn hàng không cho nhân dân cư trú trong vùng lân cận.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, Ủy ban nhân dân địa phương vùng lân cận phát hiện và xử lý

các hành vi vi phạm an toàn tĩnh không sân bay, xâm canh, xâm cư, lấn chiếm trái phép, làm hư hỏng các công trình cơ sở kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương khảo sát, đánh giá khu vực lân cận cảng hàng không, bổ sung các vị trí đối tượng khủng bố có thể lợi dụng tấn công tàu bay bằng tên lửa phòng không vắc vai vào Quy chế bay của sân bay.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với Công an các cấp khu vực lân cận xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tấn công cướp phá cảng hàng không, sân bay, tàu bay; việc sử dụng tên lửa phòng không vắc vai và các loại vũ khí khác để tấn công tàu bay trong giai đoạn cất hạ cánh.

5. Lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với Công an cấp phường, xã khu vực lân cận với cảng hàng không, sân bay tuần tra khu vực lân cận bên ngoài cảng hàng không, sân bay khi có yêu cầu nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

6. Cảng vụ hàng không phối hợp với chính quyền địa phương trong việc duy trì trật tự công cộng, bảo đảm thực hiện các quy định về an ninh hàng không; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

Mục 4

KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN NINH TRƯỚC CHUYỂN BAY HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 39. Niêm phong an ninh

1. Thùng đựng hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện; tủ đựng suất ăn; thùng hoặc túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay, trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh; phương tiện vận chuyển xăng dầu sau khi tiếp nhận xăng dầu để nạp cho tàu bay phải niêm phong an ninh các cửa nạp, cửa xả; tàu bay không khai thác tại sân bay hoặc tàu bay đỗ ngoài sân bay phải niêm phong an ninh các cửa của tàu bay.

2. Niêm phong an ninh phải bảo đảm sau khi niêm phong không thể bóc, gỡ hoặc nếu bóc, gỡ sẽ bị hỏng, không thể niêm phong lại; kích cỡ, chủng loại niêm phong phải phù hợp với đối tượng niêm phong.

3. Mẫu niêm phong an ninh, chế độ quản lý, thống kê, cấp phát, sử dụng niêm phong an ninh phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không; Quy chế an ninh của doanh nghiệp suất ăn, doanh nghiệp cung ứng xăng dầu, giao nhận

hàng hóa. Yêu cầu về niêm phong an ninh theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 40. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, khi làm thủ tục vận chuyển, hành khách phải có mặt tại quầy thủ tục xuất trình vé hành khách hoặc thẻ lên tàu do hãng hàng không cấp (vé hoặc giấy tờ có giá trị như vé); giấy tờ sử dụng đi tàu bay theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này. Nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu, đặt câu hỏi tối thiểu đối với hành khách, mẫu câu hỏi theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này. Khách đi theo nhóm phải làm thủ tục cho từng người một; vé, thẻ lên tàu phải ghi rõ họ tên của từng hành khách.

Đối với hành khách không có hành lý ký gửi, hãng hàng không được thực hiện thủ tục vận chuyển cho hành khách bằng hệ thống điện tử thích hợp mà không yêu cầu hành khách phải có mặt tại quầy thủ tục. Phương án thực hiện phải được quy định rõ trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Hành khách được phép ủy quyền cho người đại diện thực hiện thủ tục vận chuyển mà không phải trực tiếp có mặt tại quầy thủ tục trong trường hợp đoàn công tác của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, đoàn của cán bộ cao cấp nêu tại điểm b khoản 7 Điều 22 của Thông tư này hoặc trường hợp khẩn cấp do Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định.

3. Hành khách, hành lý xách tay phải được soi chiếu 100% bằng công từ, máy soi tia X. Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác.

4. Tại mỗi điểm soi chiếu phải có buồng kiểm thể để tiến hành kiểm tra trực quan cơ thể người hoặc hành lý; có máy soi chiếu, công từ, máy dò kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị, dụng cụ cần thiết khác và có đủ nhân viên an ninh hàng không để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, điều hành bảo đảm hiệu quả và không gây ách tắc luồng hành khách.

5. Tại mỗi điểm soi chiếu phải bố trí nhân viên an ninh làm nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- a) Nhân viên kiểm tra giấy tờ đi tàu bay của hành khách;
- b) Nhân viên hướng dẫn đặt hành lý, đồ vật của hành khách lên băng chuyền máy soi chiếu; hướng dẫn hành khách đi qua công từ; giám sát bảo đảm hành khách thực hiện việc kiểm tra soi chiếu đúng quy định;
- c) Nhân viên kiểm tra hành khách bằng máy dò kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ, kiểm tra trực quan hành khách;
- d) Nhân viên quan sát màn hình máy soi tia X; không làm việc liên tục quá 20 phút và thời gian quay trở lại công việc quan sát màn hình tối thiểu là 40 phút;

đ) Nhân viên tiếp nhận hành lý, đồ vật cần kiểm tra theo yêu cầu của nhân viên quan sát màn hình máy soi tia X và chuyển cho nhân viên kiểm tra trực quan;

e) Nhân viên kiểm tra trực quan hành lý xách tay, đồ vật;

g) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra; luân chuyển vị trí làm việc của các nhân viên trong ca; xử lý các vướng mắc, vi phạm khi nhân viên tại điểm kiểm tra báo cáo; không trực tiếp thực hiện các công việc của các nhân viên nêu tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e của khoản này.

6. Khi làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không hành khách phải xuất trình thẻ lên tàu bay, giấy tờ sử dụng đi tàu bay; chịu sự kiểm tra an ninh hàng không và tuân thủ mọi hướng dẫn, yêu cầu của nhân viên an ninh hàng không.

7. Quy trình soi chiếu an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay như sau:

a) Hành khách đặt hành lý xách tay lên băng chuyền đưa qua máy soi; khi hành lý có nghi vấn, nhân viên an ninh phải tiến hành kiểm tra trực quan để xác định;

b) Túi nhựa đựng chai, lọ, bình chất lỏng, thiết bị điện tử, phim ảnh phải lấy ra để nhân viên an ninh kiểm tra bằng trực quan và đưa qua máy soi tia X để soi chiếu riêng;

c) Hành khách phải tuân thủ theo chỉ dẫn của nhân viên an ninh hàng không như: cởi bỏ áo khoác, mũ, vật dụng cá nhân và các đồ vật khác mang theo người để trong khay đưa qua máy soi trước khi đi qua cổng từ;

d) Hành khách đi qua cổng từ, nếu cổng từ báo động thì nhân viên an ninh sử dụng kết hợp máy dò kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan; loại bỏ tất cả các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay rồi cho hành khách vào khu vực cách ly;

đ) Khi hành lý, đồ vật qua máy soi tia X có nghi vấn, nhân viên an ninh phải cô lập hành lý, đồ vật; chuyển cho nhân viên kiểm tra trực quan với sự có mặt của hành khách.

8. Hành khách, hành lý xách tay đã hoàn tất thủ tục soi chiếu an ninh phải được giám sát liên tục cho đến khi lên tàu bay.

9. Việc soi chiếu an ninh đối với hành khách tàn tật, thương binh, bệnh nhân sử dụng xe đẩy, cáng cứu thương, có gắn các thiết bị phụ trợ y tế trên người được thực hiện bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác tại nơi phù hợp.

10. Việc kiểm tra, lục soát kỹ người, hành lý phải được thực hiện tại buồng kiểm thể. Khi kiểm tra trực quan tại buồng kiểm thể nam kiểm tra nam, nữ kiểm tra nữ và phải bố trí người thứ ba cùng giới giám sát, lập biên bản sự việc.

11. Trường hợp phát hiện đồ vật được phép vận chuyển nhưng bị cấm mang theo người, hành lý xách tay lên tàu bay theo quy định tại Phụ lục XV ban

hành kèm theo Thông tư này thì nhân viên an ninh hàng không hướng dẫn hành khách bỏ lại vào nơi quy định hoặc thực hiện thủ tục vận chuyển theo quy định.

12. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên bổ sung sau kiểm tra soi chiếu tối thiểu 05% đối với hành khách, hành lý xách tay.

Điều 41. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa

1. Trường hợp hành khách quá cảnh ở lại trên tàu bay, tàu bay đó phải được giám sát liên tục cho tới khi xuất phát, không cho phép hành khách xuống khỏi tàu bay.

2. Hành khách tạm dừng nội địa, quá cảnh xuống khỏi tàu bay phải mang theo đồ vật cá nhân, hành lý xách tay, không được để lại trên tàu bay. Trước khi vào khu vực cách ly hành khách, hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh; nếu đáp ứng các yêu cầu tại điểm a và điểm b của khoản này sẽ được miễn kiểm tra an ninh:

a) Hành khách được dán thẻ hành khách quá cảnh, tạm dừng;

b) Hành khách đi theo luồng riêng được giám sát an ninh từ tàu bay vào khu vực cách ly, không lẫn với bất kỳ luồng hành khách nào khác.

3. Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm đồ vật cá nhân, hành lý xách tay của hành khách tạm dừng nội địa, quá cảnh xuống khỏi tàu bay không bị để lại trên tàu bay.

4. Hành khách nối chuyến và hành lý xách tay của họ phải được kiểm tra an ninh hàng không như hành khách xuất phát.

Điều 42. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay

1. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định của người khai thác tàu bay. Nhân viên an ninh kiểm tra thẻ của thành viên tổ bay, đối chiếu với danh sách tổ bay của từng chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp. Người khai thác tàu bay phải cung cấp trước chuyến bay danh sách thành viên tổ bay cho an ninh hàng không.

2. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách.

Điều 43. Kiểm tra an ninh đối với hành lý ký gửi

1. Nhân viên làm thủ tục vận chuyển phải yêu cầu từng hành khách xác định đúng hành lý ký gửi của mình mới làm thủ tục vận chuyển, không làm thủ tục nhóm; trường hợp thấy có dấu hiệu nghi ngờ phải thông báo cho nhân viên an ninh hàng không biết để tăng cường kiểm tra.

2. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến phải được soi chiếu an ninh bằng máy soi tia X; nếu có nghi vấn phải được tiếp tục kiểm tra bằng trực quan, máy phát hiện chất nổ hoặc các biện pháp thích hợp khác.

3. Kiểm tra trực quan đối với hành lý ký gửi của hành khách được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hành lý đó hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện người khai thác tàu bay liên quan.

4. Hành lý ký gửi quá cảnh, tạm dừng nội địa đưa xuống khỏi tàu bay, khi đưa lên lại tàu bay phải qua kiểm tra an ninh như hành lý ký gửi xuất phát.

Điều 44. Giám sát an ninh đối với hành lý ký gửi

1. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến, quá cảnh sau khi làm thủ tục chấp nhận và kiểm tra an ninh phải được nhân viên an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay giám sát liên tục cho đến khi đưa lên tàu bay, không được để những người không có trách nhiệm tiếp cận.

2. Khu vực băng chuyền hành lý ký gửi, khu vực phân loại chất xếp hành lý ký gửi phải được nhân viên an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay kiểm soát và giám sát liên tục, những người không có trách nhiệm không được phép tiếp cận những khu vực này.

3. Khi phát hiện hành lý ký gửi không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay, nhân viên phục vụ hành lý có trách nhiệm thông báo kịp thời cho nhân viên an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay. Nhân viên an ninh chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp tái kiểm tra an ninh.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển hành lý ký gửi từ nhà ga ra tàu bay và ngược lại chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn ngừa việc đưa hành lý ký gửi không được phép vận chuyển lên băng chuyền, xe chở hành lý.

Điều 45. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý

1. Hành lý của mỗi hành khách phải được vận chuyển cùng với hành khách trên một chuyến bay, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Hành lý thất lạc;
- b) Hành lý bị giữ lại vì lý do an toàn của chuyến bay;
- c) Túi ngoại giao, túi lãnh sự;
- d) Hành lý của hành khách bị chết trên tàu bay;
- đ) Hành lý vận chuyển như hàng hóa;
- e) Các trường hợp bất khả kháng.

2. Hãng hàng không hoặc người khai thác tàu bay phải bảo đảm:

- a) Mỗi kiện hành lý ký gửi phải có thẻ hành lý ghi rõ số chuyến bay, ngày tháng năm và mã số của kiện hành lý đó;
- b) Lập bảng kê hành lý ký gửi và thực hiện đối chiếu với danh sách hành khách trước chuyến bay;
- c) Ký bản kê danh mục hành lý ký gửi chất xếp trên tàu bay.

3. Hãng hàng không có trách nhiệm đảm bảo toàn bộ hành lý của hành khách phải được đưa xuống tàu bay trước khi cho tàu bay khởi hành trong trường hợp hành khách đó đã được cấp thẻ lên tàu bay nhưng không thực hiện hoặc không tiếp tục thực hiện chuyến bay.

4. Trừ túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý ký gửi vận chuyển không cùng với hành khách trên chuyến bay quy định tại khoản 1 của Điều này phải áp dụng ít nhất một trong các biện pháp kiểm tra an ninh bổ sung sau đây và phải được lập thành biên bản:

- a) Soi chiếu bằng máy soi tia X ở các tư thế khác nhau;
- b) Kiểm tra bằng phương tiện, thiết bị phát hiện chất nổ.

Điều 46. Lưu giữ hành lý ký gửi bị thất lạc, chuyển nhằm địa chỉ

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm bố trí một khu vực để lưu giữ hành lý thất lạc, chuyển nhằm địa chỉ cho đến khi hành lý này được chuyển đi, chuyển tới chủ sở hữu. Khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, chuyển nhằm địa chỉ phải được bảo vệ, những người không có trách nhiệm không được ra vào khu vực này.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất phải lập hồ sơ theo dõi hành lý thất lạc, hành lý chuyển nhằm địa chỉ phải ghi rõ thời gian, nơi đến, chuyến bay, biện pháp giải quyết. Hành lý thất lạc, nhằm địa chỉ phải được kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không trước khi đưa vào khu vực lưu giữ; trước khi được đưa lại lên tàu bay phải được soi chiếu lại.

Điều 47. Kiểm tra an ninh đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự

1. Túi ngoại giao, lãnh sự được miễn kiểm tra an ninh hàng không. Nhân viên an ninh thực hiện như sau:

- a) Kiểm tra niêm phong, những dấu hiệu nhận biết bên ngoài của túi ngoại giao, túi lãnh sự theo quy định của pháp luật về ngoại giao và lãnh sự;
- b) Kiểm tra hộ chiếu, giấy uỷ quyền mang túi ngoại giao, túi lãnh sự, văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự xác nhận số kiện của túi ngoại giao, túi lãnh sự;
- c) Trong trường hợp có cơ sở xác đáng để khẳng định túi ngoại giao, túi lãnh sự có chứa vật phẩm nguy hiểm theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này thì túi ngoại giao, túi lãnh sự đó bị từ chối chuyên chở;
- d) Khi từ chối chuyên chở phải tiến hành lập biên bản nêu rõ lý do từ chối chuyên chở, có sự xác nhận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự và Cảnh vụ hàng không liên quan, biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao.

2. Giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự hay đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự đến gửi, nhận túi ngoại giao, túi lãnh sự thì đồ vật cá nhân mang theo của họ phải được kiểm tra an ninh hàng không như hành khách.

Điều 48. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, hành lý, hàng hoá, đồ vật, suất ăn, xăng dầu của chuyến bay chuyên cơ

1. Miễn kiểm tra an ninh đối với người, hành lý xách tay của đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ.

2. Miễn kiểm tra an ninh đối với các cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, đại diện ngoại giao của nước ngoài vào đón tiễn đối tượng được phục vụ chuyên bay chuyên cơ bao gồm:

- a) Trưởng Ban Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương và các chức vụ tương đương trở lên;
- b) Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên;
- c) Bí thư, Chủ tịch tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và các chức vụ tương đương trở lên;
- d) Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

3. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành lý, hàng hoá, đồ vật, suất ăn, xăng dầu của chuyên bay chuyên cơ được thực hiện theo quy định về bảo đảm chuyên bay chuyên cơ.

4. Lực lượng an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với lực lượng thuộc Bộ Tư lệnh cảnh vệ - Bộ Công an trong việc kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với chuyên bay chuyên cơ theo quy định về bảo đảm chuyên bay chuyên cơ.

Điều 49. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện vận chuyển trên tàu bay hành khách

1. Tại mỗi máy soi chiếu phải bố trí nhân viên an ninh như sau:

- a) Nhân viên thực hiện nhiệm vụ giám sát màn hình máy soi tia X; không làm việc liên tục quá 40 phút và thời gian quay trở lại công việc quan sát màn hình tối thiểu là 40 phút;
- b) Nhân viên thực hiện nhiệm vụ niêm phong an ninh và kiểm tra trực quan;
- c) Nhân viên làm nhiệm vụ kiểm tra giấy tờ, ghi tài liệu về từng lô hàng được kiểm tra;
- d) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện vận chuyển trên tàu bay hành khách phải được soi chiếu 100% bằng máy soi tia X, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 của Điều này. Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện hãng hàng không liên quan.

4. Hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện sau khi đã kiểm tra như quy định tại khoản 3 của Điều này phải được giám sát an ninh cho tới khi đưa lên tàu bay. Khi phát hiện hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện không còn nguyên vẹn hoặc thùng đựng thiếu niêm phong an ninh trước khi chất xếp lên tàu bay, nhân viên phục

vụ hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện có trách nhiệm thông báo kịp thời cho nhân viên an ninh hàng không. Nhân viên an ninh hàng không chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp tái kiểm tra an ninh.

5. Hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện sau khi kiểm tra an ninh khi phải vận chuyển qua các khu vực công cộng để ra tàu bay thì phương tiện vận chuyển phải được giám sát an ninh liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện.

6. Hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện trên tàu bay hành khách không phải kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay hoặc sân đỗ tàu bay, có sự giám sát an ninh hàng không liên tục;

b) Hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển vào khu vực cách ly hàng hóa; trường hợp công-ten-nơ ra khỏi sân đỗ tàu bay qua khu vực công cộng để đưa vào khu vực cách ly hàng hóa và ngược lại thì phải được niêm phong an ninh và phải được giám sát an ninh liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện.

Điều 50. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện vận chuyển trên tàu bay hàng hóa

1. Hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện vận chuyển trên tàu bay hàng hóa phải được soi chiếu 100% bằng máy soi tia X hoặc kiểm tra bằng trực quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này. Trường hợp qua soi chiếu có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện hãng hàng không liên quan.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có thể áp dụng biện pháp kiểm tra an ninh xác suất tối thiểu 30% đối với hàng hóa của các công ty chuyên giao nhận hàng hóa hàng không khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Công ty chuyên giao nhận hàng hóa hàng không là khách hàng lớn, thường xuyên được Cục Hàng không Việt Nam công nhận theo đề nghị của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Người khai thác cảng hàng không, sân bay có Quy chế, quy trình bảo đảm an ninh hàng không thích hợp được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

c) Hàng hóa cùng chủng loại, hàng hóa được sản xuất, phân loại, đóng gói và bảo quản lưu giữ trong những khu vực bảo đảm được bảo vệ ngăn chặn người không có trách nhiệm không vào được những khu vực này;

d) Hàng hóa vận chuyển đến cảng hàng không phải đảm bảo ngăn chặn được người không có trách nhiệm tiếp cận, xâm nhập phương tiện vận chuyển;

đ) Nhân viên đóng gói, bảo quản, lưu giữ hàng hóa, người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa phải qua lớp huấn luyện nhận thức về an ninh hàng không.

3. Hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện trên tàu bay hàng hóa không phải kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay hoặc sân đỗ tàu bay, có sự giám sát an ninh hàng không liên tục;

b) Hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển vào khu vực cách ly hàng hóa; trường hợp công-ten-nơ ra khỏi sân đỗ tàu bay qua khu vực công cộng để đưa vào khu vực cách ly hàng hóa và ngược lại thì phải được niêm phong an ninh và phải được giám sát an ninh liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện.

Điều 51. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý, hàng hóa đặc biệt

1. Miễn soi chiếu và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kệm được gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kệm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kệm phải còn nguyên niêm phong và văn bản xác nhận cơ quan y tế giám sát, kèm theo giấy chứng tử.

2. Miễn soi chiếu và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Miễn soi chiếu và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên an ninh như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, chất phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với hải cốt (bao gồm cả tro cốt) việc kiểm tra an ninh được thực hiện như đối với hàng hoá, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị của cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài và được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận.

5. Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng nếu qua máy soi tia X, trong trường hợp không thể thực hiện soi chiếu thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp bảo đảm an ninh thích hợp.

6. Đối với việc vận chuyển bưu kiện, cơ quan bưu điện chịu trách nhiệm xác nhận vật phẩm, chất nguy hiểm được vận chuyển.

Điều 52. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn

1. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn hàng không (sau đây gọi chung là doanh nghiệp suất ăn) có trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không đối với suất ăn; xây dựng Quy chế an ninh của doanh nghiệp trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Khu vực nhà xưởng, trang thiết bị chế biến, cung ứng, vận chuyển suất ăn phải được bảo vệ, ra vào phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ do doanh nghiệp suất ăn cấp. Phương tiện vận chuyển suất ăn từ nơi cung ứng qua khu vực công cộng ra tàu bay phải có nhân viên bảo vệ của doanh nghiệp áp tải hoặc các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh của doanh nghiệp suất ăn theo quy định.

4. Các mẫu suất ăn phải được lưu giữ ít nhất 24 giờ kể từ khi đưa lên phục vụ trên tàu bay.

5. Nhân viên an ninh hàng không chỉ cho phép tử đựng suất ăn vào sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận tử đựng suất ăn lên tàu bay nếu tử còn nguyên niêm phong an ninh của doanh nghiệp suất ăn.

Điều 53. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay

1. Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được kiểm tra an ninh trước khi đưa vào các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, trừ trách nhiệm quy định tại khoản 3 của Điều này.

2. Khu vực kho chứa các đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được bảo vệ, việc ra vào, có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ do doanh nghiệp cấp.

3. Người khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số lượng, chủng loại đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay khi đưa lên, đưa xuống tàu bay và ghi nhận bằng văn bản.

Điều 54. Bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu cho tàu bay

1. Doanh nghiệp cung ứng xăng dầu có trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không đối với xăng dầu; xây dựng Quy chế an ninh của doanh nghiệp trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Khu vực kho chứa nhiên liệu, phương tiện vận chuyển phải được bảo vệ, ra vào phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ do doanh nghiệp cung ứng xăng dầu cấp.

3. Doanh nghiệp cung ứng xăng dầu chịu trách nhiệm lưu giữ mẫu xăng dầu ít nhất 24 giờ kể từ khi tra nạp cho tàu bay. Phương tiện vận chuyển sau khi tiếp nhận xăng dầu tới khi kết thúc tra nạp cho tàu bay phải có bảo vệ doanh nghiệp áp tải hoặc các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh của doanh nghiệp cung ứng xăng dầu theo quy định; kiểm tra phương tiện vận chuyển nhiên liệu cho tàu bay trước khi vào sân bay, bảo đảm các cửa xả và cửa nạp của phương tiện tra nạp còn nguyên vẹn.

Điều 55. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã, người bị trục xuất, không bao gồm hành khách bị từ chối nhập cảnh khi vận chuyển trên tàu bay phải có người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp giải.

2. Khi làm thủ tục hàng không, người hoặc cơ quan áp giải phải thông báo việc áp giải và cung cấp họ tên, ngày tháng năm sinh; cấp bậc, chức vụ, đơn vị của hành khách là người áp giải; họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ thường trú, tạm trú của hành khách là người bị áp giải; lệnh hoặc quyết định áp giải của cơ quan có thẩm quyền. Người, cơ quan áp giải, nhân viên an ninh, hãng hàng không trao đổi thống nhất về các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình áp giải.

3. Người áp giải và người bị áp giải có thể được bố trí kiểm tra an ninh hàng không tại khu vực riêng. Người bị áp giải và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan.

4. Nhân viên an ninh cảng hàng không, sân bay phối hợp với người áp giải quản lý, giám sát chặt chẽ trong quá trình đưa người bị áp giải lên, xuống tàu bay.

5. Hãng hàng không phải bố trí cho người áp giải và người bị áp giải rời khỏi tàu bay sau cùng so với các hành khách khác.

6. Hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ và những người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết nếu có.

Điều 56. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị từ chối nhập cảnh

1. Hãng hàng không chịu trách nhiệm về hành khách bị từ chối nhập cảnh vào Việt Nam mà hãng chuyên chở, cụ thể:

a) Ký hợp đồng với doanh nghiệp cảng hàng không để bố trí lực lượng an ninh hàng không quản lý, giám sát hành khách cho tới khi đưa hành khách lên chuyến bay rời khỏi Việt Nam;

b) Chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam trong thời gian sớm nhất;

c) Phối hợp với công an cửa khẩu tạm giữ giấy tờ tùy thân của hành khách và làm thủ tục để có được các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó nếu hành khách không có giấy tờ tùy thân hợp lệ;

d) Chỉ giao lại cho hành khách giấy tờ tùy thân hoặc các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó

sau khi hành khách đã được chuyên chở rời khỏi Việt Nam, đã xuống tàu bay và được chuyển giao cho nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại;

đ) Thông báo cho công an cửa khẩu, Cảng vụ hàng không liên quan danh sách, thời gian, địa điểm quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh và chuyến bay chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam.

2. Trường hợp hãng hàng không chuyên chở về Việt Nam hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nước ngoài, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại để có giấy tờ tùy thân của hành khách đó hoặc các giấy tờ khác do nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó.

3. Việc vận chuyển hành khách bị từ chối nhập cảnh nhưng không tự nguyện trở lại điểm xuất phát được thực hiện như đối với hành khách bị trục xuất quy định tại Điều 67 của Thông tư này.

4. Hãng hàng không chịu mọi chi phí liên quan đến hành khách bị từ chối nhập cảnh.

5. Hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị từ chối nhập cảnh và những người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết.

Điều 57. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị mất khả năng làm chủ hành vi

1. Hành khách mất khả năng làm chủ hành vi bao gồm:

- a) Mất khả năng làm chủ hành vi do bị bệnh tâm thần;
- b) Mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng chất kích thích.

2. Không chấp nhận chuyên chở hành khách đang mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng chất kích thích.

3. Việc chấp nhận chuyên chở hành khách bị bệnh tâm thần do hãng hàng không đánh giá và quyết định. Khi chấp nhận chuyên chở phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách bị bệnh tâm thần phải có bác sĩ hoặc thân nhân đi kèm có khả năng kiềm chế được hành vi bất thường của hành khách. Trong trường hợp cần thiết, hành khách bị bệnh tâm thần cần phải được gây mê trước khi lên tàu bay, thời gian bay không được lâu hơn thời gian hiệu nghiệm của thuốc;

b) Hành khách bị bệnh tâm thần và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan, việc kiểm tra có thể được bố trí tại khu vực riêng;

c) Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của hãng hàng không, nhân viên an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay phải hộ tống hành khách bị bệnh tâm thần ra tàu bay, từ tàu bay ra ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không;

d) Hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị bệnh tâm thần. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người

khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 58. Hành khách gây rối

1. Hành khách gây rối là hành khách:

- a) Không chấp hành các quy định, hướng dẫn của nhân viên hàng không có thẩm quyền tại cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay;
- b) Gây rối trật tự kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay;
- c) Tung tin, cung cấp thông tin sai đến mức gây uy hiếp an toàn, an ninh của cảng hàng không, sân bay, tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất và hành khách.

2. Quy trình xử lý hành khách gây rối:

a) Trường hợp hành khách chưa lên tàu bay, nhân viên an ninh hàng không ngăn chặn không cho phép hành khách lên tàu bay, giữ người, thu giữ giấy tờ tùy thân của hành khách, lập biên bản vi phạm, thông báo cho Cảng vụ hàng không liên quan và hãng hàng không liên quan biết;

b) Trường hợp hành khách đã lên tàu bay, tổ bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định tạm dừng chuyến bay vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo cho đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không; đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không thông báo vụ việc cho lực lượng an ninh hàng không tại cảng hàng không xuất phát (trường hợp tàu bay đang dưới mặt đất), cảng hàng không nơi tàu bay hạ cánh (trường hợp tàu bay đang bay) biết để trợ giúp và thông báo cho Cảng vụ hàng không liên quan; nếu nơi hạ cánh là cảng hàng không, sân bay của nước ngoài thì tổ bay lập biên bản vi phạm, bàn giao vụ việc cho nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại để xử lý theo các quy định của pháp luật nước đó;

c) Nhân viên an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay lên ngay tàu bay hoặc ngay sau khi tàu bay hạ cánh, phối hợp với tổ bay để áp giải, áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để áp giải ngay hành khách xuống khỏi tàu bay, thu giữ giấy tờ tùy thân của hành khách, đồ vật vi phạm; tổ bay phải lập biên bản vi phạm hành chính, chuyên giao cho Cảng vụ hàng không liên quan xử lý theo thẩm quyền; đại diện hãng hàng không phải có mặt chứng kiến và phối hợp trong quá trình xử lý vụ việc;

d) Đại diện Cảng vụ hàng không liên quan nhận được thông báo phải đến ngay nơi xử lý vụ việc để trực tiếp đánh giá và quyết định việc xử lý theo thẩm quyền; giám sát toàn bộ quá trình xử lý vụ việc, kể cả trên tàu bay; chủ trì phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không đánh giá vụ việc, quyết định áp dụng các biện pháp tái kiểm tra an ninh, kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay hoặc các biện pháp an ninh cần thiết khác; yêu cầu tổ bay lập báo cáo vụ việc làm cơ sở xem xét xử lý vụ việc vi phạm trên tàu bay; đình chỉ hoặc cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay; lập biên bản vi phạm hành chính hoặc chuyển vụ việc lên Cục Hàng không Việt Nam lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền;

d) Nhân viên an ninh, tổ bay, Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu người có hành vi vi phạm có mặt trong quá trình xử lý vụ việc; trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam quyết định thực hiện các biện pháp ngăn chặn, thu giữ giấy tờ tùy thân của hành khách tại các cảng hàng không, sân bay;

e) Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật; trường hợp cần thiết Cục Hàng không Việt Nam cưỡng chế việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, thu giữ giấy tờ tùy thân của hành khách tại các cảng hàng không, sân bay.

Điều 59. Từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh; tăng cường kiểm tra, giám sát an ninh, kiểm tra trực quan đối với hành khách; cấm vận chuyển có thời hạn hoặc vĩnh viễn bằng đường hàng không

1. Hãng hàng không có quyền từ chối vận chuyển đối với chuyến bay cụ thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Hành khách gây rối;
- b) Người mất khả năng làm chủ hành vi;
- c) Người bị từ chối nhập cảnh, trừ trường hợp hành khách do hãng hàng không vận chuyển vào Việt Nam;
- d) Người bị trục xuất không có người áp giải.

2. Hãng hàng không từ chối vận chuyển hành khách đối với chuyến bay cụ thể theo thông báo của nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài.

3. Quy trình, thủ tục và thẩm quyền quyết định từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không. Việc từ chối vận chuyển hành khách phải được thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không liên quan để giám sát theo thẩm quyền.

4. Hành khách có hành vi vi phạm về an ninh, an toàn hàng không bị xử phạt hành chính, hình sự sẽ bị áp dụng các biện pháp tăng cường kiểm tra, giám sát an ninh, kiểm tra trực quan bắt buộc; các hành vi vi phạm về an ninh, an toàn hàng không nhưng chưa đến mức xử phạt hành chính, hình sự do Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc lập danh sách áp dụng các biện pháp tăng cường kiểm tra, giám sát an ninh, kiểm tra trực quan bắt buộc.

5. Căn cứ kết quả đánh giá tính chất và mức độ vi phạm của hành khách uy hiếp an ninh, an toàn hàng không, cản trở giao thông đường không, Cục Hàng không Việt Nam lập danh sách hành khách bị cấm vận chuyển có thời hạn và cấm vận chuyển vĩnh viễn:

- a) Từ 03 tháng đến 06 tháng đối với những trường hợp sau:
 - Không chấp hành các quy định, hướng dẫn của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay từ hai lần trở lên;
 - Gây rối trật tự và kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay từ hai lần trở lên;

- Xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và nơi có công trình, thiết bị hàng không dân dụng;

- Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và khu vực hạn chế khác trái pháp luật;

- Không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

b) Từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp sau:

Cung cấp các thông tin sai đến mức uy hiếp an ninh, an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất hoặc an toàn của hành khách, tổ bay nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng.

c) Cấm vận chuyển vĩnh viễn đối với các trường hợp sau:

- Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay;

- Sử dụng tàu bay như một vũ khí;

- Tấn công vũ trang trên tàu bay, tại cảng hàng không sân bay, công trình thiết bị phục vụ hoạt động bay;

- Chiếm đoạt, gây bạo loạn tại cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ điều hành bay;

- Bắt giữ con tin tại cảng hàng không sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và trên tàu bay.

d) Các trường hợp bị cấm vận chuyển theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

6. Cục Hàng không Việt Nam quyết định trong trường hợp có đề nghị của nhà chức trách có thẩm quyền của nước ngoài về hành khách bị cấm vận chuyển bằng đường hàng không.

7. Danh sách hành khách bị cấm vận chuyển, tăng cường kiểm tra, giám sát an ninh, kiểm tra trực quan nêu tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này được áp dụng đối với các chuyến bay nội địa, chuyến bay quốc tế xuất phát từ Việt Nam của tất cả các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài. Cục Hàng không Việt Nam thường xuyên cập nhật và thông báo các danh sách này cho các Cảng vụ hàng không, hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 60. Tái kiểm tra an ninh hàng không

1. Hành khách, hành lý xách tay đã kiểm tra an ninh hàng không nhưng ra khỏi khu vực cách ly khi trở lại phải tái kiểm tra an ninh hàng không.

2. Trường hợp có sự tiếp xúc, trộn lẫn giữa hành khách, hành lý xách tay đã qua kiểm tra và người chưa qua kiểm tra an ninh trong khu vực cách ly, trên tàu bay, lực lượng an ninh hàng không của doanh nghiệp cảng hàng không phải áp dụng ngay các biện pháp sau:

a) Tất cả hành khách, hành lý xách tay phải được chuyển sang một khu vực khác, kiểm tra toàn bộ khu vực cách ly;

b) Tái kiểm tra an ninh toàn bộ hành khách, hành lý xách tay trước khi cho lên tàu bay;

c) Trường hợp hành khách đã lên tàu bay, toàn bộ hành khách, hành lý xách tay và khoang hành khách của tàu bay phải được tái kiểm tra an ninh.

3. Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hành lý ký gửi, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ đựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra an ninh hàng không.

4. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không phải được lập thành biên bản.

Điều 61. Biện pháp xử lý vật phẩm nguy hiểm trong quá trình kiểm tra an ninh hàng không hành khách, hành lý, hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện

1. Khi phát hiện vật, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ, chất độc có nguy cơ gây nguy hiểm, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải lập tức sơ tán người, tài sản xung quanh và triển khai phương án khẩn nguy. Trường hợp là vật nổ nếu không biết rõ về cơ chế nổ thì để nguyên hành lý tại chỗ, nhanh chóng phong tỏa khu vực đó, sơ tán hành khách đến nơi an toàn và thông báo ngay cho lực lượng phá dỡ bom mìn của ngành công an, quân đội đến để tháo gỡ.

2. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không có giấy phép theo quy định của pháp luật, lực lượng an ninh hàng không của doanh nghiệp cảng hàng không phải lập biên bản sự việc và chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời thông báo cho hãng hàng không liên quan để có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không tuân thủ các điều kiện bảo đảm vận chuyển an toàn bằng đường hàng không, lực lượng an ninh hàng không của doanh nghiệp cảng hàng không từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh và yêu cầu hãng hàng không, đại diện hợp pháp của người gửi hàng, hành khách tuân thủ các điều kiện vận chuyển.

4. Khi phát hiện vũ khí trong người hành khách phải nhanh chóng bằng biện pháp thích hợp khống chế ngăn chặn để xử lý; phát hiện vũ khí trong hành lý xách tay của hành khách phải cách ly ngay hành khách với hành lý, khống chế hành khách để xử lý.

Điều 62. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực cách ly

1. Khu vực cách ly phải được kiểm tra an ninh hàng không trước khi đưa vào khai thác hàng ngày và giám sát an ninh liên tục trong suốt thời gian khai thác.

2. Khi không hoạt động, tất cả các cửa vào, cửa ra của khu vực cách ly phải được khoá hoặc có nhân viên an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay canh gác, bảo vệ.

3. Các cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly, các hãng hàng không bán hàng miễn thuế trên chuyến bay, khi bán các loại chất lỏng cho hành khách phải để vào túi nhựa trong suốt của mình; trước khi giao cho khách phải đóng gói và niêm phong túi nhựa; bên trong túi phải có chứng từ ghi rõ nơi bán, ngày bán để ở vị trí đọc được một cách dễ dàng mà không cần mở túi.

4. Cán bộ, nhân viên của cảng hàng không, sân bay, cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước, doanh nghiệp hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và những người khác cùng đồ vật mang theo khi vào khu cách ly phải chịu sự kiểm tra, giám sát an ninh hàng không như đối với hành khách, hành lý xuất phát.

5. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với khu vực cách ly phải được quy định cụ thể, chi tiết tại Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mục 5

BẢO ĐẢM AN NINH CHO TÀU BAY HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 63. Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ

1. Khi tàu bay không khai thác phải thực hiện các yêu cầu sau:

a) Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay;

b) Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khoá cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải có biện pháp giám sát thích hợp liên tục nhằm phát hiện và ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận tàu bay trái phép.

2. Đối với tàu bay đang khai thác, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tổ chức canh gác, giám sát liên tục nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện, đồ vật tiếp cận, đưa lên hoặc đưa xuống tàu bay một cách trái phép, sự nguyên vẹn của niêm phong cửa tàu bay.

Điều 64. Kiểm tra an ninh, lục soát an ninh tàu bay

1. Trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra an ninh tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay. Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra an ninh tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không.

2. Việc lục soát an ninh tàu bay được thực hiện theo quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường, phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

3. Việc kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Mỗi tàu bay phải có bảng danh mục kiểm tra an ninh, lục soát an ninh tàu bay và để tại buồng lái tàu bay.

Điều 65. Bảo vệ buồng lái

1. Trong thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khoá từ bên trong và có phương thức trao đổi thông tin bí mật giữa tiếp viên với tổ lái khi phát hiện nghi ngờ hoặc có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không trong khoang hành khách.

2. Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kg trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép;

b) Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn.

Điều 66. Bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay

1. Khi hành khách lên tàu bay, người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra thẻ lên tàu bay của hành khách để đảm bảo hành khách đi đúng chuyến bay; kiểm tra đối chiếu giấy tờ đi tàu bay của hành khách với thẻ lên tàu bay trước khi cho hành khách lên tàu bay.

2. Trước khi cho tàu bay khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải chịu trách nhiệm đối chiếu tổng số hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay với tổng số hành khách thực có trên tàu bay; nếu không có sự trùng khớp phải làm rõ lý do mới được phép khởi hành.

3. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn hàng không, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, an toàn xã hội, không tuân thủ yêu cầu, sự điều hành của tổ bay theo quy định pháp luật; bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay gần nhất đối với những người thực hiện các hành vi đó.

4. Thành viên tổ bay phải tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thường xuyên quan sát khoang hành khách để kịp thời phát hiện hành vi bất thường của hành khách, thông báo cho người chỉ huy tàu bay biết để xử lý; phối hợp với nhân viên an ninh trên không giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

5. Trên mỗi chuyến bay việc bố trí nhân viên an ninh trên không do hãng hàng không quyết định căn cứ vào việc đánh giá nguy cơ đe dọa đối với chuyến bay hoặc khi Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu. Nhân viên an ninh trên không có trách nhiệm tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

6. Hãng hàng không Việt Nam có trách nhiệm xây dựng Quy chế bố trí nhân viên an ninh trên không trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

Điều 67. Vận chuyển hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Hành khách là người bị trục xuất không tự nguyện lên tàu bay, bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã được vận chuyển trên tàu bay phải có người áp giải. Trên một chuyến bay chỉ được vận chuyển không quá 05 người thuộc đối tượng này. Chuyến bay chuyên cơ thuê khoang không vận chuyển hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Đối với chuyến bay từ nước ngoài về Việt Nam, trong trường hợp quy định của pháp luật của nước sở tại khác với quy định tại khoản 1 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và quyết định giới hạn chuyên chở.

3. Chỗ ngồi của người bị áp giải được chỉ định ở các hàng ghế cuối cùng, xa cửa thoát hiểm. Nhân viên áp giải ngồi ghế cạnh lối đi, người bị áp giải ngồi ghế trong, trường hợp số nhân viên áp giải gấp hai lần số người bị áp giải, người bị áp giải ngồi ghế giữa hai nhân viên áp giải.

4. Người bị áp giải phải được người áp giải giám sát trong suốt chuyến bay kể cả khi vào phòng vệ sinh, người bị áp giải có thể được mời ăn với sự đồng ý của người áp giải, người áp giải và người bị áp giải không được sử dụng các loại chất kích thích hoặc dung dịch có cồn.

5. Không được khoá tay hoặc chân người bị áp giải vào bất cứ bộ phận nào của tàu bay.

6. Việc vận chuyển hành khách bị trục xuất nhưng không phải là người bị trục xuất không tự nguyện lên tàu bay, bị can, phạm nhân, người bị dẫn độ với số lượng nhiều hơn quy định tại khoản 1 của Điều này chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ xác định rằng tất cả hành khách đều tự nguyện trở về và có khả năng bảo đảm an ninh. Hãng hàng không chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định. Kết quả đánh giá và quyết định vận chuyển phải được lập thành văn bản và lưu giữ trong tài liệu an ninh của hãng hàng không với thời gian tối thiểu là 01 năm.

Điều 68. Vận chuyển các vật phẩm nguy hiểm trên tàu bay

1. Danh mục các vật phẩm nguy hiểm mà hành khách, tổ bay không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi lên tàu bay theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này. Cục Hàng không Việt Nam thông báo danh mục các vật phẩm nguy hiểm bổ sung trên cơ sở danh mục vật phẩm nguy hiểm do ICAO quy định.

2. Vật phẩm nguy hiểm để trong hàng hoá, hành lý, thư, bưu phẩm, bưu kiện phải được đại diện của hãng hàng không chấp nhận vận chuyển trên tàu bay theo đúng quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

3. Tại quầy làm thủ tục hàng không, điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, nơi bán vé, khu vực băng chuyền hành lý đến phải niêm yết

danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi; thông báo bằng hình thức thích hợp tại nhà ga danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang lên tàu bay quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 69. Mang chất lỏng theo người và hành lý xách tay lên tàu bay

1. Mỗi hành khách chỉ được mang không quá một lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay, trừ chất lỏng (các loại nước), các chất đặc sánh, dung dịch xịt là thuốc chữa bệnh, sữa, thức ăn cho trẻ em, mua tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly của sân bay và trên tàu bay.

2. Dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng mang theo người và hành lý xách tay không quá 100ml và phải được đóng kín hoàn toàn. Các chai, lọ, bình chất lỏng phải để gọn trong một túi nhựa trong suốt quy định tại Phụ lục XXVI; mỗi hành khách chỉ được phép mang một túi nhựa.

3. Thuốc chữa bệnh phải kèm theo đơn thuốc trong đó phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người kê đơn thuốc, trong đơn phải có họ và tên người sử dụng thuốc phù hợp với họ và tên trên vé hành khách. Sữa, thức ăn dành cho trẻ em, trẻ sơ sinh phải có trẻ em, trẻ sơ sinh đi cùng.

4. Chất lỏng hành khách mua tại cửa hàng miễn thuế trong khu cách ly, trên chuyến bay được phép mang theo người và hành lý xách tay với điều kiện phải đựng trong túi nhựa trong suốt quy định tại Phụ lục XXVI của người bán có niêm phong của nơi bán; bên trong có chứng từ để ở vị trí đọc được một cách dễ dàng mà không cần mở túi có ghi các nội dung:

- a) Ngày bán hàng (ngày/tháng/năm);
- b) Nơi bán (quốc gia, sân bay, hãng hàng không) dùng mã quốc tế;
- c) Số chuyến bay, tên hành khách;
- d) Số lượng và danh sách hàng trong túi.

Điều 70. Mang vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật bảo vệ và vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay

1. Những người sau đây được phép mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị kỹ thuật bảo vệ theo người lên tàu bay trên các chuyến bay:

a) Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ của Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế trên các chuyến bay của các hãng hàng không Việt Nam; trường hợp đi trên chuyến bay của hãng hàng không nước ngoài, phải được sự đồng ý của hãng hàng không;

b) Nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam;

c) Nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay của hãng hàng không nước ngoài;

d) Nhân viên cảnh vệ của nước ngoài khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quan chức cao cấp nước ngoài trên các chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam, có

văn bản đề nghị của Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài.

2. Cán bộ áp giải bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã, người bị từ chối nhập cảnh được phép mang theo cồng số 8 lên tàu bay khi thực hiện nhiệm vụ áp giải.

3. Người được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định pháp luật nhưng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này khi làm thủ tục đi tàu bay phải thông báo cho nhân viên làm thủ tục để ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ cho hãng hàng không. Người khai thác tàu bay phải cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ ở vị trí hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

4. Người được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải xuất trình giấy phép sử dụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi làm thủ tục hàng không; việc mang vũ khí trên các chuyến bay quốc tế phải được phép của các quốc gia có liên quan.

5. Vũ khí, công cụ hỗ trợ của đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này phải để ở trạng thái an toàn, đạn phải tháo rời khỏi súng và khi sử dụng phải tuân thủ theo pháp luật của quốc gia liên quan. Việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trên chuyến bay của nhân viên an ninh trên không của hãng hàng không Việt Nam phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

6. Việc mang vũ khí, công cụ hỗ trợ theo người trên các chuyến bay quy định tại các điểm c, điểm d khoản 1 của Điều này phải được phép của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý vũ khí.

7. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này thực hiện theo thỏa thuận giữa Bộ Tư lệnh Cảnh vệ và Cục Hàng không Việt Nam. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này, hãng hàng không Việt Nam có trách nhiệm xây dựng Quy chế bố trí nhân viên an ninh trên không trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không.

8. Việc mang vũ khí, công cụ hỗ trợ của nhân viên an ninh trên không trên chuyến bay của hãng hàng không nước ngoài đi, đến Việt Nam thực hiện theo thỏa thuận giữa Cục Hàng không Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền về an ninh hàng không của nước ngoài. Vũ khí, công cụ hỗ trợ được quản lý như sau:

a) Trường hợp người mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ không nhập cảnh thì vũ khí, công cụ hỗ trợ phải để trên tàu bay;

b) Trường hợp nhập cảnh, người mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ phải ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ cho an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay trước khi làm thủ tục nhập cảnh và nhận lại sau khi đã làm thủ tục xuất cảnh;

c) Quy trình, thủ tục tiếp nhận, quản lý, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ quy định tại điểm b của khoản này phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

9. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về tên, chỗ ngồi, lý do hành khách được phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ theo người trên chuyến bay; những hành khách mang vũ khí, công cụ hỗ trợ theo người trên cùng chuyến bay phải được thông báo vị trí ngồi của nhau. Tiếp viên hàng không không cung cấp các loại đồ uống có chất kích thích hoặc dung dịch có cồn cho những người mang theo vũ khí, công cụ hỗ trợ trên tàu bay.

10. Việc mang theo trang thiết bị y tế là vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay phải được sự đồng ý của hãng hàng không và được Cục Hàng không Việt Nam cho phép; văn bản đề nghị phải gửi Cục Hàng không Việt Nam trước thời gian chuyến bay tối thiểu là 03 ngày làm việc.

Điều 71. Thủ tục, trình tự tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm thủ tục đi tầu bay phải:

a) Xuất trình vũ khí, công cụ hỗ trợ và các loại giấy phép liên quan, cho nhân viên hàng không kiểm tra khi làm thủ tục đi tầu bay;

b) Trường hợp mang súng phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 70 của Thông tư này; tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 70 của Thông tư này và ký xác nhận.

2. Nhân viên làm thủ tục của hãng hàng không thông báo cho an ninh hàng không để kiểm tra các loại giấy phép liên quan đến vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trường hợp là súng, nhân viên an ninh hoàn thành và ký vào tờ khai.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 70 của Thông tư này:

a) Người có vũ khí phải tháo rời hộp tiếp đạn khỏi súng; tháo rời hoặc ngắt nguồn điện của công cụ hỗ trợ; bảo đảm chắc chắn vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn;

b) Đạn phải được đóng gói và chất xếp theo đúng quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Người được chỉ định của hãng vận chuyển ký xác nhận vào tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Vận chuyển súng, đạn từ điểm làm thủ tục lên tàu bay phải có nhân viên an ninh hàng không giám sát, hộ tống;

d) Súng, đạn phải để ở nơi hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

4. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về số lượng súng, đạn được tiếp nhận vận chuyển trên chuyến bay.

5. Hãng hàng không Việt Nam phải có hộp an ninh thích hợp đặt trên tàu bay để giữ và bảo quản súng, đạn khi hành khách gửi riêng. Hộp an ninh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Làm bằng vật liệu thép, kín, bền vững;

b) Có khóa chắc chắn;

c) Đặt ở vị trí bảo đảm hành khách, người không có trách nhiệm không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

6. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không.

Mục 6

BẢO ĐẢM AN NINH CHO HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 72. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung

1. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung đỗ tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện như đối với tàu bay hoạt động vận chuyển thương mại.

2. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung đỗ ngoài cảng hàng không, sân bay thực hiện như sau:

a) Người khai thác tàu bay phải xây dựng phương án bảo vệ tàu bay phù hợp với hoạt động khai thác của mình; phối hợp, hợp đồng với chính quyền địa phương tổ chức bảo vệ tàu bay; bố trí lực lượng canh gác tàu bay liên tục nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời người, phương tiện tiếp cận và lên tàu bay trái phép; thiết lập hệ thống hàng rào, chiếu sáng ban đêm thích hợp quanh khu vực tàu bay đỗ;

b) Cửa tàu bay phải được khoá.

3. Người khai thác tàu bay hoạt động hàng không chung chịu trách nhiệm kiểm tra an ninh tàu bay trước khi cho người, đồ vật lên tàu bay và bảo đảm an ninh trong khi bay.

Điều 73. Kiểm tra, giám sát an ninh người, đồ vật đưa lên chuyến bay hoạt động hàng không chung

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện như quy định đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hàng không thương mại.

2. Tàu bay xuất phát từ một cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay hoạt động hàng không chung phải gửi danh sách người, đồ vật đưa lên tàu bay cho người khai thác cảng hàng không, sân bay để thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trước chuyến bay.

3. Tàu bay xuất phát từ nơi nằm ngoài cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay hoạt động hàng không chung phải thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay.

4. Việc kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay hoạt động hàng không chung được quy định cụ thể tại Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay.

Mục 7

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG

Điều 74. Cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không

1. Các biện pháp bảo đảm an ninh sẽ được tăng cường khi có nguy cơ cao đối với an ninh hàng không dân dụng, tùy vào mức độ của nguy cơ an ninh hàng không dân dụng tăng cường có 03 cấp độ.

2. Cấp độ 1 được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Có sự kiện chính trị, xã hội trọng đại của đất nước;
- b) Có tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội phức tạp như bạo loạn, biểu tình chống đối chính trị, bao vây trụ sở chính quyền.

3. Cấp độ 2 được áp dụng trong trường hợp sau:

- a) Có thông tin tình báo về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng nhưng chưa xác định địa điểm, mục tiêu, thời gian, phương thức cụ thể;
- b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội nghiêm trọng tại địa phương.

4. Cấp độ 3 được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a) Có thông tin tình báo về một âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng có địa điểm, mục tiêu, thời gian, phương thức cụ thể;
- b) Có tình hình mất an ninh chính trị, trật tự xã hội đặc biệt nghiêm trọng tại địa phương.

Điều 75. Thu thập thông tin âm mưu can thiệp bất hợp pháp

1. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao để thu thập thông tin âm mưu tấn công can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

2. Cục Hàng không Việt Nam công bố số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận các thông tin liên quan đến âm mưu tấn công can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 76. Quyết định áp dụng cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không

1. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định áp dụng, hủy bỏ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không dân dụng ở các cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3; báo cáo ngay cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Việc áp dụng, hủy bỏ cấp độ tăng cường bảo đảm an ninh hàng không có thể được áp dụng trên phạm vi toàn quốc, tại một cảng hàng không sân bay hoặc chuyến bay cụ thể.

Điều 77. Các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường

1. Các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường áp dụng cho từng cấp độ phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không

dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không, Quy chế an ninh của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm điều phối chung việc đánh giá và triển khai thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường tương xứng với mức độ uy hiếp an ninh hàng không dân dụng. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay các biện pháp tăng cường áp dụng cho cấp độ đó.

3. Các biện pháp an ninh tăng cường cho từng cấp độ theo quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 8

CUNG CẤP, KHAI THÁC, XỬ LÝ, SỬ DỤNG THÔNG TIN VỀ HÀNH KHÁCH, HÀNG HOÁ

Điều 78. Trách nhiệm cung cấp thông tin trước về hành khách dưới dạng dữ liệu máy tính

1. Hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân cung cấp thông tin trước về hành khách dưới dạng dữ liệu máy tính (sau đây gọi chung là dữ liệu API) cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước khi nhập cảnh tại một sân bay quốc tế của Việt Nam.

2. Hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân có trách nhiệm đăng ký mạng truyền để cung cấp dữ liệu API cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Việc cung cấp dữ liệu API không áp dụng đối với các chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài chở khách mời của Đảng và Nhà nước đến thăm và làm việc tại Việt Nam; các chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam; các chuyến bay của nước ngoài hoặc của Việt Nam làm nhiệm vụ hộ tống, tiền trạm cho các chuyến bay chuyên cơ nêu trên; các chuyến bay quân sự, chuyên dụng của lực lượng Quân đội, Công an, Hải quan Việt Nam, các chuyến bay sử dụng cho mục đích công vụ của Nhà nước Việt Nam và các chuyến bay cứu hộ, cứu nạn.

Điều 79. Đăng ký mạng truyền và cung cấp dữ liệu API

1. Các hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân có trách nhiệm đăng ký mạng truyền để cung cấp dữ liệu API cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu API được các hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân cung cấp trực tuyến qua mạng máy tính tới Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế liên quan của Việt Nam.

3. Trong trường hợp vì lý do khách quan hoặc sự cố kỹ thuật mà không thể cung cấp thông tin, dữ liệu API trong thời hạn quy định của pháp luật, các

hãng hàng không hoặc người khai thác chuyến bay tư nhân phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không liên quan tại Cảng hàng không quốc tế liên quan của Việt Nam để cơ quan này thông báo cho Đồn Công an và Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế.

Điều 80. Thời hạn và chế độ cung cấp dữ liệu API

1. Dữ liệu API phải được các hãng hàng không hoặc người khai thác chuyến bay tư nhân cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ngay khi làm thủ tục cho hành khách và tổ bay lên máy bay để đến một sân bay quốc tế của Việt Nam.

2. Dữ liệu API cung cấp tới Cảng vụ hàng không liên quan, Cảng hàng không quốc tế của Việt Nam theo chế độ thông tin 24 giờ trong 07 ngày. Chế độ thông tin 24 giờ trong 07 ngày là việc cung cấp thông tin, dữ liệu thường xuyên, liên tục 24 giờ trong ngày và trong cả tuần.

Điều 81. Tiếp nhận và truyền thông tin, dữ liệu API

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế tiếp nhận và truyền dữ liệu API cho Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền quy định của pháp luật.

2. Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế liên quan thực hiện tiếp nhận đăng ký mạng truyền dữ liệu API của các hãng hàng không và người khai thác các chuyến bay tư nhân theo phương án kỹ thuật quy định.

3. Trường hợp hệ thống thông tin, dữ liệu qua mạng máy tính gặp sự cố thì Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế liên quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan nhanh chóng khắc phục để bảo đảm thông tin, dữ liệu API được cung cấp và được xử lý trước khi các chuyến bay hạ cánh tại sân bay quốc tế của Việt Nam.

Điều 82. Khai thác, xử lý, sử dụng thông tin, dữ liệu API

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và khai thác thông tin, dữ liệu API theo quy định của pháp luật; bảo đảm thông tin, dữ liệu API được xử lý trước khi chuyến bay hạ cánh tại sân bay quốc tế của Việt Nam.

2. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật tổ chức họp định kỳ 6 tháng một lần để:

a) Đánh giá việc thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu API của các hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân;

b) Đánh giá về chất lượng thông tin đã được khai thác, sử dụng để thông báo cho các hãng hàng không hoặc người khai thác các chuyến bay tư nhân biết để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

3. Thông tin, dữ liệu API chỉ được sử dụng vì mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh hàng không; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

4. Cơ quan tiếp nhận và khai thác thông tin, dữ liệu API có trách nhiệm bảo đảm giữ bí mật về chi tiết nhân thân, hành lý của hành khách và tổ bay; không

được làm ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của các hãng hàng không và người khai thác các chuyến bay tư nhân nói trên.

Điều 83. Trách nhiệm theo dõi, đơn đốc việc cung cấp thông tin, dữ liệu API

Cảng vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế có trách nhiệm theo dõi, đơn đốc các hãng hàng không hoặc người khai thác chuyến bay tư nhân cung cấp thông tin, dữ liệu API theo đúng thời hạn quy định.

Điều 84. Nguyên tắc sử dụng, cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hoá

1. Không được phép kinh doanh thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hoá.

2. Không tổ chức, cá nhân nào không phải là hãng hàng không liên quan đến việc vận chuyển hành khách, hàng hoá được phép khai thác, sử dụng thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hoá, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của Điều này.

3. Hãng hàng không có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hoá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu vì mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, an toàn hàng không dân dụng; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và các tội phạm hình sự khác.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG BỊ, THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG, VŨ KHÍ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 85. Giấy phép khai thác thiết bị an ninh hàng không dân dụng

1. Các chủng loại thiết bị an ninh hàng không trước khi khai thác phải được sự chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam bao gồm:

- a) Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay;
- b) Thiết bị phát hiện, chứa, xử lý chất nổ;
- c) Thiết bị phát hiện xâm nhập, thiết bị nhận dạng;
- d) Hệ thống camera giám sát an ninh và thiết bị cảnh báo đột nhập.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

- a) Công văn đề nghị cấp phép;
- b) Tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị; tài liệu khai thác, sử dụng thiết bị;
- c) Biên bản nghiệm thu thử nghiệm;
- d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định hồ sơ, tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị, chấp thuận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối chấp thuận cho người đề nghị. Việc chấp thuận có thời hạn tối đa là 10 năm.

4. Thiết bị bị hỏng, hoạt động dưới tiêu chuẩn, quá niên hạn sử dụng theo quy định phải bị đình chỉ khai thác.

5. Cục Hàng không Việt Nam công nhận hoặc ban hành tiêu chuẩn cơ sở tối thiểu về thiết bị an ninh hàng không và bộ mẫu thử chuẩn cho khai thác các thiết bị an ninh hàng không; định kỳ kiểm tra thực tế các thiết bị được khai thác theo các nội dung quy định tại Phụ lục XIX, Phụ lục XX, Phụ lục XXI của Thông tư này.

Điều 86. Quy định về khai thác, bảo trì thiết bị an ninh

1. Hệ thống máy soi tia X, công từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, hệ thống camera giám sát, thiết bị phát hiện chất nổ, thiết bị phát hiện đột nhập, thiết bị nhận dạng, hệ thống đèn chiếu sáng phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch thiết bị; phải bảo đảm hoạt động ổn định; hệ thống máy soi tia X phải được cấp phép an toàn bức xạ của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hệ thống máy soi tia X, công từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ phải có bộ mẫu thử của nhà sản xuất hoặc đơn vị vận hành, khai thác.

3. Hình ảnh đã qua máy soi tia X lưu giữ tối thiểu 30 ngày; hình ảnh của máy thu hình giám sát lưu giữ tối thiểu 30 ngày.

4. Máy soi tia X, công từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, trước khi sử dụng hàng ngày hoặc khi đang hoạt động bị ngừng do mất điện phải được kiểm tra bằng bộ mẫu thử:

a) Đối với máy soi tia X: Yêu cầu kiểm tra, các bước tiến hành kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với công từ: Yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với thiết bị phát hiện kim loại cầm tay: Yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Máy soi tia X, công từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ, máy thu hình giám sát, thiết bị phát hiện đột nhập phải định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo quy định để bảo đảm các thiết bị hoạt động ổn định. Thiết bị an ninh hàng không khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn phải ngừng khai thác sử dụng. Sổ kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa đột xuất phải được ghi chép rõ ràng, chính xác và phải có các thông tin sau:

a) Tên thiết bị; vị trí, người, thời gian lắp đặt;

b) Ngày, tháng, năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng; nội dung, kết quả kiểm tra, bảo dưỡng; tên nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng.

6. Định kỳ tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp tình hình công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không. Phân loại về số lượng, chất lượng, thiết bị bổ sung mới, hỏng, tiêu hủy.

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm ban hành quy trình quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị an ninh hàng không.

Điều 87. Quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ sử dụng được trang bị cho lực lượng an ninh hàng không bao gồm:

a) Vũ khí quân dụng: các loại súng ngắn, súng trường, súng liên thanh và đạn của các loại súng nói trên;

b) Công cụ hỗ trợ: các loại roi cao su, roi điện, gậy điện, gậy cao su; lựu đạn cay; súng bắn hơi cay, ngạt, độc, gây mê; bình xịt hơi cay, ngạt, độc, gây mê, súng bắn đạn nhựa, cao su; mũ chống đạn; áo chống đạn, áo chống va đập; lá chắn; găng tay bắt dao; còng số tám.

2. Các trường hợp được phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không; chống hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

b) Thực hiện huấn luyện đào tạo;

c) Thực hiện thử nghiệm an ninh.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện thủ tục xin giấy phép trang bị, sử dụng vũ khí theo quy định của pháp luật.

4. Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ chuyên trách được trang bị sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ trong khu vực cảng hàng không, sân bay phải có giấy phép sử dụng và xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra; khi đi công tác ra ngoài cơ quan, đơn vị, nếu được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ phải mang theo giấy phép sử dụng, giấy điều động công tác của Thủ trưởng cơ quan và giấy tờ tùy thân để xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra.

5. Đối tượng được trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ:

a) Đối tượng nêu tại các điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 6 của Điều này được trang bị, sử dụng mũ chống đạn, áo chống đạn; lá chắn, găng tay điện; lựu đạn hơi cay; súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; bình xịt hơi cay, gây mê; roi điện, gậy điện, roi cao su;

b) Cán bộ, nhân viên an ninh kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác tại các trạm gác thuộc khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, cổng, cửa vào, ra tiếp giáp sân bay, khu vực hạn chế, khu vực công cộng (nhà ga, bãi

đồ xe) được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, roi cao su; gậy điện;

c) Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ tăng cường đảm bảo an ninh cho chuyến bay; cưỡng chế, áp giải hành khách gây rối, hành khách bị từ chối nhập cảnh được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, gậy điện, roi cao su;

d) Trường ca trực khi thực hiện nhiệm vụ tại điểm kiểm tra soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay; roi điện, roi cao su; gậy điện;

đ) Cán bộ, nhân viên bảo vệ chuyên trách tại các cơ quan, doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ trụ sở cơ quan, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay; súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, gậy điện, roi cao su;

e) Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát áp tải hàng hóa ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay.

g) Phục vụ công tác huấn luyện;

6. Những đối tượng quy định dưới đây được trang bị, sử dụng vũ khí quân dụng khi làm nhiệm vụ:

a) Nhân viên an ninh hàng không khi đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

b) Nhân viên kiểm soát an ninh khi làm nhiệm vụ trong thời gian thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường cấp độ 2 và cấp độ 3;

c) Phục vụ công tác huấn luyện;

d) Cán bộ, nhân viên an ninh cơ động;

đ) Cán bộ, nhân viên an ninh làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác ban đêm;

e) Nhân viên an ninh trên không của các hãng hàng không Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ được trang bị, sử dụng súng và đạn phù hợp sử dụng trên tàu bay.

7. Bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị. Khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc kết thúc ca trực phải bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người có trách nhiệm để quản lý hoặc bàn giao cho người trực ca sau. Việc bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải đảm bảo chặt chẽ và cập nhật vào sổ, có chữ ký của người nhận và người giao;

b) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ sử dụng thường xuyên, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải duy trì chế độ bảo dưỡng hàng ngày và tổ chức kiểm tra chất lượng bảo quản vào cuối tuần;

c) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ không sử dụng thường xuyên phải bố trí người chuyên trách việc bảo quản, phải có kho, tủ riêng để bảo quản, có tủ đựng vũ khí, công cụ hỗ trợ riêng biệt. Kho bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật an toàn phòng, chống cháy, nổ, có nội quy ra, vào kho; vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo quản trong kho phải được bôi dầu, mỡ thường xuyên;

d) Người được giao chuyên trách việc bảo quản đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm; đã qua lớp đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra, bảo quản và có sổ sách theo dõi việc bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ.

8. Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ các cơ quan, doanh nghiệp phải có chứng nhận đã được đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ do cơ quan công an, quân đội hoặc đơn vị được phép theo quy định của pháp luật tổ chức thì mới đủ điều kiện được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ;

9. Định kỳ tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp tình hình công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ. Phân loại về số lượng, chất lượng vũ khí, công cụ hỗ trợ; thời hạn giấy phép sử dụng; vũ khí, công cụ hỗ trợ bổ sung mới, hỏng, tiêu hủy.

10. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ chịu trách nhiệm ban hành quy định quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Chương V

CƠ SỞ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ LỰC LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 88. Tổ chức lực lượng an ninh và bảo vệ chuyên trách hàng không dân dụng

1. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lực lượng an ninh hàng không, bao gồm:

a) Cán bộ, chuyên viên chuyên trách làm công tác tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;

b) Cán bộ, chuyên viên chuyên trách làm công tác tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp hoạt động hàng không chung, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu;

c) Nhân viên an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay gồm: nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh cơ động;

d) Nhân viên an ninh của doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu gồm: nhân viên an ninh soi chiếu, nhân viên an ninh kiểm soát, nhân viên an ninh cơ động;

đ) Nhân viên an ninh trên không của hãng hàng không Việt Nam gồm: nhân viên an ninh trên không chuyên trách và tiếp viên trưởng.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác có trách nhiệm tổ chức lực lượng bảo vệ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ duy trì an ninh trật tự tại khu vực thuộc thẩm quyền quản lý bao gồm:

a) Cán bộ, chuyên viên chuyên trách làm công tác tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh;

b) Nhân viên bảo vệ chuyên trách của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn, xăng dầu, giao nhận hàng hóa và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác.

3. Chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu, quy trình nghiệp vụ, quy tắc ứng xử của mỗi chức danh, công việc của lực lượng an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ chuyên trách phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng, Quy chế an ninh hàng không dân dụng.

Điều 89. Tổ chức hệ thống bảo đảm an ninh hàng không dân dụng

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay phải chỉ định người chịu trách nhiệm trực tiếp về bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay.

2. Người chịu trách nhiệm trực tiếp về an ninh hàng không nêu tại khoản 1 của Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có kiến thức về quy định pháp luật trong nước và quốc tế về bảo đảm an ninh hàng không;

b) Có kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động bảo đảm an ninh hàng không hoặc kinh nghiệm về công tác bảo đảm an ninh ở lực lượng quân đội hoặc công an;

c) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam;

d) Có kiến thức về các vấn đề cụ thể sau: hệ thống an ninh và kiểm soát ra vào, bảo đảm an ninh trong chuyến bay và trên mặt đất, các đồ vật bị cấm và bị hạn chế, tổng quan về khủng bố, sử dụng ngoại ngữ phổ biến để làm việc;

e) Được huấn luyện định kỳ hoặc đột xuất các kiến thức về an ninh hàng không, các quy định pháp luật trong nước và quốc tế về an ninh hàng không, kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

3. Đối với hãng hàng không Việt Nam, người khai thác cảng hàng không, sân bay, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 2 của Điều này, người

chịu trách nhiệm trực tiếp về bảo đảm an ninh hàng không phải thực hiện nhiệm vụ chuyên trách.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tổ chức hệ thống độc lập bảo đảm an ninh hàng không thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, quy định trong Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Cơ quan tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không;

b) Trung tâm, Phòng hoặc Đội an ninh hàng không tại các cảng hàng không, sân bay để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không.

5. Hãng hàng không Việt Nam phải tổ chức hệ thống độc lập bảo đảm an ninh hàng không thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không, bao gồm:

a) Cơ quan tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không;

b) Cán bộ chuyên trách về an ninh hàng không tại các đơn vị trực thuộc liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác tàu bay;

c) Nhân viên an ninh trên không của hãng.

6. Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động khai thác và yêu cầu về an ninh tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, hãng hàng không, Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập mô hình tổ chức an ninh hàng không phù hợp.

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, người khai thác tàu bay, cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay có nghĩa vụ ban hành quy trình và chỉ định tổ chức chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 90. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chuyên viên chuyên trách làm công tác tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chuyên viên an ninh hàng không thuộc Cục Hàng không Việt Nam:

a) Tham mưu, đề xuất các chính sách, biện pháp, văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng trình lãnh đạo Cục Hàng không Việt Nam;

b) Định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất khi xét thấy cần thiết, tổ chức thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm về an ninh hàng không nhằm đánh giá việc tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng; của các tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động hàng không dân dụng;

c) Theo dõi chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với lực lượng an ninh của các Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo

dưỡng, sửa chữa tàu bay; công tác đào tạo cơ bản, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện nhận thức an ninh hàng không dân dụng cho lực lượng an ninh hàng không và các đối tượng liên quan;

d) Tổ chức kiểm định, giám định, kiểm tra, đánh giá các trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không dân dụng, nhân viên an ninh hàng không dân dụng theo tiêu chuẩn được áp dụng;

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều này người được cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không được phép tiếp cận, lên tàu bay vào các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, tài liệu, phương tiện, nhân viên hàng không; được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân xuất trình, sao chụp giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

e) Lập biên bản vi phạm, đề xuất xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật; đề nghị Thanh tra hàng không, Giám đốc Cảng vụ hàng không đình chỉ thực hiện chuyến bay vì lý do an ninh hàng không dân dụng;

g) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng ở trong nước và nước ngoài;

h) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chuyên viên an ninh hàng không thuộc Cảng vụ hàng không:

a) Thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không dân dụng việc tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng trong phạm vi được phân công;

b) Lập biên bản vi phạm, đề xuất xử phạt vi phạm theo quy định pháp luật;

c) Khi thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 2 của Điều này, người được cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không được phép tiếp cận, lên tàu bay vào các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, tài liệu, phương tiện, nhân viên hàng không; được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân xuất trình giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

d) Đề nghị Thanh tra hàng không, Giám đốc Cảng vụ hàng không đình chỉ thực hiện chuyến bay vì lý do an ninh hàng không dân dụng;

đ) Thực hiện nhiệm vụ của giám sát viên an ninh hàng không dân dụng nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh hàng không dân dụng; lập biên bản về vụ việc xảy ra đồng thời báo cáo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam; chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định pháp luật;

e) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng ở trong nước và nước ngoài;

g) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của người, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chuyên viên an ninh hàng không thuộc người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, hãng hàng không Việt Nam:

a) Tham mưu trong việc xây dựng và triển khai thực hiện quy định, chính sách, tiêu chuẩn, Chương trình, quy trình nghiệp vụ, thực hiện các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp;

b) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp;

c) Tham gia huấn luyện nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng cho các đối tượng liên quan thuộc doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Triển khai công tác kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh hàng không dân dụng theo hợp đồng đã ký kết;

đ) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng;

e) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của người, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Cục Hàng không Việt Nam cấp Thẻ giám sát an ninh hàng không cho các giám sát viên an ninh của Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Lãnh đạo, cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không thuộc Cục Hàng không Việt Nam để thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không trong phạm vi toàn ngành;

b) Lãnh đạo, cán bộ tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng thuộc Cảng vụ hàng không để thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an ninh hàng không trong phạm vi cảng hàng không, sân bay thuộc trách nhiệm quản lý;

c) Cán bộ lãnh đạo về công tác quản lý, tham mưu, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cảng hàng không để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát trong nội bộ đơn vị và thực hiện kiểm tra, giám sát các tổ chức cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay thuộc trách nhiệm quản lý về việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không;

d) Mẫu thẻ giám sát an ninh hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 91. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên an ninh hàng không

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Kiểm tra, giám sát người, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, phương tiện, nhiên liệu, suất ăn và các vật phẩm khác khi đưa vào khu vực hạn chế, lên tàu bay; kiểm soát ra, vào, hoạt động của người, phương tiện trong các khu vực hạn chế; kiểm tra đối chiếu giấy tờ sử dụng đi tàu bay của hành khách;

b) Kiểm soát, giám sát người, phương tiện ra, vào, hoạt động trong các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; canh gác, bảo vệ tàu bay tại sân

đồ và bảo vệ, các khu vực hạn chế; tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ, kiểm soát an ninh, trật tự tại khu vực sử dụng cho hoạt động dân dụng; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị lực lượng vũ trang để tuần tra, kiểm soát, duy trì an ninh trật tự khu vực sử dụng chung cho hoạt động quân sự và dân dụng tại cảng hàng không, sân bay;

c) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi đe dọa sức khỏe, tính mạng của người, chiếm giữ trụ sở, cơ sở, làm hư hỏng tàu bay, trang thiết bị hàng không, gây rối trật tự, trộm cắp tài sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp xử lý các hành vi vi phạm trên tàu bay; phối hợp, hỗ trợ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

d) Kiểm tra, giám sát việc vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu cháy, nổ, vật dụng nguy hiểm khác đối với người được mang vũ khí vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc lên tàu bay;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng để rà, tháo gỡ, phá, xử lý bom, mìn, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ, áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay; phối hợp xử lý hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện và các đồ vật khác chứa vật phẩm nguy hiểm; tham gia phát hiện các hành vi buôn lậu, vận chuyển người, đồ vật bất hợp pháp;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi hoạt động quy định được phép kiểm tra giấy tờ tùy thân. Thu giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng; thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào cảng hàng không, sân bay; cưỡng chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối việc thu giữ;

g) Lập hồ sơ đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, gây rối trật tự tại cảng hàng không, sân bay và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật; ngăn chặn hoặc yêu cầu hãng hàng không từ chối vận chuyển đối với hành khách không làm chủ được bản thân hoặc có hành vi, lời nói uy hiếp an toàn, an ninh hàng không dân dụng;

h) Đề nghị Giám đốc Cảng vụ hàng không liên quan, Thanh tra viên hàng không đình chỉ thực hiện chuyến bay nhằm ngăn chặn khả năng uy hiếp an ninh hàng không dân dụng;

i) Lập biên bản vi phạm và đề xuất xử lý vi phạm với người, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng không liên quan;

k) Bảo đảm an ninh hàng không dân dụng tại cơ sở xử lý hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không khác theo quy định pháp luật;

l) Bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh hàng không dân dụng và can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay;

m) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng; được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

n) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của người, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên an ninh thuộc cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, hành vi đe dọa sức khỏe, tính mạng của người, làm hư hỏng trang thiết bị hàng không, gây rối trật tự, trộm cắp tài sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, can thiệp bất hợp pháp vào cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;

b) Kiểm tra, giám sát an ninh người, phương tiện, đồ vật ra vào, hoạt động tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;

c) Tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ, kiểm soát an ninh trật tự tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;

d) Thu giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; cưỡng chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối việc thu giữ;

đ) Lập hồ sơ đối với những người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, gây rối trật tự tại cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật;

e) Lập biên bản vi phạm và đề xuất xử lý vi phạm với người, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời báo cáo ngay cho Cảnh vụ hàng không liên quan, Cục Hàng không Việt Nam;

g) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng; được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

h) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của người, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên an ninh trên không, người chỉ huy tàu bay thuộc hãng hàng không Việt Nam:

a) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, kỷ luật trật tự trên chuyến bay;

b) Người chỉ huy tàu bay được phép tạm giữ, lập hồ sơ đối với người có hành vi can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay đang bay và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi tàu bay hạ cánh để xử lý theo quy định pháp luật;

c) Thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay đang bay;

d) Tạm giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi can thiệp bất hợp pháp và các hành vi vi phạm khác trên tàu bay đang bay;

đ) Cường chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối;

e) Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng;

g) Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của người, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Nhân viên an ninh trên không chuyên trách được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để ngăn chặn đối tượng có hành vi can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay đang bay, trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người, nhân viên an ninh hàng không trên không chuyên trách được phép tiêu diệt đối tượng.

Điều 92. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên bảo vệ chuyên trách của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn, xăng dầu, kho hàng

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, hành vi đe dọa sức khỏe, tính mạng của người, làm hư hỏng trang thiết bị hàng không, gây rối trật tự, trộm cắp tài sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại cơ sở cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp; bảo vệ hiện trường khi xảy ra các vụ việc uy hiếp an ninh hàng không dân dụng, can thiệp bất hợp pháp vào cơ sở cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

2. Kiểm tra, giám sát an ninh người, phương tiện, đồ vật ra vào, hoạt động tại cơ sở cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

3. Tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ, kiểm soát an ninh, trật tự tại cơ sở cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Kiểm tra và tạm giữ giấy tờ tùy thân đối với người có hành vi uy hiếp an ninh hàng không dân dụng; thu giữ vũ khí, chất nổ, chất cháy và những vật phẩm nguy hiểm khác đưa trái phép vào cơ sở cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp; cường chế đối với người cản trở hoặc cố tình chống đối việc thu giữ.

5. Lập biên bản vụ việc và chuyển giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật, đồng thời báo cáo ngay cho Cảnh vụ hàng không liên quan, Cục Hàng không Việt Nam.

6. Được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng; được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

7. Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của người, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 93. Tuyển dụng cán bộ, nhân viên an ninh hàng không và bảo vệ chuyên trách

1. Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ chuyên trách được tuyển dụng phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Là công dân Việt Nam có lai lịch chính trị rõ ràng, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, nhân thân tốt;

b) Từ 18 tuổi trở lên;

c) Không có tiền án, tiền sự, không nghiện ma túy.

2. Đơn vị tuyển dụng phải tiến hành thẩm tra lý lịch và nhân thân tại cơ quan công an và chính quyền địa phương trước khi quyết định tuyển dụng.

3. Cán bộ, nhân viên an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ chuyên trách bị kết án, nghiện ma túy, trộm cắp hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không dân dụng phải đưa ra khỏi lực lượng an ninh hàng không.

4. Nhân viên an ninh trên không phải được Cục Hàng không Việt Nam thẩm tra và chấp thuận về các tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 của Điều này. Hồ sơ đề nghị chấp thuận bao gồm:

a) Công văn đề nghị chấp thuận theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ tuyển dụng của nhân viên;

c) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm tra, chấp thuận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cho người đề nghị.

Điều 94. Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ an ninh hàng không

1. Cán bộ giảng dạy an ninh hàng không, nhân viên an ninh hàng không và các đối tượng liên quan phải được đào tạo, huấn luyện định kỳ, nâng cao nghiệp vụ an ninh hàng không phù hợp với từng đối tượng theo quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không dân dụng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

2. Ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1 của Điều này, nhân viên an ninh trên không của hãng hàng không Việt Nam phải được huấn luyện về nghiệp vụ an ninh trên không theo Chương trình và tại cơ sở huấn luyện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức tuyển dụng nhân viên an ninh và bảo vệ chuyên trách hàng không dân dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực tập nghiệp vụ an ninh hàng không phù hợp cho đối tượng được tuyển dụng. Nhân viên thực tập được phép thực hiện nghiệp vụ an ninh hàng không dưới sự giám sát của nhân viên hướng dẫn. Chương trình thực tập phải được quy định trong Chương trình và Quy chế an ninh hàng không dân dụng của tổ chức.

4. Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt Hội đồng thẩm định giáo trình an ninh hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện về an ninh hàng không; phê duyệt giáo trình, tài liệu giảng dạy của doanh nghiệp cảng hàng không, hãng

hàng không, tổ chức không có cơ sở đào tạo, huấn luyện; phê duyệt danh sách cán bộ giảng dạy an ninh hàng không.

5. Người đề nghị phê duyệt Hội đồng thẩm định giáo trình an ninh hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện về an ninh hàng không; giáo trình, tài liệu giảng dạy của doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, tổ chức không có cơ sở đào tạo, huấn luyện; danh sách cán bộ giảng dạy an ninh hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định, phê duyệt. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Dự thảo giáo trình, tài liệu giảng dạy; danh sách hội đồng, cán bộ giảng dạy.

6. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định của người đề nghị thẩm định, phê duyệt Hội đồng thẩm định giáo trình an ninh hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện về an ninh hàng không; giáo trình, tài liệu giảng dạy của doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, tổ chức không có cơ sở đào tạo, huấn luyện; danh sách cán bộ giảng dạy an ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam phải có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và ra quyết định phê duyệt. Người đề nghị phê duyệt nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 95. Cấp và năng định giấy phép nhân viên an ninh hàng không

1. Nhân viên an ninh hàng không được cấp, năng định giấy phép khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 93 của Thông tư này;

b) Có chứng chỉ tốt nghiệp khóa học chuyên môn về an ninh hàng không phù hợp với chức danh đề nghị cấp, năng định giấy phép, tại cơ sở đào tạo huấn luyện về an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo huấn luyện nhân viên hàng không theo quy định;

c) Được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng vào lực lượng an ninh hàng không và thực tập nghiệp vụ an ninh hàng không phù hợp với chức danh đề nghị cấp, năng định giấy phép với thời gian tối thiểu là 01 tháng;

d) Tham dự kỳ thi cấp giấy phép và năng định do Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép, năng định nhân viên an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam tổ chức; đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm không.

2. Giấy phép nhân viên an ninh hàng không có giá trị là 07 năm, hiệu lực của năng định là 12 tháng. Trường hợp không làm công việc được năng định trong thời gian 06 tháng liên tục, năng định được cấp sẽ mất hiệu lực, khi trở lại làm việc phải qua kỳ thi cấp năng định lại.

3. Hồ sơ đề nghị cấp, năng định giấy phép nhân viên an ninh hàng không:

a) Văn bản đề nghị của đơn vị chủ quản kèm theo danh sách trích ngang;

- b) Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp;
- c) 02 ảnh 3x4cm không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, năng định giấy phép được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra, cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

5. Giấy phép nhân viên an ninh hàng không có thể bị Cục Hàng không Việt Nam thu hồi trong những trường hợp sau đây:

- a) Nhân viên an ninh không còn đủ điều kiện để được cấp giấy phép; không được hoặc không đạt khóa huấn luyện định kỳ theo quy định;
- b) Có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm mà bị kỷ luật khiển trách, thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 01 tháng;
- c) Có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm mà bị kỷ luật khiển trách lần thứ 02 hoặc cảnh cáo; giấy phép bị t hủy xoá, được sử dụng không đúng mục đích bị thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 03 tháng;
- d) Có hành vi vi phạm uy hiếp trực tiếp an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; có hành vi che dấu lỗi vi phạm quy định về an toàn, an ninh hàng không; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ làm ảnh hưởng trực tiếp an toàn, an ninh hàng không thu hồi giấy phép vĩnh viễn.

6. Người bị thu hồi giấy phép nhân viên an ninh hàng không có thời hạn quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 của Điều này khi trở lại làm việc phải qua kỳ thi cấp giấy phép và năng định lại.

7. Nhân viên an ninh phải được huấn luyện định kỳ theo quy định tại các cơ sở đào tạo, huấn luyện về an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận giấy phép đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không. Đơn vị chủ quản có trách nhiệm gửi kết quả huấn luyện định kỳ nhân viên an ninh hàng không về Cục Hàng không Việt Nam chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 96. Đánh giá chất lượng nhân viên an ninh hàng không

1. Hàng năm, Thủ trưởng đơn vị quản lý nhân viên an ninh hàng không phải đánh giá bằng văn bản nhân viên an ninh về các lĩnh vực sau đây:

- a) Phẩm chất chính trị và đạo đức;
- b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- c) Ý thức chấp hành pháp luật và kỷ luật của cơ quan, đơn vị;
- d) Ý thức trách nhiệm trong công việc và thái độ phục vụ.

2. Đánh giá quy định tại khoản 1 của Điều này là căn cứ để xếp loại nhân viên an ninh hàng không ở 4 mức độ: xuất sắc, tốt, trung bình, kém. Kết quả

phân loại là cơ sở để bố trí sắp xếp nhân viên và đào tạo, huấn luyện bổ sung. Nhân viên an ninh hàng không vi phạm nghiêm trọng các yêu cầu nêu tại các điểm a, điểm c khoản 1 của Điều này phải bị xem xét đưa ra khỏi lực lượng an ninh hàng không.

3. Văn bản đánh giá và xếp loại nhân viên an ninh hàng không phải được lưu giữ tại đơn vị chủ quản.

Chương VI

ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 97. Quy định chung

1. Việc đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Khi nhận được thông tin về một hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu liên quan có trách nhiệm phân tích, đánh giá sơ bộ về tính chất của thông tin để xem xét triển khai phương án khẩn nguy thích hợp; báo cáo ngay thông tin, kết quả đánh giá và kiến nghị đối phó bằng hình thức phù hợp về Cục Hàng không Việt Nam. Trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam trực tiếp chỉ đạo các lực lượng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy ban đầu.

3. Mọi biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho tàu bay và tính mạng con người. Đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên quan ưu tiên trợ giúp tối đa để bảo đảm an toàn cho tàu bay trong vùng trời của Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

4. Sau khi kết thúc việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nhanh chóng thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo đưa cảng hàng không, sân bay trở lại hoạt động bình thường; bố trí cho hành khách tiếp tục hành trình trong thời gian sớm nhất có thể.

5. Căn cứ vào Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng Kế hoạch khẩn nguy sân bay trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện, trong đó có phần về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay với các nội dung chính sau đây:

a) Ban chỉ huy khẩn nguy, chế độ trực khẩn nguy;

b) Các tình huống khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp và phương án đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp;

- c) Cơ chế chỉ huy và phương án điều động lực lượng đối phó ban đầu; công tác phối hợp sau khi bàn giao quyền chỉ huy;
- d) Cơ chế thông tin, liên lạc, báo cáo;
- đ) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác đối phó;
- e) Trung tâm chỉ huy chính và phương án thiết lập các trung tâm chỉ huy lưu động trong trường hợp cần thiết;
- g) Công tác huấn luyện, diễn tập và kinh phí.

6. Căn cứ vào Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài cảng hàng không, sân bay xây dựng Kế hoạch ứng phó không lưu của cơ sở (đối với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu), kế hoạch khẩn nguy cơ sở (đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác) trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện với các nội dung chính sau đây:

- a) Các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 5 của Điều này;
- b) Phương án duy trì cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong trường hợp cơ sở bị can thiệp bất hợp pháp;
- c) Phương án điều hành tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp (đối với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu) bao gồm các nội dung: phân định rõ trách nhiệm từng cá nhân, bộ phận liên quan trong việc thông tin, báo cáo khi có nghi ngờ hoặc phát hiện tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp; quy định các biện pháp, quy trình cụ thể trong việc xử lý, điều hành hỗ trợ tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp trong từng tình huống, từng giai đoạn; quy trình xử lý thông tin sai uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay.

7. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quy định tại khoản 5, khoản 6 của Điều này bao gồm:

- a) Công văn đề nghị phê duyệt kế hoạch;
- b) Dự thảo kế hoạch;
- c) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

8. Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

9. Kế hoạch ứng phó không lưu, Kế hoạch khẩn nguy cơ sở được quản lý theo chế độ mật.

10. Văn phòng thường trực Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia chủ trì phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn thực hiện các phương án đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, hướng dẫn khảo sát phòng ngừa nguy cơ đe dọa tàu bay đang bay bằng tên lửa phòng không vắc vai.

Điều 98. Phân nhóm hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Nhóm hành vi nghiêm trọng cấp độ 1 bao gồm:

- a) Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay;
- b) Chiếm đoạt và có khả năng sử dụng tàu bay như vũ khí; sử dụng tàu bay vào mục đích ném bom, rải chất độc, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ;
- c) Tấn công vũ trang trên tàu bay đang bay (tàu bay đã cất cánh khỏi mặt đất và chưa tiếp đất);
- d) Tấn công vũ trang có tổ chức tại cảng hàng không, sân bay, công trình, trang thiết bị phục vụ hoạt động bay;
- đ) Chiếm đoạt, gây bạo loạn khủng bố tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- e) Bắt giữ con tin trên tàu bay.

2. Nhóm hành vi nghiêm trọng cấp độ 2 bao gồm:

- a) Đưa bom, mìn, súng, đạn, vũ khí sinh học, hoá học, chất phóng xạ trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- b) Tấn công bằng vũ khí vào lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- c) Bắt giữ con tin tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- d) Đe dọa đặt bom, mìn vũ khí sinh học, hoá học trên tàu bay đang bay.

3. Nhóm hành vi nghiêm trọng cấp độ 3 bao gồm:

- a) Đưa chất cháy, chất nổ, vũ khí thô sơ, chất thông thường tạo thành chất nguy hiểm với mục đích chế tạo chất nổ và các vật phẩm nguy hiểm khác trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- b) Đe dọa đặt bom, mìn, vũ khí sinh học, hoá học tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- c) Các hành vi phá hoại tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- d) Tấn công lực lượng an ninh hàng không dân dụng, lực lượng bảo vệ để xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Điều 99. Quản lý thông tin và hợp báo

Việc cung cấp thông tin, phát ngôn và hợp báo liên quan đến hành vi can thiệp bất hợp pháp và các hành động đối phó thực hiện theo Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp ban hành kèm theo Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 100. Chế độ báo cáo về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, đơn vị chủ quản của khu vực hạn chế ngoài cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo ban đầu bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo 02 lần trên 01 ngày trong thời gian đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo sơ bộ trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc việc đối phó.

2. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm phối hợp và giám sát việc thực hiện kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay, báo cáo hàng ngày về Cục Hàng không Việt Nam trong thời gian đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo của đơn vị về công tác đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 101. Thông báo cho quốc gia liên quan và báo cáo cho ICAO

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo những thông tin về một tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp hạ cánh trong lãnh thổ Việt Nam cho nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan trong thời gian sớm nhất có thể. Thông tin bao gồm: loại tàu bay, số hiệu chuyến bay, đường bay theo lịch, số lượng hành khách, tổ bay trên chuyến bay và những yêu cầu đề nghị các quốc gia liên quan trợ giúp. Thông báo được gửi tới các địa chỉ sau qua đường FAX:

- a) Quốc gia nơi tàu bay đăng ký;
- b) Quốc gia của nhà khai thác tàu bay;
- c) Quốc gia có các công dân bị chết, bị thương hoặc bị giữ do hành vi can thiệp bất hợp pháp;
- d) Quốc gia có công dân là hành khách trên tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;
- đ) ICAO.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo cho ICAO về các hành vi can thiệp bất hợp pháp:

- a) Báo cáo sơ bộ về hành vi theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư này phải được gửi cho ICAO trong vòng 30 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra;
- b) Báo cáo chính thức về hành vi theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này phải được gửi cho ICAO trong vòng 60 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra.

Điều 102. Phân tích, đánh giá kết quả đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Sau khi kết thúc việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, Cảng vụ hàng không hoặc đại diện Cục Hàng không Việt Nam chủ trì phối hợp với

người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không liên quan đánh giá vụ việc, quyết định áp dụng các biện pháp tái kiểm tra an ninh, kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay hoặc các biện pháp an ninh cần thiết khác; xem xét các điều kiện khai thác bình thường của cảng hàng không, sân bay, của tàu bay; quyết định cho phép tiếp tục thực hiện khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc chuyển bay; tổ chức giảng bình, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác đối phó và báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam bằng văn bản, chậm nhất là sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc đối phó.

2. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức giảng bình nếu xét thấy cần thiết, đánh giá, xác minh, rút kinh nghiệm về công tác đối phó, tính hiệu quả của phương án khẩn nguy và các Chương trình an ninh hàng không dân dụng; đưa ra kế hoạch khắc phục những sơ hở thiếu sót và triển khai thực hiện; báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản sau 05 ngày kể từ ngày tổ chức.

Điều 103. Diễn tập đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành hàng không dân dụng trong việc tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp quốc gia theo chỉ đạo của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

2. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với Ban chỉ huy khẩn nguy cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo, chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành hàng không dân dụng trong việc tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp ngành.

3. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, các đơn vị chủ quản khu vực hạn chế nằm ngoài cảng hàng không, sân bay phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan định kỳ tổ chức diễn tập cấp cơ sở các tình huống trong phương án khẩn nguy nhằm nâng cao hiệu quả, khả năng đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức diễn tập khi có yêu cầu.

4. Diễn tập đối phó cấp quốc gia được tổ chức tối thiểu 03 năm diễn tập 01 lần; diễn tập đối phó cấp ngành được tổ chức tối thiểu 02 năm diễn tập 01 lần; diễn tập đối phó cấp cơ sở được tổ chức tối thiểu 01 năm diễn tập 01 lần.

5. Cơ quan, tổ chức nước ngoài có thể được mời tham quan diễn tập đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

Chương VII

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 104. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

1. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không là hoạt động giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo đảm an ninh hàng không của các tổ chức, cá nhân có liên quan; đánh giá các nguy cơ uy hiếp an ninh

hàng không dân dụng để có biện pháp khắc phục kịp thời. Hoạt động kiểm soát chất lượng bao gồm:

- a) Xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng;
- b) Giám sát an ninh hàng không bao gồm: thanh tra an ninh hàng không; kiểm tra an ninh hàng không; thử nghiệm an ninh hàng không; xác minh an ninh hàng không; khảo sát an ninh hàng không;
- c) Đánh giá, khuyến cáo và theo dõi việc thực hiện khuyến cáo.

2. Các cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không. Kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng hàng năm có thể bao gồm kiểm soát chất lượng tổng thể hoặc kiểm soát chất lượng theo từng lĩnh vực cụ thể; được thiết lập trên cơ sở quy định của pháp luật, kết quả kiểm soát chất lượng hàng năm, đánh giá nguy cơ cụ thể, các nguồn lực về con người, kinh phí được cấp và các yếu tố khác có liên quan; bảo đảm sự thống nhất của hệ thống kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của toàn ngành.

3. Thanh tra an ninh hàng không là việc kiểm tra, đánh giá tổng thể sự tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không hoặc của một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không. Thanh tra an ninh hàng không được thực hiện theo kế hoạch hàng năm và phải được thông báo trước tối thiểu 30 ngày trước khi tiến hành cuộc thanh tra.

4. Kiểm tra an ninh hàng không là việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên sự tuân thủ một hoặc một số quy định, tiêu chuẩn cụ thể về bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không hoặc của một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không. Kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện định kỳ theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất khi xét thấy cần thiết.

5. Thử nghiệm an ninh hàng không là việc sát hạch hiệu quả của một biện pháp bảo đảm an ninh cụ thể bằng cách công khai hoặc bí mật tiến hành một hành vi vi phạm giả định về an ninh hàng không. Không thực hiện thử nghiệm khi tàu bay đang bay.

6. Xác minh an ninh hàng không là việc thẩm tra làm rõ hành vi vi phạm an ninh hàng không hoặc can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng hoặc việc thẩm tra làm rõ thông tin về việc tổ chức, cá nhân không tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về bảo đảm an ninh hàng không.

7. Khảo sát an ninh hàng không là việc khảo sát, đánh giá hiện trạng công tác bảo đảm an ninh hàng không nhằm đánh giá các nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không dân dụng để có biện pháp khắc phục kịp thời, nâng cấp các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không hoặc loại bỏ các điểm yếu có thể bị lợi dụng để thực hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 105. Nguyên tắc thực hiện thanh tra, thử nghiệm, xác minh, khảo sát an ninh hàng không

1. Việc thực hiện thanh tra, thử nghiệm, xác minh, khảo sát an ninh hàng không phải căn cứ kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

dân dụng hàng năm đã được phê duyệt; được chuẩn bị bằng văn bản; có sự phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các thành viên của đoàn công tác; báo cáo kết quả cho người có thẩm quyền chậm nhất 10 ngày tính từ ngày kết thúc công tác.

2. Đoàn công tác thanh tra, thử nghiệm, xác minh, khảo sát an ninh hàng không có quyền khuyến cáo trực tiếp; kiến nghị người có thẩm quyền khuyến cáo khắc phục đối với đơn vị được thanh tra, thử nghiệm, xác minh, khảo sát an ninh hàng không; đình chỉ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động của người có hành vi vi phạm, thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn an ninh hàng không.

3. Việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện thường xuyên bởi các giám sát viên an ninh hàng không quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 của Thông tư này. Giám sát viên có thể khuyến cáo trực tiếp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền khuyến cáo khắc phục đối với đơn vị được kiểm tra an ninh hàng không.

Điều 106. Đánh giá, khuyến cáo và theo dõi việc thực hiện khuyến cáo

1. Sau khi thực hiện các hoạt động giám sát an ninh hàng không nêu tại điểm b khoản 1 Điều 104 của Thông tư này, đơn vị tổ chức hoạt động giám sát phải thực hiện đánh giá kết quả; khuyến cáo bằng văn bản, theo dõi việc thực hiện khuyến cáo của các tổ chức, cá nhân có liên quan; kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan.

2. Sau khi nhận được khuyến cáo của cơ quan hoặc người có thẩm quyền, tổ chức có liên quan phải xây dựng kế hoạch khắc phục gửi cơ quan ban hành văn bản khuyến cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, trừ trường hợp phải thực hiện ngay việc khắc phục sơ hở, thiếu sót theo khuyến cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản của người có thẩm quyền. Nội dung kế hoạch khắc phục bao gồm: hành động khắc phục cụ thể; tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện khắc phục; thời hạn dự kiến hoàn thành việc khắc phục.

3. Người có thẩm quyền khuyến cáo trực tiếp, bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của cơ quan ban hành văn bản khuyến cáo có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra đánh giá thực tế việc thực hiện kế hoạch khắc phục, báo cáo kết quả cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

4. Bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không khu vực, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu có trách nhiệm định kỳ 06 tháng một lần gửi báo cáo đánh giá tổng thể về bảo đảm an ninh hàng không thuộc trách nhiệm bảo đảm của mình về Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 107. Thử nghiệm an ninh

1. Thử nghiệm an ninh bí mật

a) Khi thực hiện thử nghiệm bí mật, nội dung thử nghiệm chỉ được thông báo trong phạm vi những người chịu trách nhiệm về cuộc thử nghiệm; không

đưa vào tổ thử nghiệm những người có quan hệ thân thân với đối tượng được thử nghiệm;

b) Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan được phép tiến hành thử nghiệm an ninh bí mật trong phạm vi toàn quốc;

c) Quá trình chuẩn bị, thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm có thể thông báo hoặc không thông báo cho các đơn vị liên quan.

2. Thử nghiệm an ninh công khai

a) Khi thực hiện thử nghiệm công khai, nội dung, thời gian, địa điểm thử nghiệm được thông báo đến cơ quan, đơn vị tiến hành thử nghiệm;

b) Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan được phép tiến hành thử nghiệm an ninh công khai trong phạm vi toàn quốc.

3. Các yêu cầu đối với một cuộc thử nghiệm an ninh:

a) Danh mục các đồ vật sử dụng để thử nghiệm phải được Bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam xây dựng và trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

b) Phải bảo đảm an ninh, an toàn cho người, tài sản trong quá trình thử nghiệm;

c) Ngay sau cuộc thử nghiệm kết thúc, người tiến hành thử nghiệm phải tiến hành lập biên bản ghi nhận kết quả cuộc thử nghiệm và yêu cầu đối tượng chịu thử nghiệm ký vào biên bản. Kết thúc đợt thử nghiệm, trưởng nhóm thử nghiệm phải có thông báo sơ bộ về kết quả của cuộc thử nghiệm với người đứng đầu hoặc đại diện được ủy quyền của cơ quan, tổ chức được thử nghiệm;

d) Trong trường hợp thử nghiệm bí mật mà đối tượng chịu thử nghiệm phát hiện, người thử nghiệm phải xuất trình ngay Quyết định thử nghiệm cùng với thẻ giám sát viên an ninh hàng không và thông báo cho người chịu thử nghiệm biết đó là một cuộc thử nghiệm.

Điều 108. Giám sát viên an ninh hàng không

1. Giám sát viên an ninh hàng không là người thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, xác minh, khảo sát an ninh hàng không trong phạm vi trách nhiệm của mình; đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 của Điều này.

2. Giám sát viên an ninh hàng không bao gồm:

a) Giám sát viên an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;

b) Giám sát viên an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Giám sát viên an ninh nội bộ của hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay.

3. Tiêu chuẩn Giám sát viên an ninh hàng không:

a) Có kiến thức, kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng;

b) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 03 năm;

c) Đã hoàn thành khóa học Thanh tra, Giám sát an ninh hàng không và được cấp Chứng chỉ.

4. Các giám sát viên an ninh hàng không quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 của Điều này phải được Cục Hàng không Việt Nam bổ nhiệm và cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không. Mẫu thẻ giám sát viên an ninh hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này và trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám sát viên an ninh hàng không thực hiện theo trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh hàng không.

5. Giám sát viên an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam cấp thẻ, khi thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm của mình có các quyền hạn sau đây:

a) Được phép tiếp cận, lên tàu bay, vào bất cứ khu vực hạn chế nào tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, phương tiện để kiểm tra;

b) Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra cung cấp giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

c) Trong quá trình kiểm tra được quyền quyết định tạm dừng hoạt động của nhân viên, trang thiết bị, phương tiện có vi phạm gây uy hiếp an ninh hàng không; yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp khắc phục những sơ hở thiếu sót về an ninh hàng không; lập biên bản vi phạm và đề nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

6. Thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia và cán bộ của Văn phòng thường trực được cấp thẻ Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia để sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ. Quyền hạn của người được cấp Thẻ Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia như quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Giám sát viên an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình; sử dụng thẻ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 109. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không thông qua công tác thống kê sau:

a) Thống kê về các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

b) Thống kê về hành khách gây rối; lập danh sách hành khách cần tăng cường kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, danh sách hành khách bị cấm chuyên chở;

c) Thống kê về các sơ hở, thiếu sót qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát an ninh hàng không;

d) Thống kê về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không bị vi phạm, mất;

đ) Thống kê về vụ việc để lọt các vật phẩm nguy hiểm lên tàu bay;

e) Thống kê người, phương tiện, đồ vật vào khu vực hạn chế, lên tàu bay trái phép.

2. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải thường xuyên thống kê, cập nhật các nội dung nêu tại khoản 1 của Điều này và hàng tháng gửi báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam.

3. Cơ sở dữ liệu an ninh hàng không được bảo mật; chỉ những người được Cục Hàng không Việt Nam cho phép mới được tiếp cận và khai thác.

Điều 110. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

1. Chỉ đạo mọi hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam. Thiết lập bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, xây dựng cơ chế hoạt động và chịu trách nhiệm thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng hàng năm của toàn ngành trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện;

b) Tổ chức kiểm tra cấp giấy phép, năng định cho nhân viên an ninh hàng không;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, xác minh, khảo sát an ninh hàng không; khuyến cáo về bảo đảm an ninh hàng không trong phạm vi quyền hạn của Cục Hàng không Việt Nam;

d) Lưu trữ, quản lý hồ sơ về kiểm soát chất lượng an ninh hàng không với thời hạn lưu trữ theo quy định.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức điều tra các sự cố về an ninh hàng không; giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia, Bộ Giao thông vận tải để giải quyết các vấn đề có liên quan, bao gồm cả việc đơn giản hóa thủ tục trong vận chuyển hàng không quốc tế theo quy định của Phụ ước 9 của Công ước Chi-ca-gô.

4. Cục Hàng không Việt Nam gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm soát chất lượng của năm về Bộ Giao thông vận tải vào ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Điều 111. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

1. Cảng vụ hàng không thiết lập bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, xây dựng cơ chế hoạt động và chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra, khảo sát, xác minh, đánh giá việc tuân thủ quy định về an ninh hàng không; khuyến cáo về bảo đảm an ninh hàng không trong phạm vi quyền hạn của Cảng vụ hàng không.

2. Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng hàng năm của Cảng vụ hàng không trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện.

3. Thực hiện điều tra sự cố an ninh hàng không theo chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm soát chất lượng của năm về Cục Hàng không Việt Nam vào ngày 10 tháng 12 hàng năm.

4. Lưu trữ, quản lý hồ sơ về kiểm soát chất lượng an ninh hàng không với thời hạn lưu trữ theo quy định.

Điều 112. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không, xây dựng cơ chế hoạt động và chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra, xác minh, khảo sát an ninh hàng không trong phạm vi hoạt động của toàn bộ cảng hàng không, sân bay; khuyến cáo về bảo đảm an ninh hàng không trong phạm vi quyền hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay; thanh tra an ninh hàng không trong phạm vi hoạt động nội bộ.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay thiết lập bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra, xác minh, khảo sát an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp.

3. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng hàng năm của đơn vị; gửi kế hoạch về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

4. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch khắc phục các khuyến cáo về bảo đảm an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không.

5. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm soát chất lượng của năm về Cục Hàng không Việt Nam vào ngày 10 tháng 12 hàng năm.

6. Lưu trữ, quản lý hồ sơ về kiểm soát chất lượng an ninh hàng không với thời hạn lưu trữ theo quy định.

Chương VIII

NGUYÊN TẮC, TRÁCH NHIỆM VÀ QUY TRÌNH XỬ LÝ VI PHẠM VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 113. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Mọi hành vi vi phạm về an ninh hàng không phải được xử lý nhanh chóng, không để vi phạm lan rộng và hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả tác hại. Việc xử lý căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả tác hại do hành vi vi phạm gây ra và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Việc lên tàu bay của lực lượng an ninh hàng không để trấn áp, cưỡng chế, áp giải đối tượng vi phạm được thực hiện theo yêu cầu của người chỉ huy tàu bay, trừ trường hợp thực hiện kế hoạch đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay bố trí nơi xử lý, giải quyết vi phạm; bảo đảm việc xử lý vi phạm nhanh chóng, an toàn, thuận tiện và không gây ách tắc làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay, chuyến bay.

3. Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không để thống nhất những vấn đề cụ thể trong phối hợp xử lý vi phạm về an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không và giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, các doanh nghiệp khác đóng tại cảng hàng không, sân bay phải tổ chức trực 24 giờ trên 24 giờ, công bố số máy điện thoại trực để tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời vi phạm về an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay cho Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay và cơ quan công an liên quan. Cảng vụ hàng không khi nhận được thông báo phải tổ chức giám sát quá trình xử lý vụ việc.

5. Hồ sơ, thủ tục, biên bản, quyết định xử lý vi phạm phải được lập và lưu giữ theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 114. Trách nhiệm, quy trình xử lý đối với hành vi vi phạm về an ninh hàng không

1. Lực lượng an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xử lý ban đầu đối với các hành vi vi phạm về an ninh hàng không, trật tự công cộng mà mình phát hiện hoặc do người khác phát hiện và thông báo xảy ra tại khu vực của cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của người khai thác cảng hàng không, sân bay; phối hợp xử lý các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay và tại các khu vực hạn chế khác tại cảng hàng không, sân bay không thuộc phạm vi quản lý của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Đại diện hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với lực lượng an ninh của người khai thác cảng hàng không, sân bay xử lý các vụ vi phạm xảy ra trên tàu bay đang khai thác và tàu bay không khai thác tại sân bay. Nhân viên an ninh hàng không trên không của hãng hàng không chịu trách nhiệm xử lý ban đầu đối với hành vi vi phạm về an ninh hàng không xảy ra trên tàu bay đang bay.

3. Lực lượng an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay và lực lượng bảo vệ chuyên trách của doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay chịu trách nhiệm xử lý ban đầu đối với hành vi vi phạm về an ninh hàng không xảy ra tại khu vực hạn chế do mình quản lý.

4. Việc xử lý ban đầu của các lực lượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này bao gồm:

a) Tổ chức ngăn chặn hành vi vi phạm; giữ người, phương tiện, thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên hàng không nếu có và tang vật vi phạm; sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để đối phó theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không qua số điện thoại trực ban của Cảng vụ hàng không.

c) Lập Biên bản vi phạm theo mẫu quy định tại Phụ lục XXV của Thông tư này.

5. Ngay sau khi nhận được thông báo của lực lượng an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ về vụ việc vi phạm, Cảng vụ hàng không cử người trực tiếp đến ngay địa điểm đang giải quyết vi phạm để xem xét vi phạm và đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, thẩm quyền giải quyết vụ việc và quyết định việc xử lý tiếp theo như sau:

a) Trường hợp vi phạm xét thấy chưa tới mức xử phạt hành chính thì tiếp nhận vụ việc và có văn bản yêu cầu cơ quan có người vi phạm xem xét xử lý kỷ luật đối với người vi phạm và thông báo kết quả xử lý cho Cảng vụ hàng không biết;

b) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không, Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Bộ Giao thông vận tải thì Cảng vụ hàng không nhận bàn giao và tiến hành các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển giao cho người, cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan Công an, vi phạm có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu lực lượng an ninh hàng không, bảo vệ bàn giao cho cơ quan Công an để cơ quan Công an xử lý, điều tra. Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan Công an trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt kết quả tốt, chính xác;

d) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan Hải quan, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thì yêu cầu lực lượng an ninh hàng không, bảo vệ bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; Cảng vụ

hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan thụ lý vụ việc trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt kết quả tốt, chính xác;

đ) Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan, thì Giám đốc Cảng vụ hàng không phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt để quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

6. Khi bàn giao vụ việc cho cơ quan Cảng vụ hàng không, Công an, Hải quan, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, lực lượng an ninh hàng không, bảo vệ chuyên trách lập biên bản bàn giao theo mẫu Biên bản bàn giao quy định tại Phụ lục XXV của Thông tư này và phối hợp thực hiện các biện pháp dẫn giải, giữ người, phương tiện, tang vật vi phạm khi được yêu cầu.

7. Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm, Cảng vụ hàng không chủ trì phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, bảo vệ chuyên trách của doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, nơi xảy ra vi phạm tổ chức giảng bình, rút kinh nghiệm đưa ra những khuyến cáo cho các đơn vị, tổ chức liên quan yêu cầu khắc phục những sơ hở, thiếu sót, trong đó nêu rõ thời hạn khắc phục cho từng nội dung cụ thể để không xảy ra tiếp những vi phạm tương tự.

8. Quy trình báo cáo xử lý vi phạm:

a) Ngay sau khi Cảng vụ hàng không nhận được thông báo vi phạm của an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, bảo vệ chuyên trách của doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, Cảng vụ hàng không phải báo cáo nhanh vụ việc vi phạm về Cục Hàng không Việt Nam;

b) Trong thời gian sớm nhất có thể, nhưng không muộn quá 24 giờ sau khi báo cáo nhanh, Cảng vụ hàng không gửi Báo cáo ban đầu bằng văn bản kèm theo bản photo Biên bản vi phạm, Biên bản bàn giao về Cục Hàng không Việt Nam qua Fax; Mẫu Báo cáo ban đầu quy định tại Phụ lục XXV của Thông tư này;

c) Sau khi việc xử lý hành vi vi phạm kết thúc, Cảng vụ hàng không làm báo cáo kết quả xử lý vụ việc theo mẫu Báo cáo kết quả xử lý tại Phụ lục XXV của Thông tư này gửi Cục Hàng không Việt Nam, kèm theo bản sao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc vi phạm hành chính hoặc Quyết định khởi tố hình sự đối với vi phạm về hình sự và Biên bản giảng bình, rút kinh nghiệm vụ việc.

9. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác trang bị cho lực lượng an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ máy quay camera, máy ghi âm, máy ảnh, ống nhòm và các thiết bị hỗ trợ phù hợp khác để ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm và ghi nhận, thu thập lại toàn bộ diễn biến của vụ việc vi phạm một cách chính xác, đầy đủ phục vụ cho việc xử lý được nhanh

chóng, đúng người, đúng tính chất, mức độ vi phạm và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các máy điện thoại trực ban, trực khẩn nguy, đường dây nóng, giải đáp thông tin cho hành khách của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các doanh nghiệp khác đóng tại cảng hàng không, sân bay phải được trang bị loại có chức năng hiện, lưu số gọi đến, gọi đi và ghi âm được với thời gian ghi âm tối thiểu là 03 tiếng. Các đơn vị phải hợp đồng với cơ quan bưu điện dịch vụ thông báo nhanh số máy gọi đi, gọi đến các máy điện thoại của đơn vị kịp thời tra cứu khi nhận được thông tin đe dọa qua điện thoại; thiết lập hộp thư tiếp nhận các thông tin thông báo về hành vi can thiệp bất hợp pháp và các vụ việc vi phạm.

11. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay và các doanh nghiệp hoạt động tại cảng hàng không ban hành quy định nội bộ về quy định cụ thể trách nhiệm, quy trình từ khi phát hiện, tiếp nhận thông tin về hành vi vi phạm cho tới khi bàn giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc kết thúc xử lý vi phạm trong thẩm quyền của mình.

12. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn, chỉ đạo việc xử lý vi phạm hành chính về an ninh hàng không; trường hợp cần thiết quyết định thụ lý vụ việc, xử lý vi phạm hành chính đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Cảng vụ hàng không; tiến hành bình giảng, rút kinh nghiệm đối với các vụ vi phạm, đưa ra những khuyến cáo cần thiết, báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

Chương IX

KINH PHÍ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 115. Kinh phí bảo đảm an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam và Văn phòng thường trực Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia hàng năm xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch kinh phí hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không; kinh phí tổ chức huấn luyện, diễn tập Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, chống khủng bố tại các cảng hàng không sân bay từ nguồn ngân sách nhà nước; chi phí cho việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, chống khủng bố của lực lượng trực thuộc, lực lượng vũ trang và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cảng hàng không sân bay, chịu trách nhiệm lập dự toán kinh phí cho hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị bảo đảm an ninh hàng không; xây dựng kế hoạch kinh phí mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị an ninh hàng không, bảo

dưỡng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị bảo đảm an ninh hàng không; bố trí kinh phí cho mọi hoạt động thường xuyên của lực lượng an ninh hàng không từ nguồn thu của doanh nghiệp, trừ kinh phí cho cơ sở hạ tầng, trang thiết bị bảo đảm an ninh; chịu một phần kinh phí cho việc huấn luyện và diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, chống khủng bố từ nguồn thu của doanh nghiệp.

3. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung ứng suất ăn, xăng dầu, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay chịu toàn bộ các kinh phí cho việc bảo đảm an ninh hàng không thường xuyên; việc diễn tập, triển khai đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra với tàu bay, cơ sở, trang thiết bị của hãng và doanh nghiệp.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 116. Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

1. Phụ lục I: Đề cương Chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay.
2. Phụ lục II: Đề cương Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không, người khai thác tàu bay.
3. Phụ lục III: Đề cương Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu.
4. Phụ lục IV: Đề cương Quy chế an ninh hàng không dân dụng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
5. Phụ lục V: Mẫu công văn.
6. Phụ lục VI: Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên hoặc phương tiện cấp thẻ hoặc giấy phép kiểm soát an ninh.
7. Phụ lục VII: Mẫu tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh Cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần (bản khai cá nhân).
8. Phụ lục VIII: Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng nhiều lần.
9. Phụ lục IX: Mẫu danh sách người đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh Cảng hàng không, sân bay.
10. Phụ lục X: Thông báo mất thẻ, giấy phép.
11. Phụ lục XI: Các yêu cầu đối với hàng rào, cổng, cửa, barrier, hệ thống chiếu sáng, vọng gác, đường tuần tra tại Cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.
12. Phụ lục XII: Niêm phong an ninh hàng không.
13. Phụ lục XIII: Giấy tờ của hành khách sử dụng đi tàu bay.
14. Phụ lục XIV: Bảng câu hỏi thăm vấn hành khách.

15. Phụ lục XV: Danh mục vật phẩm nguy hiểm.
16. Phụ lục XVI: Tờ khai mang súng theo người lên tàu bay.
17. Phụ lục XVII: Tờ khai ký gửi súng, đạn trên chuyến bay.
18. Phụ lục XVIII: Các biện pháp an ninh tăng cường tương ứng với từng cấp độ.
19. Phụ lục XIX: Kiểm tra đối với máy soi tia X.
20. Phụ lục XX: Kiểm tra đối với cổng từ.
21. Phụ lục XXI: Kiểm tra đối với máy dò kim loại cầm tay.
22. Phụ lục XXII: Mẫu thẻ giám sát an ninh hàng không.
23. Phụ lục XXIII: Báo cáo sơ bộ về hành vi can thiệp bất hợp pháp.
24. Phụ lục XXIV: Báo cáo chính thức về hành vi can thiệp bất hợp pháp.
25. Phụ lục XXV: Mẫu Biên bản vi phạm, Biên bản bàn giao, Báo cáo ban đầu, Báo cáo kết quả xử lý vi phạm về an ninh hàng không xảy ra tại Cảng hàng không, sân bay.
26. Phụ lục XXVI: Túi đựng chất lỏng được phép mang theo người, hành lý xách tay.

Điều 117. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2012.
2. Bãi bỏ Quyết định số 06/2007/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam, Thông tư số 17/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2007/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Chương trình an ninh hàng không dân dụng.

Điều 118. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 118;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VTài.

BỘ TRƯỞNG



Đình La Thăng

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG
CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Tên cảng hàng không, sân bay)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích, phạm vi áp dụng.
2. Các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ xây dựng Chương trình.
3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt.
4. Phân loại, quản lý và phân phối tài liệu, văn bản về an ninh hàng không:
 - Chương trình an ninh hàng không dân dụng cảng hàng không...;
 - Chương trình, Quy chế an ninh của các hãng hàng không, các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không;
 - Chỉ thị, văn bản chỉ đạo về an ninh hàng không;
 - Các kết luận, biên bản các cuộc kiểm tra, cuộc họp về an ninh hàng không;
 -

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

(Bao gồm các đơn vị trực tiếp liên quan đến an ninh hàng không tại Cảng hàng không, tùy thuộc từng cảng hàng không các cơ quan, đơn vị không giới hạn hoặc đầy đủ như dưới đây)

1. Cục Hàng không Việt Nam
2. Cảng vụ Hàng không
3. Người khai thác cảng hàng không:
 - Người chịu trách nhiệm chuyên trách
 - Cơ quan tham mưu về an ninh hàng không
4. Chi nhánh cảng hàng không, sân bay
 - Giám đốc chi nhánh;
 - Trung tâm / Đội An ninh hàng không;
 - Khai thác ga;
 - Khai thác khu bay;
 - Khẩn nguy cứu nạn;
 -

5. Công an cửa khẩu

6. Đồn công an sân bay
7. Đơn vị quân đội
8. Kiểm dịch y tế
9. Kiểm soát phóng xạ hạt nhân
10. Hải quan cửa khẩu
11. Suất ăn
12. Xăng dầu
13. Công ty hàng hóa
14. Công ty phục vụ mặt đất
15. Dịch vụ không lưu
16. Dịch vụ bưu chính
17. Các tổ chức thuê mặt bằng kinh doanh tại cảng hàng không
18. Các cơ quan, đơn vị khác

III. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Giao ban liên ngành, cơ quan, đơn vị
2. Người chủ trì, nhiệm vụ, quyền hạn
3. Thời gian, địa điểm tổ chức giao ban
4. Thành phần tham dự
5. Nội dung giao ban
6. Biên bản kết luận

IV. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG

(Những thông tin đưa ra nhằm để cho người đọc biết được một cách khái quát về cảng hàng không, đặc điểm, chức năng và hoạt động của nó để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không)

Mô tả tổng quát

1. Mô tả các khu chức năng
 - Sân đỗ;
 - Đường hạ cất cánh, đường lăn;
 - Nhà ga;
 - Bãi đỗ xe;
 - Hệ thống giao thông;
 - Khu vực kho hàng, suất ăn, xăng dầu;
 - Các điểm kiểm tra an ninh;
 - Các hãng hàng không;
 - Các công ty cung cấp dịch vụ hàng không và phi hàng không;

V. CÁC BIỆN PHÁP AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Khu vực công cộng, khu vực lân cận cảng hàng không
2. Bảo vệ vành đai cảng hàng không và kiểm soát ra vào
3. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, nội bộ
4. Hộ tổng, áp giải
5. Tuần tra, canh gác
6. Hệ thống khóa cổng, cửa
7. Kiểm tra lý lịch
8. Bảo vệ khu vực hạn chế:
 - Các khu vực hạn chế;
 - Kiểm soát vào các khu vực hạn chế;
 - Duy trì an ninh các khu vực hạn chế;
 - Soi chiếu người và đồ vật của nhân viên vào các khu vực hạn chế;
 - Kiểm tra phương tiện vào các khu vực hạn chế;
 - Kiểm soát hành khách, tổ bay vào các khu vực hạn chế;
 - Kiểm soát vật phẩm nguy hiểm ra vào khu vực hạn chế.
9. Soi chiếu hành khách, tổ bay, hành lý xách tay và các đối tượng khác trước khi vào khu vực cách ly
 - Thẩm quyền và trách nhiệm
 - Mục đích, yêu cầu soi chiếu
 - + Địa điểm, thời gian soi chiếu;
 - + Quy định về miễn trừ soi chiếu;
 - + Cách thức soi chiếu;
 - + Quy định về kiểm tra trực quan ngẫu nhiên lần thứ hai.
 - Quy trình cụ thể việc soi chiếu, kiểm tra trực quan
 - + Soi chiếu và kiểm tra trực quan hành khách, hành lý xách tay xuất phát;
 - + Soi chiếu và kiểm tra trực quan hành khách, hành lý xách tay quá cảnh;
 - + Danh sách đối tượng được miễn trừ;
 - + Soi chiếu và kiểm tra trực quan tổ bay và hành lý xách tay;
 - + Soi chiếu và kiểm tra trực quan người của các cơ quan quản lý nhà nước;
 - + Soi chiếu và kiểm tra trực quan đối tượng không phải là hành khách (tổ bay, công an, hải quan cửa khẩu, nhân viên hàng không ...);
 - + Biện pháp xử lý với hành khách, hành lý nghi ngờ;
 - + Giám sát hành khách trong khu vực cách ly;
 - + Biện pháp xử lý trường hợp từ chối soi chiếu, kiểm tra trực quan;

- + Biện pháp đối với hành khách đặc biệt (bị can, phạm nhân, người bị trục xuất.....);
 - + Xử lý khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm;
 - + Xử lý với các vật phẩm bị tịch thu;
 - + Xử lý khi phát hiện hàng hóa nguy hiểm không khai báo;
 - + Kiểm tra đồ điện, điện tử.
- Thiết bị soi chiếu
 - Nhân viên an ninh soi chiếu
 - Danh mục các vật phẩm không được mang theo người, hành lý xách tay
 - Kiểm soát vũ khí, súng đạn
 - Túi thư ngoại giao, lãnh sự
 - Biện pháp kiểm soát đối với bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ
 - Hành khách, tổ bay chuyển bay hoạt động hàng không chung.
10. Soi chiếu hành lý ký gửi
- Thẩm quyền và trách nhiệm;
 - Quy trình soi chiếu;
 - Bảo vệ và giám sát hành lý sau khi soi chiếu;
 - Xử lý đối với hành lý không có người nhận, hành lý không nhận biết được chủ.
11. Soi chiếu hàng hóa dùng để bán hay sử dụng trong khu cách ly và trên tàu bay
- Thẩm quyền và trách nhiệm;
 - Quy trình soi chiếu;
 - Nhà cung cấp quen biết;
 - Hàng lưu kho.
12. An ninh đối với hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện
- Trách nhiệm;
 - Bảo vệ hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện trong khu vực hạn chế.
13. An ninh đối với suất ăn và đồ dự trữ
- Trách nhiệm;
 - Biện pháp, quy trình an ninh.
14. An ninh đối với tàu bay
- Trách nhiệm bảo vệ tàu bay;
 - Biện pháp, quy trình an ninh.

1. Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và danh sách người đứng đầu của từng bộ phận từ cấp tổ và tương đương trở lên.

2. Sơ đồ bố trí lực lượng tại các điểm kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh và lực lượng tuần tra.

VII. PHƯƠNG ÁN LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ, THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ; TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, THUỐC CHỮA BỆNH

1. Danh mục trích ngang hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không và vũ khí, công cụ hỗ trợ

2. Sơ đồ bố trí hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không. Phương án trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ

3. Quy trình bảo quản, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không và vũ khí, công cụ hỗ trợ.

4. Chế độ, trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị an ninh hàng không và vũ khí, công cụ hỗ trợ.

5. Danh mục, số lượng trang thiết bị y tế, thuốc chữa bệnh được dự phòng.

VIII. ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN

1. Huấn luyện nhận thức an ninh

2. Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ an ninh

3. Kiểm tra lý lịch trước khi tuyển dụng

IX. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

X. QUY TRÌNH BẢO VỆ AN NINH NỘI BỘ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

XI. KIỂM SOÁT VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH HÀNG KHÔNG

XII. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG, NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY

(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích, phạm vi áp dụng.
2. Các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ xây dựng Chương trình
3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt
4. Phân loại, quản lý và phân phối tài liệu, văn bản về an ninh hàng không
 - a. Chương trình an ninh HKDD Hãng ...
 - b. Chỉ thị, văn bản chỉ đạo về an ninh hàng không
 - c. Các kết luận, biên bản các cuộc kiểm tra, cuộc họp về an ninh hàng không

-

II. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG

Phần này đưa ra những thông tin nhằm để cho người đọc biết được một cách khái quát về hoạt động của hãng hàng không, đặc điểm, trụ sở, các văn phòng đại diện, số lượng tàu bay, đường bay, hành khách vận chuyển và hoạt động của hãng để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không.

III. TỔ CHỨC VÀ TRÁCH NHIỆM

1. Người chịu trách nhiệm trực tiếp chuyên trách về công tác bảo đảm an ninh
2. Phòng/Ban an ninh hàng không
3. Tổ bay
 - Người chỉ huy tàu bay
 - Thành viên tổ bay khác
4. Đại diện của Hãng tại cảng hàng không
5. Nhân viên an ninh trên không
6. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

1. Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và danh sách người đứng đầu của từng bộ phận cả lực lượng chuyên trách và kiêm nhiệm;

2. Sơ đồ bố trí lực lượng an ninh tại các khu vực hạn chế thuộc trách nhiệm quản lý của hãng hàng không.

V. AN NINH TÀU BAY

Quy định chung

1. Kiểm soát tiếp cận, vào tàu bay
2. Tuần tra, giám sát tàu bay
3. Biện pháp phòng ngừa trước chuyến bay
4. Kiểm tra, lục soát tàu bay
5. Các biện pháp an ninh khi mức độ đe dọa cao
6. Các biện pháp an ninh đối với chuyến bay bị đe dọa
7. Các thông báo của tổ bay cho hành khách liên quan đến bảo đảm an ninh hàng không trên tàu bay
8. Hệ thống thẻ nhận dạng tổ bay

VI. BẢO VỆ TÀI LIỆU

VII. AN NINH ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ XÁCH TAY

1. Quy định chung
2. Kiểm soát vũ khí, súng đạn chuyên chở trên tàu bay
3. Túi ngoại giao, lãnh sự và tài liệu đưa lên chuyến bay
4. Chuyên chở hành khách đặc biệt.

VIII. AN NINH ĐỐI VỚI HÀNH LÝ KÝ GỬI

IX. ĐỒNG BỘ HÀNH KHÁCH VÀ HÀNH LÝ

X. AN NINH ĐỐI VỚI SUẤT ĂN VÀ ĐỒ VẬT PHỤC VỤ TRÊN TÀU BAY

XI. VỆ SINH TÀU BAY

XII. AN NINH HÀNG HÓA, THƯ, BƯU PHẨM, BƯU KIỆN

1. Quy định chung
2. Đại lý điều tiết
3. Khách hàng quen
4. Khách hàng lạ
5. Hàng hóa chuyển tàu
6. Hàng hóa có giá trị cao
7. Hành lý, tài sản cá nhân không có người đi kèm
8. Túi ngoại giao, lãnh sự
9. Bảo vệ hàng hóa, thư, bưu phẩm, bưu kiện

XIII. BẢO VỆ KHU VỰC BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA TÀU BAY

XIV. BAY LIÊN DANH

XV. HUẤN LUYỆN AN NINH

1. Huấn luyện nhận thức an ninh
2. Huấn luyện nghiệp vụ an ninh
3. Tuyển dụng và thẩm tra lý lịch nhân viên
4. Chương trình huấn luyện an ninh

XVI. PHƯƠNG ÁN KHẨN NGUY

XVII. KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH TẠI CẢNG
HÀNG KHÔNG SÂN BAY

XVIII. BÁO CÁO SỰ CỐ

XIX. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

XX. BẢO VỆ TỔ BAY VÀ TRỤ SỞ

XXI. QUY TRÌNH BẢO VỆ AN NINH NỘI BỘ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG
KHÔNG

XXII. PHỤ LỤC

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục III
ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG
CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG LƯU

*(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 01/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Quy định chung

- 1.1 Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng
- 1.2 Căn cứ xây dựng quy chế
- 1.3 Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt
- 1.4 Mô tả khái quát cơ cấu tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp

2. Hệ thống tổ chức đảm bảo an ninh hàng không

- 2.1 Sơ đồ hệ thống tổ chức đảm bảo an ninh hàng không
- 2.2 Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân
- 2.3 Trách nhiệm phối hợp đảm bảo an ninh hàng không

3. Các biện pháp an ninh phòng ngừa

3.1 Quy định chung

- 3.1.1 Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không
 - a) Các loại thẻ, giấy phép
 - b) Hồ sơ thủ tục cấp thẻ, giấy phép
 - c) Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép
- 3.1.2 Kiểm soát người, phương tiện, đồ vật ra, vào khu vực hạn chế
- 3.1.3 Kiểm tra, lục soát an ninh khu vực hạn chế
- 3.1.4 Kiểm soát vật phẩm nguy hiểm trong khu vực hạn chế
- 3.1.5 Các biện pháp an ninh nội bộ
 - Kiểm soát lý lịch
 - Kiểm soát, bảo mật văn bản, tài liệu, giữ liệu an ninh
- 3.1.6 Chống phá sóng, cướp sóng vô tuyến điều hành, hướng dẫn bay
- 3.1.7 Cấp độ tăng cường đảm bảo an ninh

3.2 Đối với từng cơ sở cụ thể

Viết cụ thể cho từng cơ sở, nơi có công trình, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động bay, bao gồm các nội dung sau:

- 3.2.1 Mô tả khái quát cơ cấu tổ chức, hoạt động của cơ sở
- 3.2.2 Thiết lập các khu vực hạn chế
- 3.2.3 Hàng rào, cổng, cửa, thiết bị an ninh hàng không
 - a) Hàng rào bao quanh khu vực doanh nghiệp
 - b) Các cổng cửa ra vào khu vực doanh nghiệp

- c) Hệ thống chiếu sáng
- d) Hệ thống ca-mê-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập khác
- e) Hệ thống biển báo, cảnh báo
- f) Sơ đồ về các hệ thống hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng cửa

3.2.4 Tuân tra, canh gác

3.2.5 Kiểm soát khu vực công cộng (nếu có), khu vực lân cận của các công trình, thiết bị phục vụ hoạt động bay ngoài khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay

3.2.6 Tổ chức lực lượng an ninh hàng không tại cơ sở

- Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và danh sách người đứng đầu của từng bộ phận từ cấp tổ và tương đương trở lên;
- Sơ đồ bố trí lực lượng tại các điểm kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh và lực lượng tuần tra;
- Chế độ trực

4. Trang phục, công cụ hỗ trợ của lực lượng an ninh hàng không

5. Công tác báo cáo

6. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

6.1 Hệ thống tổ chức kiểm soát chất lượng

6.2 Các biện pháp kiểm soát chất lượng

7. Tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện an ninh, diễn tập chống can thiệp BHP

7.1 Tuyển dụng

7.2 Đào tạo ban đầu

a) Trách nhiệm

b) Đối tượng

c) Cơ sở đào tạo

7.3 Chương trình thực tập cho nhân viên mới tuyển dụng

7.4 Đào tạo, huấn luyện định kỳ

a) Trách nhiệm về đào tạo, huấn luyện định kỳ

b) Đối tượng đào tạo, huấn luyện định kỳ

c) Cơ sở đảm bảo cho công tác đào tạo, huấn luyện định kỳ

- Giảng viên

- Tài liệu

- Phòng học, trang thiết bị

7.5 Các khóa đào tạo, huấn luyện, tập huấn khác

7.6 Diễn tập

8. Phương án khẩn nguy (Kế hoạch khẩn nguy cơ sở)

1. Quy định chung

a) Phương châm chỉ đạo

- b) Phân loại tình huống khẩn nguy
 - c) Hệ thống chỉ huy
 - d) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trực thuộc
 - đ) Lực lượng tham gia phương án
 - e) Trách nhiệm phối hợp
 - g) Cơ chế thông tin, báo cáo, chế độ trực khẩn nguy
 - h) Phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ phương án khẩn nguy
 - i) Kinh phí
 - k) Đào tạo, huấn luyện, diễn tập
2. Các phương án cho một số tình huống cụ thể

9. Các phụ lục:

Phụ lục IV
ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG CỦA
DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

*(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Mục đích của Quy chế.
2. Giải thích từ ngữ
3. Ranh giới khu vực hạn chế của doanh nghiệp
 - 3.1. Mô tả khái quát phạm vi quản lý của doanh nghiệp và các hoạt động của doanh nghiệp tại khu vực hạn chế.
 - 3.2. Mô tả ranh giới khu vực hạn chế mà doanh nghiệp đang thuê hoạt động
 - 3.3. Sơ đồ khu vực hạn chế nêu tại điểm 3.2
4. Các biện pháp bảo đảm an ninh
 - 4.1 Hệ thống hàng rào, thiết bị bảo vệ
 - a) Hàng rào bao quanh khu vực doanh nghiệp
 - b) Các cổng cửa ra vào khu vực doanh nghiệp
 - c) Hệ thống chiếu sáng
 - d) Hệ thống ca-me-ra giám sát và hệ thống phát hiện đột nhập khác
 - e) Hệ thống biển báo, cảnh báo
 - f) Sơ đồ về các hệ thống hàng rào, chiếu sáng, giám sát và cổng cửa
 - 4.2. Công tác đảm bảo an ninh
 - a) Thời gian, cách thức bảo vệ
 - b) Kiểm soát, giám sát bảo đảm an ninh trong khu vực hạn chế
 - c) Các biện pháp kiểm soát chất lượng
 - d) Phối hợp với các khu vực xung quanh.
5. Phương án tổ chức lực lượng an ninh hàng không (đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sửa chữa bảo dưỡng tàu bay)
 - 5.1. Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và danh sách người đứng đầu của từng bộ phận từ cấp tổ và tương đương trở lên;
 - 5.2. Sơ đồ bố trí lực lượng tại các điểm kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh và lực lượng tuần tra.
6. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ
 - a) Các loại thẻ, giấy phép
 - b) Cấp thẻ, giấy phép
 - c) Hồ sơ thủ tục cấp thẻ, giấy phép

- d) Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép
7. Huấn luyện an ninh
- a) Người chịu trách nhiệm về huấn luyện an ninh
 - b) Huấn luyện ban đầu
 - c) Huấn luyện định kỳ
 - d) Nội dung huấn luyện
8. Đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh
- a) Tên địa chỉ của đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh
 - b) Mô tả những dịch vụ an ninh
 - c) Tiêu chuẩn yêu cầu đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
 - d) Tài liệu huấn luyện của đơn vị cung cấp dịch vụ
9. Thiết bị an ninh
- a) Liệt kê các thiết bị an ninh và vị trí lắp đặt
 - b) Tên, địa chỉ của đơn vị bảo dưỡng thiết bị
 - c) Kiểm tra, đánh giá thiết bị định kỳ.
10. Phương án khẩn nguy (trừ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu)
- a) Đe dọa bom
 - b) Phát hiện vật đáng ngờ
 - c) Cháy
 - d) Vào khu vực hạn chế trái phép
 - đ) Hệ thống kiểm soát ra vào bị hỏng
 - e) Hệ thống điện bị hỏng
 - f) Hệ thống ca-me-ra và phát hiện đột nhập bị hỏng
 - g) Hệ thống thông tin liên lạc bị hỏng
 - h) Người, tài sản bị phá hủy
11. Phương án khẩn nguy đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu:
- a) Phương án điều hành tàu bay khi đang bay bị can thiệp bất hợp pháp
 - b) Kế hoạch khẩn nguy cơ sở như quy định tại khoản 10
12. Quy trình bảo vệ an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không
13. Các phụ lục:
- a) Sơ đồ tổ chức
 - b) Số điện thoại liên lạc cần thiết
 - c) Các sơ đồ cần thiết khác.

Phụ lục V
MẪU CÔNG VĂN

*(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn).....

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị) , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) đề nghị (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn) xem xét, giải quyết/Thông báo một số nội dung sau:

- 1.
- 2.
3. (các nội dung đề nghị xem xét, giải quyết/Thông báo)
-
-

* Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan/đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để liên hệ làm việc với cơ quan/đơn vị nhận công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- ...
- Lưu ...

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục VI
DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN / PHƯƠNG TIỆN
CẤP THẺ/GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH

(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 18/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH

Kính gửi:

Số TT	Họ và tên	Số Thẻ	Thời hạn cấp	Khu vực được cấp						Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Đơn vị.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH TRÍCH NGANG PHƯƠNG TIỆN CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH

Kính gửi:

Số TT	Đơn vị	Tên phương tiện	Biên đăng ký	Giấy chứng nhận an toàn (kiểm định) số	Thời hạn cấp	Khu vực được phép	Công vào	Công ra

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

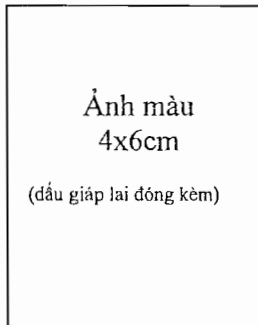
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục VII
MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG
HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NHIỀU LẦN
(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04 /8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu tờ khai A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



..., ngày tháng năm 20.. ...

Kính gửi:

BẢN KHAI CÁ NHÂN số:.....¹

1. Họ và tên:.....
2. Giới tính
3. Sinh ngày: tháng năm
4. Dân tộc
5. Quê quán:
6. Tôn giáo
7. Quốc tịch:
8. Chức vụ:
9. Điện thoại liên lạc
10. Chỗ ở hiện nay
-
11. Số Giấy chứng minh nhân dân / (Hộ chiếu):.....
12. Ngày cấp: Nơi cấp.....
13. Cơ quan, đơn vị hiện đang công tác:
14. Thời hạn làm việc:
 - Biên chế nhà nước
 - Hợp đồng dài hạn đến ngày ... tháng ... năm ... ;

¹ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi.

- Hợp đồng ngắn hạn đến ngày ... tháng ... năm

15. Đặc điểm nhận dạng:

16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây:

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị công tác</i>	<i>Chức vụ, công việc</i>

17. Kỹ luật:

18. Tiền án, tiền sự:

19. Đề nghị cấp thẻ vào cảng hàng không nào? (ghi rõ tên từng cảng hàng không).....

20. Mô tả chi tiết công việc của người đề nghị được cấp thẻ sẽ thực hiện trong các khu vực hạn chế tại cảng hàng không:

21. Số thẻ kiểm soát an ninh đã cấp (nếu có):

22. Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý.

23. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm.

Người khai ký và ghi rõ họ tên

24. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ

Tôi xác nhận các mục từ 01 đến 21 ở trên đã được thẩm tra, xác minh, nội dung khai là đúng sự thật. Nếu xác nhận sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu tờ khai B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
4x6cm
(dấu giáp lai đóng kèm)

....., ngày tháng năm 20.. ...

Kính gửi:

BẢN KHAI CÁ NHÂN SỐ:²

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Sinh ngày: tháng năm 4. Dân tộc:
5. Quê quán: 6. Tôn giáo:
7. Quốc tịch:
8. Chức vụ: 9. Điện thoại liên lạc:
10. Chỗ ở hiện nay:
11. Số Giấy chứng minh nhân dân / Hộ chiếu:
12. Ngày cấp: Nơi cấp:
13. Cơ quan, đơn vị hiện đang công tác:
14. Thời hạn làm việc:
 - Hợp đồng dài hạn đến ngày ... tháng ... năm ... ;
 - Hợp đồng ngắn hạn đến ngày ... tháng ... năm
15. Đặc điểm nhận dạng:
16. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ, công việc

17. Ký luật:

² Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi.

18. Tiền án, tiền sự:
19. Đề nghị cấp thẻ vào cảng hàng không nào? (ghi rõ tên từng cảng hàng không).....
-
20. Mô tả chi tiết công việc của người đề nghị được cấp thẻ sẽ thực hiện trong các khu vực hạn chế tại cảng hàng không:.....
-
-
21. Số thẻ kiểm soát an ninh đã cấp (nếu có):
22. Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý.
23. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm.

Người khai ký và ghi rõ họ tên

24. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ

Tôi xác nhận các mục từ 01 đến 21 ở trên đã được thẩm tra, xác minh, nội dung khai là đúng sự thật. Nếu xác nhận sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

...,ngày tháng năm 20....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

25. Xác nhận của cơ quan công an nơi cư trú (nếu có Phiếu lý lịch tư pháp không phải thực hiện mục 25 này).

Công an Phường/xã xác nhận Ông (bà):

Hiện cư trú tại:

Nhân thân không có tiền án, tiền sự.

..., ngày..... tháng năm 20.....

(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục IX
MẪU DANH SÁCH NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/
đơn vị đề nghị).....)

STT	Họ và tên	Nam / Nữ	Số GCMND / Hộ chiếu	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1							
2							
3							
.....							
.....							
....							
.....							
TỔNG CỘNG							

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.
- GCMND: Giấy chứng minh nhân dân.

Phụ lục X
THÔNG BÁO MẤT THẺ, GIẤY PHÉP

(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04 /8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Đơn vị cấp thẻ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

V/v: thông báo mất thẻ, giấy phép KSAN

Kính gửi: - (Ghi tên các đơn vị nhận)

(Đơn vị cấp thẻ) thông báo thẻ/ giấy phép kiểm soát an ninh do (Đơn vị cấp thẻ) đã cấp, bị mất như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Số thẻ/Giấy phép KSAN đã bị mất	Số thẻ, Giấy phép KSAN cấp lại/ngày tháng năm cấp

(Đơn vị cấp thẻ) yêu cầu:

1. Lực lượng an ninh hàng không của tất cả các cảng hàng không trong quá trình kiểm tra, kiểm soát chú ý phát hiện và ngăn chặn kịp thời việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất để vào khu vực hạn chế tại các cảng hàng không.

2. Khi phát hiện, thu hồi thẻ, giấy phép thông báo cho (Đơn vị cấp thẻ) theo số điện thoại..... và xử lý người vi phạm theo quy định hiện hành./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Phụ lục XI
CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG RÀO, CÔNG, CỬA, RÀO CHẮN,
HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG, VỌNG GÁC, ĐƯỜNG TUẦN TRA
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY,
CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Yêu cầu chung về hàng rào

Hàng rào phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

1. Khó leo trèo; không dễ bị uốn cong, bẻ gãy; ngăn chặn được người, gia súc xâm nhập qua hàng rào; không làm nhiễu loạn tín hiệu điều hành bay của các đài, trạm phục vụ hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay.

2. Chiều cao của hàng rào gồm phần thân và ngọn tính từ mặt đất tối thiểu là 2,45m. Trong đó phần thân hàng rào cao tối thiểu là 2,15m, phần ngọn cao tối thiểu 0,30m. Trong trường hợp chiều cao hàng rào có thể ảnh hưởng đến an toàn bay, chiều cao hàng rào có thể được xây dựng thấp hơn một cách phù hợp với yêu cầu về bảo đảm an ninh.

3. Đối với mương, công thoát nước xuyên qua hàng rào: phải lắp đặt lưới kim loại, bảo đảm việc tiêu nước và ngăn cản được người và gia súc xâm nhập vào sân bay.

4. Bên trong hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay có khoảng trống tối thiểu là 3m sử dụng làm đường tuần tra, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Căn cứ vào các yêu cầu về an ninh và mỹ quan của cảng hàng không, sân bay hay khu vực cần bảo vệ, có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều loại, một hoặc nhiều lớp hàng rào khác nhau cho thích hợp.

2. Các loại hàng rào

2.1. Hàng rào dây kim loại bao gồm hàng rào lưới dây kẽm gai và hàng rào lưới dây kim loại trơn (lưới B40).

2.2. Hàng rào tường xây bằng các loại vật liệu như gạch, đá, bê tông áp dụng cho những khu vực của cảng hàng không, sân bay tiếp giáp với khu dân cư, nhà xưởng.

2.3. Hàng rào song sắt áp dụng cho những khu vực cần mỹ quan; phần tiếp xúc với mặt đất xây bằng gạch, bê tông hoặc đá, phần trên là song sắt.

3. Yêu cầu kỹ thuật hàng rào

3.1. Hàng rào dây kim loại:

3.1.1 Dây kim loại làm hàng rào có đường kính tối thiểu là 2,5mm. Các dây đan với nhau hình vuông hoặc mắt cáo, các lỗ của hàng rào tối đa không quá 12cm x 12cm.

3.1.2 Chân hàng rào xây bằng gạch, bê tông hoặc đá. Cột trụ bằng sắt hoặc bê tông cốt thép khoảng cách giữa hai cột trụ không quá 3m. Thân hàng rào là các tấm lưới đan gắn vào các cột trụ. Phần ngọn hàng rào sử dụng dây kẽm gai đơn, lưới kẽm gai hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài.

3.2. Hàng rào tường xây:

3.2.1 Phần thân là tường xây rộng tối thiểu 20cm, cao tối thiểu 2,15m. Phần ngọn cao tối thiểu 0,30m là dây kẽm gai đơn hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài.

3.2.2 Phần ngọn hàng rào là dây kẽm gai đơn, lưới hoặc cuộn có đường kính dây tối thiểu là 2,5mm.

3.3. Hàng rào song sắt:

3.3.1 Khoảng cách giữa hai song sắt tối đa không quá 15cm. Chiều cao phần thân tối thiểu là 2,15m. Phần ngọn của song sắt nhọn hình mũi mác cao tối thiểu 0,30m, nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài.

3.3.2 Kích thước song sắt:

a) Loại sắt đặc tròn: đường kính tối thiểu 14mm.

b) Loại sắt đặc vuông: kích thước tối thiểu 14mm x 14mm.

c) Loại sắt hộp: kích thước tối thiểu là 20mm x 20mm.

3.4. Hàng rào chắn mương, công thoát nước: khoảng cách giữa hai thanh sắt tối đa không quá 15 cm; kích thước thanh sắt đường kính tối thiểu 14mm.

4. Vọng gác, đường tuần tra

4.1. Vọng gác:

4.1.1 Vọng gác được bố trí tại các cổng ra vào và dọc theo hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác, trừ khu vực hạn chế trong nhà ga. Khoảng cách giữa hai vọng gác liền kề bảo đảm cho nhân viên tại hai vọng gác có thể quan sát khép kín và kiểm soát được tình hình ở những đoạn hàng rào chuyển hướng.

4.1.2 Khi thiết kế, xây dựng vọng gác phải bảo đảm hạn chế được tác động xấu của thời tiết đối với sức khỏe của nhân viên làm nhiệm vụ canh gác tại đó.

4.1.3 Vọng gác phải có cửa quan sát được tất cả các hướng, có thể lắp kính trong suốt để chắn được mưa, gió. Vọng gác được đặt thấp hoặc cao tùy theo địa hình của cảng hàng không, sân bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay, khu vực hạn chế khác và yêu cầu bảo vệ.

a) Vọng gác đặt thấp: sàn của vọng gác cao tối thiểu 50cm so với mặt đất.

b) Vọng gác đặt cao: sàn của vọng gác cao tối thiểu 2,13m so với mặt đất.

4.2. Đường tuần tra: chiều rộng của mặt đường tuần tra tối thiểu 3m và liền kề với phía trong của hàng rào (áp dụng cho vành đai sân bay, trừ trường hợp bất khả kháng).

5. Cổng, rào chắn, cửa

5.1. Hạn chế tối đa cổng, cửa dành cho phương tiện hoặc người vào/ra các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác.

5.2. Cổng ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau:

5.2.1 Cổng dùng cho phương tiện: trụ cổng phải xây bảo đảm vững chắc; cánh cổng làm bằng kim loại hoặc vật liệu bền vững khác và ngăn cản được việc đối tượng sử dụng phương tiện lao qua cổng, chiều cao của cánh cổng tối thiểu phải cao bằng chiều cao của hàng rào.

5.2.2 Cổng dành cho người ra, vào khu vực hạn chế: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế).

5.2.3 Có giám sát của nhân viên an ninh hàng không, bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp hoặc giám sát bằng thiết bị.

5.3. Rào chắn: Cổng ra, vào khu vực hạn chế dùng cho phương tiện trong trường hợp không có cánh cổng phải có rào chắn. Trụ rào chắn phải xây bảo đảm vững chắc. Rào chắn phải làm bằng ống kim loại với đường kính tối thiểu 60mm. Chiều cao từ mặt đất đến mép trên của rào chắn là 01m.

5.4. Cửa ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

5.4.1 Các cửa từ nhà ga thông ra sân đỗ tàu bay: trụ và cánh cửa phải chắc chắn, có khoá an toàn bảo đảm độ kín, khí; bảo đảm không có dụng cụ hỗ trợ không thể phá được cửa.

5.4.2 Cửa dành cho nhân viên nội bộ ra/vào các khu vực hạn chế của nhà ga: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu; (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế).

6. Hệ thống chiếu sáng, giám sát

6.1. Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra vào phải bố trí hợp lý, độ chiếu sáng phải đủ để kiểm tra, kiểm soát người phương tiện và phát hiện đột nhập vào ban đêm, nhưng không làm chói loá gây khó khăn cho việc quan sát khi tuần tra và cho các hoạt động khác.

6.2. Độ rọi tối thiểu của ánh sáng tại mặt đất là:

6.2.1 Phía bên ngoài của những cơ sở quan trọng và những điểm trọng yếu là 10 lux; hàng rào ngay cạnh những khu vực hoạt động là 4 lux, ở khu vực tách biệt với khu vực hoạt động là 2 lux.

6.2.2. Cổng sử dụng cho phương tiện ra vào là 10 lux; cổng sử dụng cho người ra vào là 20 lux.

6.3. Hệ thống chiếu sáng hàng rào, cổng, cửa phải có nguồn điện dự trữ để phòng sự cố mất điện.

6.4. Căn cứ tình hình thực tế, hệ thống máy thu hình (ca-me-ra) giám sát hoặc hệ thống báo động điện tử được lắp đặt tại hàng rào, một số khu vực quan trọng của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và khu vực hạn chế khác.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục XII
NIÊM PHONG AN NINH HÀNG KHÔNG
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Niêm phong an ninh hàng không bao gồm:

1. Tem niêm phong an ninh hàng không
2. Dây niêm phong an ninh hàng không

II. Kích thước, nội dung ghi trên tem, dây niêm phong an ninh hàng không

1. Tem niêm phong an ninh hàng không áp dụng cho tàu bay.
 - a) Kích thước: 2,5cm x 8,5cm.
 - b) Những nội dung ghi trên tem:
 - Biểu tượng hãng hàng không của Việt Nam;
 - Tên đơn vị sử dụng;
 - Hàng chữ “AIRCRAFT SECURITY CHECKED” bằng tiếng Anh và “Đã kiểm tra an ninh tàu bay” bằng tiếng Việt;
 - Mã số ký hiệu ghi trên tem.
2. Tem niêm phong an ninh hàng không áp dụng cho suất ăn.
 - a) Kích thước: 4 cm x 16 cm
 - b) Những nội dung ghi trên tem:
 - Biểu tượng hãng hàng không của Việt Nam hoặc cơ sở sản xuất suất ăn;
 - Tên đơn vị sử dụng;
 - Hàng chữ “CATERING SECURITY CHECKED” bằng tiếng Anh và “Đã kiểm tra an ninh suất ăn” bằng tiếng Việt;
 - Mã số ký hiệu ghi trên tem.
3. Dây niêm phong an ninh hàng không.
 - a) Kích thước: đường kính sợi dây niêm phong 2,9 cm chiều dài 145 cm
 - b) Những nội dung ghi trên dây niêm phong:
 - Biểu tượng Cục hàng không Việt Nam;
 - Tên đơn vị sử dụng;
 - Mã số ký hiệu ghi trên dây niêm phong.

III. Tiêu chuẩn tem, dây niêm phong an ninh hàng không

1. Tem niêm phong an ninh hàng không được làm bằng giấy hoặc các loại vật liệu bền khác và chỉ sử dụng một lần, mặt sau tem có lớp hoá chất kết dính, khi bóc

tem khỏi giấy bảo vệ tem không bị rách. Khi niêm phong, tem sẽ bị huỷ hoặc có dấu hiệu nhận biết khi đã được bóc khỏi điểm niêm phong.

2. Dây niêm phong an ninh hàng không được làm bằng nhựa hoặc vật liệu bền, sử dụng một lần, một đầu dây niêm phong có lỗ tra số dây một chiều. Khi tra, số một đầu dây vào lỗ không thể rút ra.

IV. Quản lý, sử dụng mẫu niêm tem, dây phong an ninh hàng không

1. Căn cứ nhu cầu sử dụng hàng năm, thủ trưởng cơ quan đơn vị lập kế hoạch mua tem, dây niêm phong an ninh .

2. Tem, dây niêm phong an ninh hàng không khi nhập từ nhà cung cấp về, đơn vị phải được lập sổ sách quản lý theo dõi và được bảo quản chặt chẽ, khoa học, đảm bảo không bị thất thoát, hư hại.

3. Mọi công tác giao, nhận, xuất tem, dây niêm phong an ninh hàng không phải được ghi nhận trong sổ sách.

4. Khi xuất tem, dây niêm phong cho nhân viên để sử dụng, cán bộ các đội phải lập sổ giao nhận ghi rõ nội dung giao nhận như số lượng, số sêri từ số bắt đầu đến số cuối khi giao cho từng cá nhân.

5. Chỉ những cán bộ nhân viên được giao nhiệm vụ niêm phong tại các vị trí công tác trong mỗi ca trực mới được phép thực hiện việc niêm phong an ninh, nghiêm cấm nhờ người khác hoặc nhân viên không trong ca trực niêm phong hộ.

6. Cuối mỗi ca trực hoặc giao ca, nhân viên được giao nhiệm vụ niêm phong an ninh ở các vị trí công tác phải mang toàn bộ số tem, dây niêm phong an ninh hàng không còn lại giao cho cán bộ trực đội nhận, ký sổ và ghi rõ lý do nộp lại, số lượng phát ra đã sử dụng hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, số lượng hỏng không sử dụng được. Số sêri ghi trên tem, dây niêm phong an ninh hàng không đã sử dụng phải trùng khớp với số sêri còn lại chưa sử dụng và phải trùng với số lượng ban đầu đã được phát ra.

Phụ lục XIII
GIẤY TỜ CỦA HÀNH KHÁCH SỬ DỤNG ĐI TÀU BAY
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Hành khách khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay quốc tế phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành hoặc giấy tờ khác có giá trị xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật như thị thực rời, thẻ thường trú, thẻ tạm trú (sau đây gọi chung là hộ chiếu); trường hợp trẻ em không có hộ chiếu riêng thì họ tên, ngày tháng năm sinh và ảnh của trẻ em được ghi và dán vào hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi hoặc người giám hộ.

2. Hành khách từ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình:

a) Đối với hành khách mang quốc tịch nước ngoài: hộ chiếu hoặc công hàm của cơ quan ngoại giao, lãnh sự xác nhận nhân thân của hành khách, có dán ảnh, dấu giáp lai và đơn giải trình mất hộ chiếu của hành khách có xác nhận của công an địa phương.

b) Đối với hành khách mang quốc tịch Việt Nam phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau: hộ chiếu; giấy chứng minh nhân dân; giấy chứng minh, chứng nhận của các lực lượng vũ trang; thẻ Đại biểu Quốc hội; thẻ Đảng viên; thẻ Nhà báo; giấy phép lái xe ô tô, mô tô; thẻ kiểm soát an ninh hàng không; thẻ nhận dạng của các hãng hàng không Việt Nam; giấy chứng nhận nhân thân có xác nhận của công an phường, xã nơi cư trú.

3. Ngoài các quy định tại khoản 4 của Phụ lục này, hành khách dưới 14 tuổi mà không có hộ chiếu khi làm thủ tục đi tàu bay trên các chuyến bay nội địa phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy khai sinh; trường hợp dưới 01 tháng tuổi chưa có giấy khai sinh thì phải có giấy chứng sinh;

b) Giấy xác nhận của tổ chức xã hội đối với trẻ em do tổ chức xã hội đang nuôi dưỡng, chỉ có giá trị sử dụng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày xác nhận.

4. Hành khách từ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi không có hộ chiếu hoặc hành khách dưới 12 tuổi phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:

a) Đi cùng với người đại diện theo pháp luật;

b) Đi cùng với hành khách là người làm thủ tục đi tàu bay và đi cùng suốt hành trình, được đăng ký với hãng hàng không khi mua vé;

c) Có cam kết của đại diện hãng hàng không vận chuyển ban đầu trong việc chăm sóc hành khách đến điểm cuối của hành trình.

5. Hành khách là phạm nhân, bị can, người đang bị di lý, dẫn độ, trục xuất khi làm thủ tục đi tàu bay chỉ cần có giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền chứng minh việc áp giải, hành khách là người áp giải xuất trình các loại giấy tờ như quy định tại các khoản 1 và 2 của Phụ lục này.

6. Giấy tờ của hành khách sử dụng khi đi tàu bay quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục này phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Còn giá trị sử dụng;

b) Có ảnh đóng dấu giáp lai, trừ giấy khai sinh, giấy chứng sinh của trẻ em, thẻ kiểm soát an ninh, thẻ nhận dạng của các hãng hàng không.

7. Tại các điểm bán vé hành khách và làm thủ tục hàng không phải nghiêm yết công khai quy định về các loại giấy tờ của hành khách sử dụng khi đi tàu bay.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục XIV
BẢNG CÂU HỎI THẨM VẤN HÀNH KHÁCH
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Đây có phải hành lý của ông/bà không ?
2. Ông/bà tự đóng gói hành lý hay nhờ người khác đóng gói ?
3. Có phải tất cả những vật dụng trong hành lý là của ông/bà không ?
4. Ông/bà có mang bất cứ vật gì giúp người khác không ?
5. Ông/bà đã ghi tên, chuyên bay vào thẻ hành lý xách tay chưa ?
6. Ông/bà có kiểm tra lại hành lý trước khi ra sân bay không ?
7. Khi ở sân bay ông/bà có nhận quà, mang hộ ai hành lý không ?
8. Ông/bà có nhờ ai trông hộ hành lý không ?
9. Có khi nào ông/bà không quản lý hành lý của mình không ?
10. Ông/bà có mang theo pin hoặc bất cứ đồ dùng bằng điện/điện tử chạy bằng pin không ?

Phụ lục XV

DANH MỤC VẬT PHẨM NGUY HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

A. DANH MỤC CÁC VẬT PHẨM NGUY HIỂM KHÔNG ĐƯỢC MANG THEO NGƯỜI, HÀNH LÝ XÁCH TAY LÊN TÀU BAY

I. Chất nổ, vật liệu nổ

1. Các loại bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ quân dụng, vật nổ tự tạo
2. Ngòi nổ, kíp nổ, hạt nổ, dây cháy chậm.
3. Các loại pháo: pháo nổ, pháo hoa, pháo bông, pháo sáng, pháo hiệu
4. Các loại chất nổ khác.

II. Đối tượng được mang vũ khí và công cụ hỗ trợ

1. Vũ khí

- a) Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế trên các chuyến bay của Việt Nam ; Nhân viên làm nhiệm vụ bảo vệ quan chức cao cấp nước ngoài trên các chuyến bay của nước ngoài được các quốc gia có liên quan cho phép, được phép mang các loại súng ngắn, súng trường, súng liên thanh.
- b) Nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay của Việt Nam, của nước ngoài được các quốc gia có liên quan cho phép, được phép mang các loại súng ngắn, súng trường, súng liên thanh.
- c) Phi công trên các chuyến bay của nước ngoài được các quốc gia có liên quan cho phép, được phép mang các loại súng ngắn, súng trường, súng liên thanh.

2. Công cụ hỗ trợ

- a) Cán bộ, chiến sĩ thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an đi làm nhiệm vụ bảo vệ khách chuyên cơ trên các chuyến bay của Việt Nam.
- b) Nhân viên an ninh trên không làm nhiệm vụ bảo vệ trên chuyến bay nếu được các quốc gia có liên quan cho phép.
- c) Riêng nhân viên làm nhiệm vụ áp giải hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị từ chối nhập cảnh chỉ được phép mang còng tay (khóa) số tám.

III. Các chất dễ cháy

1. Các loại chất khí dễ cháy như metal, butal, acetylene và các loại tương tự gồm cả khí đốt hóa lỏng, cồn.

2. Các loại chất lỏng dễ cháy như xăng, dầu và các loại tương tự gồm cả sơn, dung môi pha sơn ; trừ trường hợp hộp nhiên liệu lỏng dễ cháy, axits formic, butane trong các thiết bị điện tử xách tay và một người được mang không quá hai hộp dự trữ

3. Các loại chất rắn, vật liệu, hóa chất dễ cháy.

IV. Các vật dụng thông thường có thể sử dụng làm hung khí tấn công đe dọa

1. Các loại dao, kéo bao gồm cả dao rọc giấy, dao cạo râu

2. Các loại dao, kéo bao gồm cả dao rọc giấy, lưỡi dao cạo râu có lưỡi dài trên 06cm.

3. Xà beng, cuốc, thuổng, xẻng, mai, liềm.

4. Các loại búa, rìu, tràng, đục, lưỡi cưa, lưỡi khoan, tuốc-nơ-vít.

5. Các loại cờ-lê, mỏ lết, kìm có chiều dài trên 10 cm.

6. Các loại kim đan len, kim khâu, kim tiêm có độ dài trên 06cm.

7. Các vật dụng, đồ chơi mô phỏng giống vũ khí bao gồm cả súng, bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi và công cụ hỗ trợ khác.

8. Các loại vật dụng khác có lưỡi sắc và/hoặc đầu nhọn có chiều dài trên 06 cm.

9. Các loại gậy thể thao bao gồm gậy đánh bóng chày, gậy đánh gôn, gậy chơi khúc côn cầu, gậy chơi bi-a, gậy trượt tuyết và các loại gậy thể thao khác.

10. Chân đế máy ảnh, camera, gậy hoặc cán ô có đầu nhọn bịt kim loại.

V. Các vật, chất nguy hiểm khác

1. Cặp, túi, két bạc và những đồ vật khác có gắn thiết bị báo động.

2. Máy trợ tim, thuốc có phóng xạ, trừ trường hợp bệnh nhân mang máy trợ tim trên người, hoặc đặt thuốc trong cơ thể nhằm mục đích điều trị.

3. Thiết bị sinh nhiệt cao như thiết bị hàn, đèn lặn, máy sấy trừ trường hợp được nhà khai thác chấp nhận và và bộ phận sinh nhiệt hoặc nguồn năng lượng phải được tháo rời.

4. Máy uốn tóc có chứa khí hydrocarbon, trừ trường hợp bộ phận sinh nhiệt của máy có nắp chụp bảo vệ an toàn; mỗi người chỉ được mang một máy theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.

5. Túi cứu nạn có chứa chất nổ và bình khí nén, trừ trường hợp được nhà khai thác chấp nhận; túi có vật nổ chứa không quá 200mg chất nổ và bình khí nén không độc, không cháy dưới 250 ml và mỗi người chỉ được mang một túi theo hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.

6. Bình khí nén trừ các trường hợp:
 - a) Bình khí không độc, không cháy dùng cho chân, tay giả đảm bảo đủ sử dụng trong thời gian chuyến bay, có thể mang theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.
 - b) Bình khí không độc, không cháy gắn trong áo phao để làm phồng áo phao và không quá 02 bình dự phòng cho một người, được nhà khai thác chấp nhận, có thể mang theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.
 - c) Bình ôxy nhỏ mang theo cho bệnh nhân sử dụng, được nhà khai thác chấp nhận, có thể mang theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.
7. Pin, ắc quy trừ trường hợp dùng cho các thiết bị điện tử mang theo sử dụng cho cá nhân như đồng hồ máy tính, máy ảnh, máy quay video, điện thoại, máy tính xách tay và các thiết bị tương tự.
8. Áp kế, nhiệt kế thủy ngân trừ các trường hợp:
 - a) Áp kế, nhiệt kế thủy ngân của cơ quan khí tượng thủy văn phải đóng gói đảm bảo an toàn và được nhà khai thác chấp nhận.
 - b) Nhiệt kế dùng cho cá nhân mỗi người chỉ được mang 01 chiếc theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi và phải đựng trong hộp đảm bảo an toàn.
9. Đá khô, trừ trường hợp bao bì đảm bảo giải phóng được khí di-o-xi-de-carbon, một người mang không quá 2,5kg.
10. Diêm, bật lửa.
11. Bút la-de.
12. Các chất độc, chất lây nhiễm, chất ăn mòn (axít, muối), nguyên liệu phóng xạ, chất ôxy hóa, chất tẩy hữu cơ khác.

B. DANH MỤC CÁC VẬT PHẨM NGUY HIỂM KHÔNG ĐƯỢC MANG THEO HÀNH LÝ KÝ GỬI LÊN TÀU BAY

I. Chất nổ, vật liệu nổ :

1. Các loại bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ quân dụng, vật nổ tự tạo.
2. Ngòi nổ, kíp nổ, hạt nổ, dây cháy chậm.
3. Pháo nổ, pháo hoa, pháo bông, pháo sáng, pháo hiệu
4. Các loại chất nổ khác.
5. Đạn, trừ trường hợp mang theo để sử dụng cho cá nhân, mỗi người mang không quá 5kg ; đóng gói đảm bảo an toàn ; được nhà khai thác chấp nhận và các quốc gia liên quan cho phép.

II. Các chất dễ cháy

1. Các loại chất khí dễ cháy như metal, butal, acetylene và các loại tương tự gồm cả khí đốt hóa lỏng, cồn.
2. Các loại chất lỏng dễ cháy như xăng, dầu và các loại tương tự gồm cả sơn, dung môi pha sơn.
3. Các loại chất rắn, vật liệu, hóa chất dễ cháy.

III. Các vật, chất nguy hiểm khác

1. Cặp, túi, két bạc và những đồ vật khác có gắn thiết bị báo động.
2. Pin, ắc quy trừ các trường hợp:
 - Pin, ắc quy của xe lăn hoặc các thiết bị trợ giúp người tàn tật di chuyển, được đóng gói đảm bảo an toàn và phải được nhà khai thác chấp nhận.
 - Pin, ắc quy của các thiết bị điện, điện tử cá nhân mang theo, có thể mang theo người, hành lý xách tay hoặc mang trong hành lý ký gửi
3. Máy trợ tim, thuốc có chứa chất phóng xạ.
4. Thiết bị sinh nhiệt cao như thiết bị hàn, đèn lặn, máy sấy.
5. Máy uốn tóc có chứa khí hydrocarbon, trừ trường hợp bộ phận sinh nhiệt của máy có nắp chụp bảo vệ an toàn; mỗi người chỉ được mang một máy theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.
6. Túi cứu nạn có chứa chất nổ và bình khí nén, trừ trường hợp được nhà khai thác chấp nhận; túi có vật nổ chứa không quá 200mg chất nổ và bình khí nén không độc, không cháy dưới 250ml và mỗi người chỉ được mang một túi theo hành lý xách tay hoặc ký gửi.
7. Bình khí nén trừ các trường hợp:
 - a) Bình ôxy nhỏ mang theo cho bệnh nhân sử dụng, được nhà khai thác chấp nhận, có thể mang theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.
 - b) Bình khí không độc, không cháy dùng cho chân, tay giả hoạt động trong suốt chuyến bay, có thể mang theo người, hành lý xách tay hoặc hành lý ký gửi.
9. Áp kế, nhiệt kế thủy ngân.
10. 'Đá khô' hoặc 'Carbon Dioxide, Solid' và trọng lượng không quá 2,5kg đối với người.
11. Diêm, bật lửa với số lượng trên 10 chiếc. Việc vận chuyển diêm và bật lửa số lượng lớn được thực hiện theo quy định về hàng hóa nguy hiểm.
12. Đồ uống có độ cồn từ 40 phần trăm trở lên; trường hợp đồ uống có độ cồn dưới 40 phần trăm, mỗi người không được mang quá 5 lít đựng trong bình đựng không quá 05 lít.

13. Thuốc chữa bệnh, keo xịt tóc, nước hoa, nước thơm có cồn không có chất phóng xạ, kể cả đựng trong bình xịt, trừ trường hợp mỗi người không được phép mang tổng cộng không quá 2kg hoặc 2 lít, mỗi loại không quá 0,5kg hoặc 0,5 lít.
14. Các chất độc, chất lây nhiễm, chất ăn mòn(axít, muối), nguyên liệu phóng xạ, chất ôxy hóa, chất tẩy hữu cơ khác.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục XVI
TỜ KHAI MANG SÚNG THEO NGƯỜI LÊN TÀU BAY
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Họ và tên hành khách: Số ghế:
Chuyến bay Từ Đến
Giấy phép trang bị súng số Nơi cấp
Giấy phép mang vũ khí theo người số

Hành khách thuộc đối tượng được phép mang súng theo người lên tàu bay theo quy định của Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam là:

- Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ đi tiếp cận bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, khách quốc tế;
- Nhân viên an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên chuyến bay.

**TÔI CAM KẾT THỰC HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH CHỜ LÊN TÀU BAY
VÀ TRONG SUỐT THỜI GIAN BAY:**

1. Không để lộ súng cho người khác biết.
2. Không yêu cầu phục vụ đồ uống có cồn trong suốt chuyến bay.
3. Tuân thủ yêu cầu của người chỉ huy tàu bay khi ở trên tàu bay.

**TÔI ĐÃ XUẤT TRÌNH GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐƯỢC PHÉP MANG
VŨ KHÍ VÀ ĐANG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHO
CƠ QUAN ĐƯỢC NÊU Ở TRÊN.**

Chữ ký xác nhận của hành khách

NGƯỜI KIỂM TRA

Tôi tên là

Đơn vị:

Tôi đã kiểm tra giấy phép sử dụng vũ khí và giấy tờ của Ông (bà) chứng minh việc được phép mang vũ khí theo người lên tàu bay tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Ngày tháng năm

Ký tên

Nhân viên mặt đất: Đính kèm bản gốc vào thẻ lên tàu, một bản sao vào tài liệu chuyến bay và một bản sao cho hành khách.

Tiếp viên: Thu lại bản gốc, bí mật thông báo chỗ ngồi của hành khách được mang vũ khí theo người trên chuyến bay cho người chỉ huy tàu bay và những hành khách khác được mang theo vũ khí trên chuyến bay.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục XVII
TỜ KHAI KÝ GỬI SÚNG, ĐẠN TRÊN CHUYẾN BAY
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Họ và tên hành khách: Số ghế
Số hiệu chuyến bay
Từ Đến
Đề nghị cho phép vận chuyển súng (Ghi rõ loại súng)
 trong hành lý ký gửi
 gửi tách rời
Số súng
Số giấy phép sử dụng ngày cấp Nơi cấp

2. Tôi cam kết các điều kiện sau đây đã được thực hiện:
a) Đã khai báo và xuất trình những giấy tờ liên quan tới vũ khí với hãng chuyên chở khi làm thủ tục;
b) Súng không nạp đạn;

Ngày tháng năm
Hành khách ký tên

3. Họ và tên người kiểm tra

Đơn vị:

Tôi đã tiến hành kiểm tra:

- Hành khách có đủ giấy phép sử dụng súng theo quy định của pháp luật
- Súng không nạp đạn.
 Đạn đã được tháo rời và giao cho nhà chuyên chở
 Súng của hành khách không có đạn mang theo

Người kiểm tra
(Ký tên)

4. Đại diện hãng hàng không

Họ và tên

Đơn vị:

Xác nhận:

Súng của hành khách để trong hành lý ký gửi.

Súng của hành khách gửi rời chuyên chở ở khoang hàng

(Đánh dấu xác định nội dung là đúng, dấu X xác định nội dung là sai).

Đạn đã được đóng gói, chất xếp theo quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

Súng không có đạn.

(Đánh dấu xác định nội dung là đúng dấu X xác định nội dung là sai).

Đại diện hãng hàng không

(Ký tên)

-
- Bản chính gửi cho nơi làm thủ tục cho hành khách lên tàu bay
 - Bản sao thứ nhất đưa vào tài liệu chuyển bay
 - Bản sao thứ 2 giao cho hành khách

Phụ lục XVIII
CÁC BIỆN PHÁP AN NINH TĂNG CƯỜNG
TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG CẤP ĐỘ

(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Stt	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3
1	Khu vực hạn chế	<p>1.1. Tăng cường số lượng nhân viên an ninh, bảo vệ làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khu vực hạn chế.</p> <p>1.2. Kiểm tra người bằng máy dò kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan 07% đối với người, đồ vật (trừ hành khách, hành lý thực hiện như mục 2) phương tiện vào khu vực hạn chế.</p> <p>1.3. Không cho người vào khu vực hạn chế đón tiễn khách.</p>	<p>2.1. Thực hiện như điểm 1.1; 1.3.</p> <p>2.2. Kiểm tra người bằng máy dò kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan 20% đối với người, đồ vật (trừ hành khách, hành lý thực hiện như mục 2) phương tiện vào khu vực hạn chế.</p> <p>2.3. Thực hiện như điểm 1.3</p>	<p>3.1. Tăng cường nhân viên an ninh, bảo vệ làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thêm 10%</p> <p>3.2. Kiểm tra trực quan 100% đối với người, đồ vật, phương tiện (trừ hành khách, hành lý thực hiện như mục 2) vào khu vực hạn chế.</p> <p>3.3. Chỉ những người làm việc thường xuyên tại cảng hàng không mới được phép vào khu vực hạn chế (trừ hành khách)</p>
2	Kiểm tra Soi chiếu hành khách, hành lý xách tay	<p>1.4. Tăng cường phòng vấn hành khách khi làm thủ tục. Hành khách phải tháo giày, áo khoác đưa qua máy soi.</p> <p>1.5. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên 10% hành khách đã qua cổng từ mà không có báo động; 10% hành lý xách tay, ký gửi qua máy soi mà không có hình ảnh nghi vấn</p>	<p>2.4. Thực hiện như quy định tại điểm 1.4.</p> <p>2.5. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên 30% hành khách, hành lý xách tay đã qua cổng từ, máy soi mà không có báo động, hình ảnh nghi vấn. Sử dụng chó nghiệp vụ để phát hiện chất nổ hành lý ký gửi</p>	<p>3.4. Thực hiện như quy định tại điểm 1.4.</p> <p>3.5. Kiểm tra trực quan 100% hành khách, hành lý xách tay trước khi cho hành khách lên tàu bay (tại cửa boarding). Sử dụng chó nghiệp vụ để phát hiện chất nổ hành lý ký gửi đã</p>

Stt	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3
			đã qua máy soi.	qua máy soi trước khi chất xếp lên tàu bay.
3	Kiểm tra, soi chiếu hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư tín	1.6. Tăng cường phòng vấn khách hàng khi làm thủ tục chấp nhận. Kiểm tra trực quan 10% hàng hóa đã qua soi chiếu.	2.6. Tăng cường phòng vấn khách hàng khi làm thủ tục chấp nhận. Kiểm tra trực quan 10%. Hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư tín phải lưu kho tối thiểu 24 giờ mới đưa lên tàu bay. Kiểm tra ngẫu nhiên 10% bằng thiết bị phát hiện chất nổ hoặc chó nghiệp vụ trước khi chất xếp lên tàu bay.	3.6. Thực hiện như quy định tại điểm 1.6. Kiểm tra 100% hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư tín bằng thiết bị phát hiện chất nổ hoặc chó nghiệp vụ trước khi chất xếp lên tàu bay. 3.7. Nhân viên an ninh áp tải hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư tín trên đường vận chuyển từ kho hàng ra tàu bay.
4	Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ.	1.7. Tàu bay đỗ ban đêm tại những khu vực có chiếu sáng. Giám sát liên tục bằng camera. 1.8. Khi tàu bay đang khai thác tại mỗi cửa lên tàu bay có một nhân viên an ninh canh gác, giám sát	2.7. Thực hiện như quy định tại điểm 1.7 và mỗi tàu bay tối thiểu có một nhân viên an ninh canh gác. 2.8. Thực hiện như quy định tại điểm 1.8 và tất cả người, đồ vật đưa lên phục vụ trên tàu bay phải được kiểm tra bằng trực quan (trừ hành khách, hành lý, hàng hóa, suất ăn).	3.8. Thực hiện như điểm 1.7 và mỗi tàu bay tối thiểu có hai nhân viên an ninh canh gác. 3.9 Thực hiện như quy định tại điểm 2.8.
5	Hành lý ký gửi không có	1.9. Kiểm tra trực quan, sau khi đã được soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay.	2.9. Không chuyên chở trên tàu bay hành lý không có người đi cùng	3.10. Thực hiện như quy định tại điểm 2.9.

Stt	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3
	người đi cùng.			
6	Bảo vệ hành lý ký gửi	1.10. Giám sát bằng camera hoặc nhân viên an ninh hành lý ký gửi từ khi nhận đến khi đưa lên tàu bay.	2.10. Thực hiện như quy định tại điểm 1.10.	3.11. Thực hiện như quy định tại điểm 1.10 và hành lý phải được chuyên chở trong các công-ten-nơ có niêm phong.
7	Suất ăn và hàng dự trữ của tàu bay	1.11. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên 2% suất ăn, đồ dự trữ tại điểm kiểm tra an ninh trước khi vào sân bay.	2.11. Thực hiện như quy định tại điểm 1.11 và suất ăn, đồ dự trữ phải để trong công-ten-nơ có niêm phong có nhân viên an ninh áp tải ra tàu bay.	3.12. Tất cả suất ăn và đồ dự trữ của tàu bay phải được chuẩn bị dưới sự giám sát trực tiếp của nhân viên an ninh của cảng hàng không và thực hiện như quy định tại điểm 2.11.
8	Khu vực công cộng	1.12. Tăng cường tần suất tuần tra khu vực công cộng, tăng cường tần suất phát thanh trên hệ thống phát thanh yêu cầu hành khách không được rời xa hành lý, 1.13. Giám sát khu vực công cộng của nhà ga bằng camera và tăng cường nhân viên an ninh giám sát.	2.12. Thực hiện như quy định tại điểm 1.12; 1.13. 2.13. Không cho xe đưa đón khách dừng trước cửa nhà ga. 2.14. Thường xuyên kiểm tra các thùng rác, khu vực vệ sinh, bụi cây và những nơi khuất.	3.13. Thực hiện như quy định tại điểm 1.12; 1.13 và 2.13; 2.14 3.14. Xem xét việc đóng cửa các khu vực công cộng gần những khu vực hoạt động của tàu bay và những khu vực khác. Hạn chế phương tiện vào cảng hàng không.
9	Thông tin báo cáo	1.14. Tăng cường thông tin báo cáo nội bộ. Thực hiện báo cáo nhanh qua đường dây nóng hàng ngày từ các đơn vị về Cục	2.15. Các đơn vị trong ngành phải tổ chức trực ban 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo 12 giờ một lần và báo cáo ngay khi cần xin ý	3.15. Các đơn vị phải tổ chức trực ban 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo 04 giờ một lần và báo cáo ngay khi cần xin ý kiến

Stt	Lĩnh vực	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3
		Hàng không Việt Nam. Lực lượng an ninh, bảo vệ tổ chức trực 40% quân số.	kiến chi đạo về Cục Hàng không Việt Nam. Lực lượng an ninh, bảo vệ tổ chức trực 70% quân số.	chi đạo về Cục Hàng không Việt Nam. Lực lượng an ninh, bảo vệ tổ chức trực 100% quân số.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục XIX
KIỂM TRA ĐỐI VỚI MÁY SOI TIA X

*(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

I. Yêu cầu

1. Mỗi loại máy soi sử dụng tại mỗi cảng hàng không, sân bay phải có tối thiểu một Bộ mẫu thử (Combined Test Piece – CTP) của nhà chế tạo hoặc nhà cung cấp để kiểm tra máy soi tia X.

2. Bộ mẫu thử CTP bao gồm những mẫu vật chất hữu cơ và vô cơ và các mẫu vật nhằm kiểm tra sự phân giải và xuyên thấu của máy soi

3. Mỗi ngày một lần và khi bị mất điện sử dụng Bộ mẫu thử tiến hành kiểm tra 1a (Độ phân giải) và 1b (Độ xuyên thấu hữu ích) trước khi sử dụng máy để soi chiếu hành lý, hàng hóa. Kíp trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi lại kết quả vào sổ theo dõi. Qua kiểm tra nếu đáp ứng được yêu cầu mới sử dụng để soi chiếu, trường hợp không đáp ứng phải yêu cầu bộ phận kỹ thuật xem xét.

4. Mỗi tuần một lần sử dụng Bộ mẫu thử tiến hành kiểm tra 1a (Độ phân giải), 1b (Độ xuyên thấu hữu ích), 2 (Phân biệt chất liệu), 3 (Độ xuyên thấu đơn), 4 (Phân giải không gian), 5 (Tạo ảnh kim loại mỏng) để xác định tất cả các tính năng có trên máy soi. Kíp trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi lại kết quả vào Bảng kiểm tra (Log sheet) tại Mục III. Qua kiểm tra nếu bị lỗi một số hoặc tất cả các mẫu kiểm tra có nghĩa là màn hình, tín hiệu hình ảnh hoặc bộ phận tia X có thể bị hỏng phải yêu cầu bộ phận kỹ thuật sửa chữa và ghi lại sự cố.

5. Nếu qua kiểm tra thấy chất lượng của máy kém hơn so với lần kiểm tra trước, hoặc có nghi ngờ một chức năng nào đó không đáp ứng được, thông báo ngay cho thợ kỹ thuật và ghi lại sự cố vào sổ theo dõi cùng với các bước đã thực hiện để tăng cường khả năng của máy.

6. Người khai thác phải lưu giữ sổ theo dõi, Bảng kiểm tra trong 2 năm kể từ ngày nộp lưu và xuất trình khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu.

7. Khi đặt mẫu thử lên băng chuyền đưa qua máy soi phải để ở vị trí đảm bảo có được hình ảnh tốt nhất (phụ thuộc vào việc bố trí nguồn phát tia X trong máy soi).

II. Các bước kiểm tra (Test) đối với máy soi

1. Kiểm tra (Test) 1a: Độ phân giải

YÊU CẦU: Hình ảnh sợi dây cỡ 33 gauge phải hiển thị, nhìn được rõ nét

Kiểm tra này xác định khả năng của hệ thống hiển thị một dây đơn mảnh, cỡ 33 SWG (cỡ dây chuẩn, 0,254 mm). Thành phần của dây cần phải là dây đồng được tráng thiếc không vỏ bọc cách điện. Bộ CTP có các cỡ dây 25 SWG (0,508 mm), 33 SWG (0,254 mm), 36 SWG (0,193 mm), và 40 SWG (0,122 mm) để kiểm

tra liệu khả năng phân giải dây đơn của máy X quang có đáp ứng được so với yêu cầu không hay năng lực của máy đã suy giảm theo thời gian. Các dây được uốn theo những đường cong chữ "S".

2. Kiểm tra (Test) 1 b: Độ xuyên thấu hữu ích

YÊU CẦU: Hình ảnh sợi dây 25 gauge phải hiển thị, nhìn thấy được dưới tấm chèn thứ 2 (5/16").

Kiểm tra này xác định mức chi tiết như thế nào cần phải được quan sát thấy đằng sau một độ dày của một chất liệu đã biết. Bộ CTP có các cỡ dây khác nhau đằng sau những độ dày khác nhau của nhôm.

3. Kiểm tra (Test) 2: Phân biệt chất liệu

YÊU CẦU: Phải nhìn thấy được mẫu chất vô cơ và hữu cơ hiển thị các màu khác nhau.

Kiểm tra này nhằm đảm bảo máy phân biệt được các chất liệu hữu cơ và vô cơ. Việc sử dụng các mẫu đường và muối đóng gói trong bộ kiểm tra cũng như nhiều chất liệu khác được sử dụng trong xây dựng bộ CTP, sẽ kiểm tra chức năng phân biệt chất liệu. Các màu khác nhau sẽ được gán cho các loại chất liệu khác nhau. Kiểm tra này chỉ có thể áp dụng đối với những máy có chức năng phân biệt chất vô cơ và hữu cơ.

Kiểm tra (Test) 3: Độ xuyên thấu đơn

YÊU CẦU: Hình ảnh tấm chì phải hiển thị, nhìn thấy được dưới tấm thép dày 14mm.

Kiểm tra này nhằm xác định khả năng máy có thể xuyên qua độ dày của thép như thế nào. Các tấm thép trên bộ CTP bắt đầu với độ dày từ 12mm, với các mức tăng dần 02 mm mỗi mức lên tới 24 mm. Một tấm chì chạy dưới chiều dài của các tấm thép để kiểm tra khả năng của máy.

4. Kiểm tra (Test) 4: Phân giải không gian

YÊU CẦU: Hình ảnh khe hở trên tấm đồng phải hiển thị, nhìn thấy được cả ở chiều ngang và chiều dọc.

Kiểm tra này xác định khả năng của máy phân biệt và hiển thị những đối tượng ở sát cạnh nhau khoảng cách 01mm và 1,5mm. Bộ CTP kiểm tra khả năng này sử dụng tấm đồng có 16 khe hở song song với nhau ở 04 ô (cửa sổ), mỗi ô 04 khe.

5. Kiểm tra (Test) 5 : Tạo ảnh kim loại mỏng

YÊU CẦU: Hình ảnh lá thép có độ dày 0,1mm phải hiển thị nhìn thấy được.

Kiểm tra này nhằm xác định khả năng tạo hình ảnh kim loại mỏng của máy.

III Bảng ghi chép kết quả kiểm tra máy soi tia X (Log sheet)

(Kết quả kiểm tra: Đạt yêu cầu đánh dấu ✓ / không đạt yêu cầu đánh dấu X)

Họ và tên người kiểm tra:

Chữ ký:

Thời gian kiểm tra:giờ phút..... ngày..... tháng..... năm.....

Loại máy:

Số máy:

Vị trí của máy:

Số lần kiểm tra:	Ghi chú
1	
2	
3	
4	
5	

KIỂM TRA 1

0,5mm 1mm 2mm 4mm

KIỂM TRA 2

KIỂM TRA 3

10 mm
15 mm
20 mm
25 mm
30 mm
35 mm
40 mm

KIỂM TRA 4

1. 10 mm x 40 mm
2. 15 mm x 40 mm

KIỂM TRA 5

1. 10 mm
2. 15 mm
3. 20 mm

Phụ lục XX
KIỂM TRA ĐỐI VỚI CÔNG TỪ

*(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Người khai thác phải tiến hành khảo sát vị trí trước khi lắp đặt Công từ, chỉ lắp đặt ở vị trí không có các nguồn từ trường gây nhiễu loạn ảnh hưởng đến độ nhạy của công từ. Sau khi lắp đặt mới hoặc lắp đặt lại một Công từ, người khai thác phải tiến hành theo dõi kiểm tra trong thời gian đầu đưa vào hoạt động, ghi lại kết quả, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

2. Mỗi điểm kiểm tra soi chiếu phải có ít nhất một Bộ mẫu thử (Operational Test Pieces – OTP) của nhà cung cấp. Sau khi công từ được lắp đặt xong, cài đặt chỉ số độ nhạy mà nhà sản xuất khuyến nghị cho mỗi loại công từ và sử dụng bộ mẫu thử để kiểm tra trong thời gian đầu đưa vào hoạt động theo cách thức như khoản 3 dưới đây.

3. Cách thức kiểm tra:

a) Đặt mẫu thử tại 4 vị trí dưới đây trên cơ thể, nòng chóc xuống phía dưới:

- Nách bên phải
- Hông bên phải
- Vòng eo ở giữa lưng
- Bên trong mắt cá chân bên phải

b) Tại mỗi vị trí đặt mẫu thử phải đi qua công từ tối thiểu 10 lần, 5 lần theo chiều thuận và 5 lần theo chiều ngược lại. Người kiểm tra phải bỏ hết kim loại trong người ra ngoài. Trong quá trình kiểm tra không được thay đổi độ nhạy đã cài đặt.

c) Mẫu thử phải báo động ít nhất 8 trong 10 lần đi qua (tại chỉ số độ nhạy khuyến nghị) tại mỗi vị trí trên cơ thể. Nếu khả năng phát hiện không thỏa đáng phải tăng độ nhạy lên cho tới khi đạt được yêu cầu trên.

4. Trong thời gian đầu đưa vào hoạt động, trường hợp tỉ lệ hành khách bị báo động quá cao, có thể điều chỉnh giảm độ nhạy xuống từ từ, nhưng không được giảm dưới mức tối thiểu đã được xác định cho công từ và phải sử dụng bộ mẫu thử để kiểm tra sau khi đã giảm độ nhạy, trường hợp đã giảm độ nhạy nhưng tỉ lệ báo động vẫn quá cao không thể chấp nhận được phải thông báo cho bộ phận kỹ thuật để xử lý. Ghi chép lại, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

5. Trường hợp phải đặt độ nhạy cao hơn độ nhạy khuyến nghị để đạt được mức phát hiện mẫu thử theo yêu cầu, nhưng tỉ lệ báo động quá cao không thể chấp nhận được, không được giảm độ nhạy mà phải thông báo cho bộ phận kỹ thuật để xử lý. Ghi chép lại, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

6. Tất cả các khía cạnh của từng công từ trong thời gian đầu đưa vào hoạt động phải ghi chép lại bao gồm các chỉ số độ nhạy đã được cài đặt thử nghiệm và số liệu phát hiện ghi nhận được tương ứng, tỉ lệ phát hiện mẫu thử tại mỗi vị trí; lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

7. Ghi chép tỉ lệ hành khách có báo động khi qua công từ là chỉ số rất hữu ích biểu hiện năng lực hoạt động của công từ. Người khai thác phải ghi chép lại con số này định kỳ tuần một lần.

8. Kíp trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra công từ khi đưa vào sử dụng lại sau một thời gian không sử dụng. Trường hợp công từ hoạt động liên tục (không tắt nguồn) thì nó phải được kiểm tra ít nhất một lần mỗi ngày trước khi sử dụng để kiểm tra hành khách của ca làm việc đầu tiên trong ngày. Quy trình kiểm tra như sau

a) Bỏ hết kim loại trong người ra và đi qua công từ, sau đó đặt mẫu thử tại vùng eo cho nòng chúc xuống,

b) Giữ tư thế thẳng đứng đi qua công từ ít nhất 5 lần. Công từ phải báo động tối thiểu 4 lần mới được đưa vào sử dụng kiểm tra hành khách.

c) Nếu thấy công từ phát hiện mẫu thử dưới 4 lần hoặc kém hơn so với lần trước, kíp trưởng phải tăng độ nhạy lên cho tới khi khả năng phát hiện của công từ đáp ứng được yêu cầu. Nếu vẫn không đáp ứng được yêu cầu phải ngưng sử dụng và thông báo cho bộ phận kỹ thuật để sửa chữa.

c) Ghi chép kết quả kiểm tra vào vào Bảng kết quả kiểm tra quy định tại mục 10, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

9. Mỗi tuần phải kiểm tra 01 lần với mẫu thử tại 4 vị trí trên cơ thể như quy định tại điểm a khoản 3. Tại mỗi vị trí đặt mẫu thử đi qua công từ 5 lần. Ghi chép kết quả kiểm tra vào vào Bảng kết quả kiểm tra quy định tại mục 11, lưu giữ và trình Cục Hàng không Việt Nam khi được yêu cầu.

10. Bảng ghi kết quả kiểm tra công từ hàng ngày.

LOẠI:		SỐ XÉRI:				ĐỊA ĐIỂM:			
CÀI ĐẶT CỤ THỂ CHO CÔNG TỪ		KHUYẾN NGHỊ		TỐI THIỂU		GHI CHÚ BỘ OTP PHẢI ĐẶT TRONG HỒM NHỎ Ở LUNG VỚI ỐNG CHỨC XUỐNG DƯỚI VÀ TAY CẢM QUAY SANG BÊN PHẢI. NGƯỜI KIỂM TRA ĐI QUA CÔNG TỪ ÍT NHẤT 5 LẦN THEO HƯỚNG ĐI THÔNG THƯỜNG.			
		NGƯỠNG	ĐỘ NHAY	NGƯỠNG	ĐỘ NHAY				
NGÀY	CÀI ĐẶT CÔNG TỪ	KẾT QUẢ KIỂM TRA √ = BÁO ĐỘNG X = KHÔNG				KHUYẾN NGHỊ HIỆU CHỈNH		TÊN NGƯỜI GIÁM SÁT	NGƯỜI GIÁM SÁT KÝ TÊN
	NGƯỠNG ĐỘ NHAY								

11. Bảng ghi kết quả kiểm tra công từ hàng tuần.

LOẠI:		SỐ XÊRI:				ĐỊA ĐIỂM:				
CÀI ĐẶT CỤ THỂ CHO CÔNG TỬ		KHUYẾN NGHỊ				TỐI THIỂU		THỰC TẾ KIỂM TRA		
		NGƯỠNG		ĐỘ NHAY		NGƯỠNG	ĐỘ NHAY	NGƯỠNG	ĐỘ NHAY	
VỊ TRÍ CỦA OTP		HƯỚNG ĐI	KẾT QUẢ OTP √ = BẢO ĐỘNG X = KHÔNG				KHUYẾN NGHỊ HIỆU CHỈNH			
		<input type="checkbox"/>								
		<input type="checkbox"/>								
		<input type="checkbox"/>								
		<input type="checkbox"/>								
		<input type="checkbox"/>								
		<input type="checkbox"/>								
		<input type="checkbox"/>								
TÊN NGƯỜI GIÁM SÁT:					NGƯỜI GIÁM SÁT KÝ TÊN:		NGÀY:			

Phụ lục XXI
KIỂM TRA ĐỐI VỚI MÁY DÒ KIM LOẠI CẦM TAY
(Kèm theo Thông tư số 30 /2012/TT-BGTVT ngày 01/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Kiểm tra máy dò kim loại cầm tay một lần mỗi ngày khi giao ca, nhằm duy trì khả năng phát hiện ở mức tiêu chuẩn.

2. Nhân viên soi chiếu kiểm tra máy dò kim loại cầm tay và ghi chép lại kết quả vào sổ kiểm tra. Sổ kiểm tra được lưu giữ tối thiểu 01 năm.

3. Mẫu thử để kiểm tra là đồng tiền bằng kim loại đặt trong hộp nhựa có độ sâu là 03cm.

4. Quy trình kiểm tra tiến hành như sau:

Bước 1: Bật công tắc kiểm tra nguồn điện, đảm bảo nguồn điện của máy dò kim loại cầm tay đủ và ổn định.

Bước 2: Đưa máy dò kim loại cầm tay lên nắp hộp nhựa đựng mẫu thử:

* Máy phát tín hiệu báo động, điều chỉnh độ nhạy, tín hiệu báo động cho phù hợp và sử dụng kiểm tra hành khách.

* Máy không phát tín hiệu báo động dừng sử dụng.

Bước 3: Ghi chép kết quả Sổ kiểm tra máy dò kim loại cầm tay.

Phụ lục XXII

MẪU THẺ GIÁM SÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thẻ giám sát an ninh hàng không có kích thước thẻ 8,5 cm x 5,3 cm, nền thẻ có hoa văn trắng, xanh, biểu tượng Cục Hàng không Việt Nam ở giữa; phần tiêu đề trên cùng màu xanh.

2. Mặt trước thẻ có ảnh, họ và tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác của giám sát viên; số thẻ; thời gian hiệu lực và chữ ký của người được cấp thẻ (tiếng Việt và tiếng Anh).

3. Mặt sau của Thẻ ghi quyền hạn của người được cấp thẻ (tiếng Việt và tiếng Anh); có dấu và chữ ký của Thủ trưởng cơ quan cấp thẻ.

A. Mặt trước thẻ

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM		THẺ GIÁM SÁT AN NINH HÀNG KHÔNG AVIATION SECURITY INSPECTOR CARD	
Ảnh	Họ/Surname	Tên/Given name	
	Giới tính/Sex	Quốc tịch/Nationality	Ngày sinh/Date of birth
	Đơn vị/Employed by	Lĩnh vực giám sát/Occupation	
	Số thẻ/No.	Ngày hết hạn/Date of Expiry	
	CAAV.GSAN		
Chữ ký của người được cấp thẻ Signature of holder		Vạch chéo màu đỏ	Vạch chéo màu đỏ

Tên cơ quan và
tên thẻ chữ
trắng trên nền
xanh nước biển

Nội dung chữ đen, đè trên
biểu tượng của Cục HKVN
màu xanh nhạt với hình
sóng lan toả toàn bộ thẻ
trên nền mà trắng (trừ phần
tên cơ quan và tên thẻ)

B. Mặt sau thẻ

Chữ màu đen
trên nền trắng

QUYỀN HẠN

Người mang thẻ này được quyền: (1) Kiểm tra, giám sát, thử nghiệm, đánh giá các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không. (2) Tiếp cận và vào bất kỳ khu vực hạn chế, phương tiện, thiết bị, tàu bay thuộc phạm vi giám sát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam. (3) Yêu cầu xuất trình và sao chụp tài liệu có liên quan, đình chỉ các hành vi uy hiếp an ninh hàng không. (4) Người mang thẻ này khi thực hiện nhiệm vụ phải xuất trình thẻ còn hiệu lực.

AUTHORITY AND POWERS

The bearer of this card is authorized to: (1) Inspect, monitor, test and evaluate aviation security measures. (2) Approach and access restricted areas, facilities, equipment, and aircraft which are under the supervision of CAAV aviation security. (3) Request relevant documents from others, make copies of those documents, and stop acts that threaten aviation security. (4) The bearer of this card must wear the card when on duty (and the card must be valid at the time).

CỤC TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục XXIII
BÁO CÁO SƠ BỘ VỀ HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 14/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Các thông tin cung cấp trong báo cáo này là hạn chế và chi phí biến cho những người có thẩm quyền



BÁO CÁO SƠ BỘ
Về một hành vi can thiệp bất hợp pháp

Hồ sơ số:

Thời gian báo cáo:

(ngày/ tháng/ năm)

- a) Hành vi chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp
- b) Hành vi định chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp
- c) Hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn HKDD
- d) Hành vi bất hợp pháp dự định chống lại an toàn HKDD
- e) Các hành vi can thiệp bất hợp pháp khác

A. Các thông tin chung

- 1. Quốc gia cung cấp báo cáo
- 2. Thời gian xảy ra sự việc

(Ngày/ tháng/ năm)

- 3. Thời điểm xảy ra sự việc

(giờ địa phương tính theo 24 giờ)

- 4. Khoảng thời gian xảy ra sự việc

B. Các chi tiết của hành vi can thiệp bất hợp pháp

- 1. Thông tin về chuyến bay
- Ngày khởi hành của chuyến bay

(ngày/ tháng/ năm)

- Giờ khởi hành của chuyến bay

(giờ địa phương- tính theo 24 giờ)

- Số hiệu chuyến bay
- Loại tàu bay.....
- Nhà khai thác
- Số lượng hành khách.....
- Số lượng tổ bay
- Nhân viên an ninh bảo vệ trên chuyến bay (nếu có)

Số lượng kẻ phạm tội

Loại chuyến bay (thường lệ, thuê chuyến v.v..)

Sân bay khởi hành:

Tên Quốc gia

Nơi đến theo dự định:

Tên Quốc gia

Nơi bay tránh (bao gồm cả nơi đến cuối cùng)

Tên Quốc gia

Tên Quốc gia

Tên Quốc gia.....

Tên Quốc gia.....

2. Sân bay mà ở đó thiết bị/chất phá hoại (được cho rằng) đã đưa lên tàu bay

3. Các tòa nhà và trang thiết bị của sân bay chịu ảnh hưởng

4. Tóm tắt sự việc xảy ra (gồm vị trí của sự việc thời gian và thời điểm)

5. Các hành động để đảm bảo giải phóng hành khách và tổ bay, bao gồm các biện pháp để làm tạo thuận lợi cho việc tiếp tục hành trình của họ, nếu có.

6. Hành động trả lại tàu bay và hàng hoá cho những người có quyền sở hữu hợp pháp, nếu có

7. Các kẻ phạm pháp đã phá vỡ các biện pháp an ninh tại chỗ như thế nào, bằng cách sử dụng:

Vũ lực Cách khác

Mô tả tóm tắt:

8. Những biện pháp và thủ tục mới nào sẽ được thực hiện dự tính để ngăn chặn sự lặp lại của sự việc tương tự.

9. Hành động của các cơ quan thẩm quyền được thực hiện để bắt giữ bọn tội phạm và những biện pháp được thực hiện để bảo đảm sự có mặt của chúng.

C. Các thông tin bổ sung khác

.....
.....
.....

Tên

.....

Chức danh

.....

Cơ quan

- Báo cáo này theo yêu cầu của Phụ ước 17 của ICAO, Mục 11 của Công ước La-hay, Điều 13 của Công ước Mông-rê-an
- Báo cáo này được hoàn thành và gửi tới ICAO trong vòng ba mươi ngày kể từ khi xảy ra sự việc với các thông tin phù hợp.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục XXIV
BÁO CÁO CHÍNH THỨC VỀ HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Các thông tin cung cấp trong báo cáo này là hạn chế và chỉ phổ biến cho những người có thẩm quyền



BÁO CÁO CUỐI CÙNG
Về hành vi can thiệp bất hợp pháp

Hồ sơ số:

Ngày..... / tháng... /năm

Đánh dấu

- a) Hành vi chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp
- b) Hành vi định chiếm đoạt tàu bay bất hợp pháp
- c) Hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn HKDD
- d) Hành vi bất hợp pháp dự định chống lại an toàn HKDD
- e) Hành vi can thiệp bất hợp pháp khác

Phần I: Các thông tin về sự cố

A. Các thông tin chung

1. Quốc gia cung cấp báo cáo
2. Thời gian xảy ra sự cố
- (Ngày/ tháng/ năm)
3. Thời điểm xảy ra sự cố
- (giờ địa phương tính theo 24 giờ)
4. Khoảng thời gian xảy ra sự cố

B. Các chi tiết của hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Thông tin về chuyến bay

Ngày khởi hành của chuyến bay

(ngày/ tháng/ năm)

Giờ khởi hành của chuyến bay

(giờ địa phương- tính theo 24 giờ)

Số hiệu chuyến bay

Loại tàu bay.....

Nhà khai thác

Số lượng hành khách.....

Số lượng tổ bay

Nhân viên an ninh trên chuyến bay (nếu có)

Số lượng kẻ phạm tội

Loại chuyến bay (thường lệ, thuê chuyến v.v..)

Sân bay khởi hành:

Tên Quốc gia

Nơi đến theo dự định:

Tên Quốc gia

2. Tàu bay

Quốc gia đăng ký

Số hiệu đăng ký

Loại tàu bay

Sân bay mà ở đó thiết bị/chất phá hoại (được cho rằng) đã đưa lên tàu bay

.....

3. Các công trình hoặc trang thiết bị của sân bay bị ảnh hưởng

.....

.....

C. Sự việc

1. Vị trí của tàu bay

Trên mặt đất

Đang bay

2. Trang thiết bị mặt đất

Trong sân bay

Ngoài sân bay

2. Vũ khí/thiết bị

Mô tả

Thật

Giả

Vũ khí 1

Vũ khí 2

Vũ khí 3

Vũ khí 4

Vũ khí 5

Thuốc nổ

Chất cháy

Loại khác (mô tả)

.....

.....

3. Thông tin liên lạc

3.1 Nguồn đe dọa

Thông báo viết tay

Gọi điện thoại

Cách khác (mô tả)

.....

.....

3.2 Người nhận tin

Tổ bay

Tổ tiếp viên

Nhân viên mặt đất của hãng hàng không

Hành khách

Người khác (mô tả)

.....

.....

3.3 Những đòi hỏi cụ thể ?

Có Không

.....

.....

3.4 Người truyền đạt các đòi hỏi đến nhà chức trách ở mặt đất

Có Không

Phi công ?

Kẻ tội phạm ?

Người khác (mô tả)

.....

4. Các biện pháp ứng phó

4.1 Có nỗ lực nào ngăn chặn hành động của kẻ tội phạm không? Có Không

4.2 Nếu có, thì bằng cách nào?
 Thương lượng Vũ lực Cách khác

4.3 Kết quả
 Thành công Không thành công

4.4 Kẻ tội phạm có vào buồng lái không? Có Không

Nếu có, mô tả

4.5 Các thành viên của tổ bay có danh mục kiểm tra bom không? Có Không

4.6 Thành viên của tổ bay có quen thuộc với vị trí đặt bom ít bị hư hại nhất không?

5.7. Kẻ tội phạm có:

- Kiến thức kỹ thuật về hoạt động của tàu bay không?
- Quen thuộc với thiết kế của tàu bay?
- Kiến thức về sân bay hoặc các phương tiện dẫn đường chính?

Nếu có yêu cầu giải thích

5. Nơi tránh của tàu bay (Yêu cầu trả lời chi khi tàu bay bay tránh)

5.1 Thống kê các sân bay theo thứ tự về thời gian

Sân bay	Nước	Thời gian và thời điểm đến	Thời gian và hạ cánh	Được phép
		điểm đi		<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
a/				<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
b/				<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
c/				<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
d/				<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
e/				<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

5.2. Có đủ nhiên liệu để đến tất cả các nơi đã được phép?

liệt kê dưới đây Có Không

a/

b/

c/

d/

e/

Nếu có, mô tả

5.3 Tổ lái có các bản đồ cần thiết phù hợp của các nơi đến?

Thống kê dưới đây Có Không

a/

- b/.....
- c/.....
- d/.....
- e/.....

Nếu có, mô tả

.....

.....

5.4 Có hành khách nào được phép rời tàu bay tại một sân bay nào đó không? Thống kê sân bay theo thứ tự thời gian

Sân bay	Có Không
a/	<input type="checkbox"/>
b/	<input type="checkbox"/>
c/	<input type="checkbox"/>
d/	<input type="checkbox"/>
e/	<input type="checkbox"/>

Nếu có, mô tả

.....

.....

5.5 Có hành động tại sân bay nào đó để giải quyết sự cố không ?

Thống kê dưới đây

Sân bay	Có Không
a/	<input type="checkbox"/>
b/	<input type="checkbox"/>
c/	<input type="checkbox"/>
d/	<input type="checkbox"/>
e/	<input type="checkbox"/>

Nếu có, mô tả

.....

.....

5.6 Có tiến hành bảo dưỡng tại sân bay nào đó không ? Thống kê dưới đây:

Sân bay	Có Không
a/	<input type="checkbox"/>
b/	<input type="checkbox"/>
c/	<input type="checkbox"/>
d/	<input type="checkbox"/>
e/	<input type="checkbox"/>

Nếu có, mô tả

.....

.....

D. Những kẻ tội phạm

Tổng số những kẻ tội phạm

1. Tên (nam/ nữ)

Bí danh

Ngày sinh Nơi sinh Quốc tịch

(ngày/ tháng/ năm)

Sân bay lên tàu bay

Tên Nước

Kẻ tội phạm vào được tàu bay/ công trình như thế nào ?

.....

.....

2. Tên (nam/ nữ)
Bí danh
Ngày sinh Nơi sinhQuốc tịch
(ngày/ tháng/ năm)
Sân bay lên tàu bay
Tên Nước
Kẻ tội phạm vào được tàu bay/công trình như thế nào ?
.....
.....

3. Tên (nam/ nữ)
Bí danh
Ngày sinh Nơi sinhQuốc tịch
(ngày/ tháng/ năm)
Sân bay lên tàu bay
Tên Nước
Kẻ tội phạm vào được tàu bay/công trình như thế nào ?
.....
.....

E. An ninh sân bay

Có Không

1. Sân bay nơi kẻ tội phạm lên tàu bay có chương trình an ninh sân bay ?
2. Chương trình an ninh có qui định sự bảo vệ đối với khu bay (như hàng rào, người bảo vệ, công được khóa, tuần tra, hệ thống nhận diện v.v...) không ?
3. Có các thẻ nhận dạng được cấp cho các nhân viên mặt đất và các dịch vụ hỗ trợ có được xem xét thường xuyên không ?
4. Kiểm tra/soi chiếu hành khách, tổ lái và hành lý xách tay:
 - a/ Tất cả hành khách và hành lý xách tay có phải chịu sự kiểm tra/ soi chiếu đối với tất cả các chuyến bay quốc tế không ?
 - b/ Tất cả hành khách và hành lý xách tay có phải chịu sự kiểm tra/ soi chiếu đối với tất cả các chuyến bay trong nước không?
 - c/ Các thành viên của tổ lái có chịu sự kiểm tra an ninh không?
 - d/ Tất cả hành khách và hành lý xách tay của họ đã qua kiểm tra/ soi chiếu có được kiểm tra lại trước khi lên tàu bay nếu chúng để lẫn hoặc tiếp xúc với những người chưa qua kiểm tra/soi chiếu không?
5. Hệ thống kiểm tra/soi chiếu được sử dụng.
 - Soi chiếu tại cửa (lối vào trực tiếp đến tàu bay)
 - Soi chiếu khu cách ly nhỏ trước khi lên tàu bay bay
 - Soi chiếu phòng chờ lớn

6. Hệ thống kiểm tra an ninh được sử dụng :

Thiết bị phát hiện kim loại:

- Công từ
- Thiết bị cầm tay
- Thiết bị soi chiếu tia X
- Kiểm tra bằng tay
- Loại khác

7. Hoạt động của các thiết bị phát hiện kim loại và các máy tia X gần đây có được kiểm tra sử dụng đồ vật thử nghiệm không ?

8. Có huấn luyện đều đặn với các nhân viên an ninh sử dụng máy phát hiện kim loại và máy tia X không ?

9. Đối chiếu hành lý :

a/ Có thực hiện việc cân đối số lượng hành khách đã làm thủ tục với số lượng hành lý được đưa lên tàu bay không ?

b/ Có thủ tục ở như điểm a/ trên đối với các hành khách nội chuyển và các hành lý ký gửi liên chặng của họ không ?

10. Những kẻ tội phạm có chống lại các biện pháp an ninh tại chỗ bằng cách sử dụng:

Sức mạnh

Cách khác

Mô tả tóm tắt

.....

.....

11. Các biện pháp và thủ tục mới nào sẽ được thực hiện hoặc dự tính sẽ thực hiện để ngăn chặn sự cố tương tự tái diễn ?

.....

.....

F. Kết thúc sự cố

1. Vị thế của người thương lượng (giải thích nếu người đàm phán có quyền quyết định hoặc chỉ hành động như người trung gian)

.....

.....

2. Sân bay/ tàu bay

Số lượng những người bị ảnh hưởng :

	Bị chết	Bị thương
Tổ lái
Hành khách
Tội phạm
Những người khác

3. Hoàn cảnh chết và bị thương

.....

.....

4. Thiệt hại đối với tàu bay/trang thiết bị sân bay (mô tả sơ lược bao gồm giá trị tổn thất, thời gian đã mất, và các chuyến bay bị ảnh hưởng)

.....

.....
5. Cung cấp bất cứ thông tin bổ sung nào liên quan đến sự đối phó với các thủ tục an ninh trong quá trình xảy ra sự cố.
.....
.....

Phần II: Các thông tin liên quan đến các hành động đã thực hiện để giải phóng hành khách và tổ lái và trả lại tàu bay, nếu có thể

1. Hành động đã thực hiện để giải phóng hành khách và tổ lái:
.....
.....

2. Hành động đã thực hiện để tạo điều kiện cho việc tiếp tục cuộc hành trình của hành khách và tổ lái càng sớm càng tốt:
.....
.....

3. Hành động đã thực hiện để trả lại tàu bay và hàng hoá của nó, không chậm trễ, cho những người có quyền sở hữu hợp pháp:
.....
.....

Phần III: Thông tin liên quan đến các biện pháp được thực hiện đối với những kẻ tội phạm

1. Hành động của các cơ quan có thẩm quyền trong việc bắt giữ những kẻ tội phạm và những biện pháp được thực hiện khác để bảo đảm có sự hiện diện của kẻ tội phạm:
.....
.....

2. Hành động được thực hiện để tiến hành các thủ tục dẫn độ hoặc đệ trình trường hợp này đến các cơ quan có thẩm quyền để truy tố; thông báo về kết quả của các thủ tục như vậy, nếu có (mặt khác, cung cấp các thông tin như vậy một cách riêng rẽ một cách sớm nhất).
.....
.....

Phần IV: Các thông tin bổ sung có liên quan khác
.....
.....
.....
.....

Tên
.....

Chức danh
.....

Cơ quan

- Báo cáo này theo yêu cầu của Phụ lục 17, Mục 11 của Công ước La-hay, Điều 13 Công ước Montréal

- Báo cáo này được hoàn thành và gửi tới ICAO trong vòng sáu mươi ngày kể từ khi xảy ra sự cố với các thông tin liên quan.

Phụ lục XXV
MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM

(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

(Địa danh.....), ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN VI PHẠM

về

Hôm nay, vào hồi.....giờ..... ngày..... tháng năm..... tại

I. Chúng tôi gồm:

1. Ho và tên:.....Chức vụ:

2. Họ và tên..... Chức vụ:

II. Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):

- Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp: ; Nơi cấp:.....

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ:

- Địa chỉ thường trú:

- Giấy chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: ; Nơi cấp:.....

III. Tiến hành lập biên bản vi phạm đối với :

1. Ông (bà): Nghề nghiệp: Giới tính.....;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):

- Đơn vị công tác.....

- Sinh ngày.....tháng.....năm.....

- Giấy chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại

- Quốc tịch.....

IV Nội dung sự việc vi phạm:

- Ghi rõ nội dung vi phạm, Các hành vi vi phạm, diễn biến sự việc vi phạm

- Ghi rõ các thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra, người, cơ quan bị thiệt hại, họ tên, địa chỉ của họ

- Liệt kê tang vật, phương tiện, vi phạm các loại tài liệu và giấy tờ liên quan bị tạm giữ

V. Theo yêu cầu của Cảnh vụ hàng không để xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, quyết định chuyển giao người, phương tiện, tang vật vi phạm cho để giải quyết theo thẩm quyền.

Biên bản gồm trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại¹, một bản giao cho người vi phạm, một bản giao cho Cảnh vụ hàng không một bản giao cho²

Biên bản này đã được đọc lại cho người vi phạm, người làm chứng cùng nghe và đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản).

Người vi phạm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

- Người vi phạm không ký biên bản vì:

.....

- Người làm chứng không ký biên bản vì:

.....

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Công ty dịch vụ an ninh hàng không đối với biên bản do lực lượng an ninh hàng không của doanh nghiệp Cảnh lập, đối với các doanh nghiệp khác thì ghi Đơn vị Phòng hoặc Đội, Tổ bảo vệ theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

² Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảnh vụ, như Đoàn Công an, Hải quan cửa khẩu, Công an Phường

MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBBG

Địa danh....., ngày tháng năm 200...

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Vụ việc:.....

Vào hồi giờ ngày ... tháng..... năm 200.....

Tại, theo yêu cầu của Cảnh vụ hàng không.....

1. Đại diện bên giao

- Ông (bà) Chức vụ

- Đơn vị:

2. Đại diện bên nhận

- Ông (bà) Chức vụ

- Đơn vị:

Hai bên cùng nhau tiến hành bàn giao như sau:

I. Bàn giao người vi phạm:

1. Ông (bà): Nghề nghiệp: Giới tính.....;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):

- Đơn vị công tác.....

- Sinh ngày.....tháng.....năm.....

- Giấy chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại

- Quốc tịch.....

- Tình trạng sức khỏe:

2. Ông (bà): Nghề nghiệp: Giới tính.....;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):

- Đơn vị công tác.....

- Sinh ngày.....tháng.....năm.....

- Giấy chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại

- Quốc tịch.....

- Tình trạng sức khỏe:

3.

II. Bàn giao phương tiện, tang vật, tài sản:

Liệt kê theo thứ tự các phương tiện, tang vật, tài sản, tài liệu , v. v....

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản gồm trang, được lập xong hồi giờ cùng ngày
gồm bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại¹,
một bản giao cho Cảnh vụ hàng không..... một bản giao cho²

Biên bản này đã được đọc lại cho đại diện bên giao và bên nhận cùng nghe,
đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên
bản).

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảnh vụ³

(Ký ghi rõ họ tên)

¹ Công ty dịch vụ an ninh hàng không đối với biên bản do lực lượng an ninh hàng không của doanh nghiệp Cảnh lập, đối với các doanh nghiệp khác thì ghi Đơn vị Phòng hoặc Đội, Tổ bảo vệ theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

² Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảnh vụ hàng không, như Đồn Công an....., Hải quan cửa khẩu,

³ Cảnh vụ ký vào mục này trong trường hợp nơi nhận bàn giao không phải là Cảnh vụ, Cảnh vụ nhận bàn giao thì ký vào Đại diện bên nhận.

MẪU BÁO CÁO BAN ĐẦU

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Địa danh....., ngày.....tháng..... năm

Kính gửi: - Cục Hàng không Việt Nam

(Phòng An ninh hàng không)

BÁO CÁO BAN ĐẦU

Vụ việc:

1. Tóm tắt diễn biến vụ việc và hậu quả tác hại:

(Thời gian, địa điểm, trình tự diễn biến sự việc, hậu quả tác hại

.....

2. Đối tượng vi phạm:

- Họ và tên: Nam, nữ Quốc tịch.....

Địa chỉ thường trú:

Hộ chiếu, CMTND..... Số: Nơi cấp

- Họ và tên: Nam, nữ Quốc tịch

Địa chỉ thường trú:

Hộ chiếu, CMTND,..... Số: Nơi cấp

3. Các biện pháp đã và đang làm:

(Lập biên bản, thu giữ giấy tờ tùy thân, Thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép nhân viên hàng không, giữ người, đồ vật, phương tiện vi phạm, lấy lời khai nhân chứng, người vi phạm và những người liên quan)

.....

4. Đánh giá nhận xét:

(Về tính chất, mức độ vi phạm, Vi phạm vào điều khoản nào của quy định nào, Dự kiến xử phạt)

5. Ý kiến đề xuất:

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ.....

Nơi nhận:

-

-

- Lưu

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Địa danh , ngày.....tháng..... năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ

Vụ việc:

Tiếp theo báo cáo ban đầu về vụ việc vi phạm số: /..... Ngày tháng.....năm 20.... Cảng vụ hàng không báo cáo kết quả xử lý cuối cùng như sau:

1. Diễn biến vụ việc sau khi điều tra xác minh làm rõ:

(Nếu kết quả điều tra, xác minh làm rõ như báo cáo ban đầu thì chỉ cần ghi diễn biến như đã nêu trong báo cáo ban đầu. Nếu có những thay đổi thì nêu rõ, cụ thể những thay đổi.....)

2. Biện pháp xử lý:

(Nêu rõ các biện pháp áp dụng xử lý đối với cá nhân, tổ chức vi phạm như Xử phạt vi phạm hành chính, thu giữ phương tiện, giấy tờ.....)
.....

3. Các khuyến cáo yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan khắc phục sơ hở, thiếu sót:

(Nêu cụ thể từng nội dung khuyến cáo các nhân tổ chức, đơn vị phải thực hiện khắc phục, thời gian khắc phục)
.....
.....

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ.....

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ban An ninh hàng không,
- Thanh tra hàng không,
-
- Lưu

Phụ lục XXVI
TÚI ĐỰNG CHẤT LỎNG
ĐƯỢC PHÉP MANG THEO NGƯỜI, HÀNH LÝ XÁCH TAY
(Kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 04/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Túi đựng 1000ml chất lỏng hành khách mua ngoài khu vực cách ly

1.1 Túi nhựa trong suốt; kích cỡ túi đựng đủ chứa không quá 10 lọ 100ml (không quá 25cm x 20cm).

1.2. Miệng túi có thể mở ra đóng lại được để phục vụ cho việc kiểm tra tại điểm soi chiếu.

2. Túi đựng chất lỏng mua tại cửa hàng miễn thuế trong khu vực cách ly

2.1. Vật liệu để sản xuất túi:

a) Trong suốt (sử dụng chất liệu nhựa pô-ly-me mềm chịu lực tốt, hoặc vật liệu tương tự);

b) Kích cỡ tùy theo yêu cầu; độ dày tối thiểu 50 mi-crô-mét.

2.2. Miệng túi: có dải băng dính miệng túi có độ dính cao, rộng tối thiểu 30mm, có các họa tiết chìm; đường lót dải băng dính rộng tối thiểu 40 mm; khi bóc dải băng dính sẽ rách hỏng và các họa tiết chìm sẽ hiện lên.

2.3. Cạnh và đáy túi: đường viền cạnh và đáy túi màu đỏ, có kích thước trên 15 mm, in dòng chữ “Không được mở”, hoặc tên cảng hàng không, hoặc những thông tin, họa tiết dọc theo đường viền với khổ chữ tối thiểu 5mm.

2.4. Mặt trước túi:

a) Biểu tượng an ninh màu xanh lá cây ở giữa túi;

b) Dòng chữ in màu đỏ ở đáy túi: “Không được mở cho đến hết hành trình - Nếu túi bị hỏng niêm phong, hàng hoá trong túi có thể bị tịch thu”.

c) Phía trên miệng túi có 03 chữ VNM đối với túi của cửa hàng miễn thuế; Mã quốc tế của hãng hàng không đối với túi bán hàng miễn thuế trên tàu bay;

d) Tên của nhà sản xuất túi; hoặc mã của nhà sản xuất đã đăng ký với ICAO;

đ) Số xê-ri kiểm soát.

2.5. Phần túi nhỏ đựng hoá đơn/biên lai có kích cỡ phù hợp với cỡ hoá đơn/biên lai nằm bên trong túi, ở vị trí dễ thấy bên trái phía trên túi (có thể thay bằng một túi nhỏ để rời).

Mã Việt Nam
VNM
Tên hoặc mã
nhà sản xuất

Số
xê-ri

Inventory / Security
code

State (XXX) / Manufacturer (in full or ICAO code)

DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN

Receipt
place
(inside bag)

Chỗ đựng biên
lại, hoá đơn

Dải băng
dính

Biểu tượng
an ninh

DO NOT OPEN - or the name of the airport or any other continuous message or design over the edge of bag

DO NOT OPEN - or the name of the airport or any other continuous message or design over the edge of bag

Do not open until final destination

Contents may be confiscated if bag is tampered with

DO NOT OPEN - or Name of the Airport - or any other continuous message or design